

55 ngày chế độ Sài Gòn sụp đổ

Sachvui.Com

Alan Dawson
Cao Minh (trích dịch)
NXB Sự thật 1990

Nguồn: hosotulieu.wordpress.com

Mục lục

Vài lời của tác giả

Hoả tốc...

Chương 1. Mở màn

Chương 2. Lỗi lầm chí tử

Chương 3. Cuộc rút chạy bất đầu

Chương 4. Phút cuối của giai đoạn mở màn: đánh chiếm Huế

Chương 5. Phút mở màn của giai đoạn cuối: mất Đà Nẵng

Chương 6. Mọi việc vẫn ổn định

Chương 7. Tuyển phòng thủ và trẻ em

Chương 8. Cái hố tử thủ

Chương 9. Kẻ cầm đầu chế độ

Chương 10. "Gút bai ông Mỹ!"

Chương 11. "Người Mỹ các ông..."

Chương 12. Trước lúc đầu hàng

Chương 13. ...Cám ơn!

Lời kết thúc

Vài lời của tác giả

Quyển sách này viết dựa trên sự việc thật. Cách giải thích sự kiện là của riêng tôi.

Tôi đã tự tiện trong hai trường hợp. Trường hợp thứ nhất là cách dùng tên. Nhiều người Nam Việt Nam trong phe chiến bại yêu cầu tôi dùng tên thật của họ trong các bản tin sau “ngày giải phóng”. Điều ấy tôi không làm ở đây. Các viên chức và chiến sĩ cộng sản và viên chức cao cấp Sài Gòn đều được ghi bằng tên thật của họ.

Trường hợp tự tiện thứ hai là trong một số hoàn cảnh cần phải cô lại các sự kiện đã diễn ra ở một nơi nào đó và phải cho chúng diễn ra với một nhân vật. Binh nhì Đức của thủy quân lục chiến là trường hợp điển hình. Mọi sự kiện, thời gian đều đúng nhưng đôi khi không diễn ra với Đức.

Sẽ có những người trong chính quyền mới ở Nam Việt Nam tức giận về những từ ngữ dùng trong sách. Tôi đã sử dụng cách nói thông thường của báo chí. Tôi biết từ Việt Cộng, cộng sản... làm họ khó chịu. Nhưng đấy là cách mà thế giới hiểu về họ.

...

Alan Dawson

Hoả tốc...
Chính phủ Sài Gòn đầu hàng

Trong nghề đưa tin, một bức điện hoả tốc là lời thỉnh cầu hành động. Nó cắt ngang bất kỳ một bản tin nào đang chuyển trên máy têlêtip. Chuông của máy reo mười lần, một dấu hiệu làm thót bụng phòng nhận tin ở bất cứ nước nào trên thế giới. Điện hoả tốc không phải là một bản tin. Nó là một đầu đề, chỉ có vài chữ báo hiệu một sự kiện trọng đại. Cuộc ám sát một tổng thống Mỹ được xếp loại tin hoả tốc. Và lúc kết thúc chiến tranh Việt Nam cũng vậy.

Khi Dương Văn Minh đang nói, phóng viên UPI đánh máy ngay một điện hoả tốc và trao nó cho nhân viên điều khiển máy têlêtip. 40 giây sau, chuông của 7.500 máy têlêtip vòng quanh thế giới reo lên 10 lần. Đám đông tụ tập lại trước mỗi máy và đây là cái họ đọc được:

“ZCZC VHAO 25 NXI

Hoả tốc...

Sài Gòn-Chính phủ Sài Gòn đầu hàng.

NTL 1021 Sáng”.

Một điện hoả tốc luôn luôn được lặp lại để tránh trường hợp bị nhầm lẫn hoặc giả mạo. Sau đó 60 giây là một bản tin, như sau:

“ZCZ NNN

Bản tin...

Hoà bình-30/4

của Alan Dawson

Sài Gòn-30 tháng 4 (UPI) Tổng thống Dương Văn Minh hôm nay ra thông báo Nam Việt Nam đầu hàng và ra lệnh binh sĩ thuộc chính quyền ngừng chiến đấu.

NTL 1022 Sáng”.

Nổi kinh hoàng bị kiềm chế trong bản tin giật gân nhất của thập kỷ... Lẽ tất nhiên hầu hết phản ứng ở Sài Gòn khác nhau khi dân chúng chuẩn bị sẵn sàng để đón sự kết thúc. Trong vòng 30 phút tiếng súng lẻ tẻ trên đường phố biến mất. Phần lớn tiếng súng ở khu phố trung tâm là bắn chỉ thiên của kẻ cướp uy hiếp nạn nhân hoặc của những người đuổi theo bọn cướp giật. Bản thân bọn cướp cũng phải vét mẻ cuối cùng và đi thẳng về nhà.

Các cửa thường và cửa sắt đều được khóa lại. Ngay cả những chủ tiệm và chủ nhà hàng người Pháp ở Sài Gòn cũng đem bàn ghế vào nhà. Im lặng bao trùm thành phố.

Tại Cần Thơ, tướng ba sao Nguyễn Khoa Nam, tư lệnh quân đoàn 4 và đồng bằng sông Cửu Long cuối cùng phải nhận ra mất hết cả rồi khi ông ta nghe bản tin phát thanh của Minh. Chiến trường vùng châu thổ ít sôi động trong suốt cuộc tiến công. Bắc Việt Nam chọn lối đánh chớp nhoáng từ Tây sang Đông và tiến từ Bắc xuống Nam, tới tận Sài Gòn. Trong vòng 30 phút sau bài diễn văn của Minh và lệnh đầu hàng, Nam đã đưa khẩu súng ngắn “côn 45” vào miệng rồi bóp cò và chết ngay tức khắc.

Những người lính dù, biệt động quân chiến bại, cay đắng từ phía Bắc và phía Tây vào thành phố. Họ nổi giận, dù không tỏ vẻ kinh hoàng, sẵn sàng cướp giật và trong nhiều trường hợp, sẵn sàng giết người nước ngoài. Thái độ họ bắt đầu thay đổi, phần lớn muốn vứt bỏ tất cả dấu vết có dính líu đến quân đội. Trên một phố chính của Sài Gòn, đường Tự Do nơi mà trong nhiều năm qua lính Mỹ đã chận ních trong các quán rượu và tiệm ăn, binh sĩ cởi quân phục và lập tức trở thành thường dân. Nửa tá lính nhảy dù cởi bộ đồ trận rằn ri của họ, ném súng và đạn xuống đất rồi chạy trốn đến nơi nào chẳng ai biết được. Quần áo dân sự bấy nay cất kín trong ba lô, lúc này là thời điểm dùng đến. Cho nên, khi đến nơi, quân đội Bắc Việt Nam đã nhận thấy ít binh sĩ mặc quân phục ra đầu hàng.



Như thường lệ, cảnh sát vẫn đi trước binh sĩ trong việc bỏ nhiệm sở. Tại một số bót cảnh sát đã có cờ trắng. Sĩ quan cảnh sát hút xăng ra khỏi các xe Jeeps đổ vào xe gắn máy của họ, rồi về nhà. Cảnh sát luôn luôn có áo quần dân sự để thay đổi.

Trong im lặng, Sài Gòn chờ đợi những người cầm quyền mới, trừ một bộ phận dân chúng và Việt Cộng nằm vùng đang sung sướng tưởng có thể phát điên.

Tại “Dinh Độc Lập”, trong lúc chờ đợi đầu hàng, Minh lớn có vẻ ủ rũ, trầm ngâm và hai má hóp lại. Những người thân tín của Minh cũng thế. Những chiếc xe tăng Bắc Việt Nam xuất hiện và phá toang cổng dinh. Máy người lính cộng sản tìm thấy cầu thang lên bao lơn sân thượng, lật bỏ lá cờ vàng sọc đỏ của “Việt Nam Cộng hoà” và kéo lên thay bằng lá cờ xanh đỏ sao vàng của Cộng hoà miền Nam Việt Nam. Họ kéo vào văn phòng mà ngày trước Thiệu sử dụng. Họ ngồi xuống ghế. Một người trong số đó đặt hai chân lên bàn làm việc của người tổng thống cũ - dấu hiệu tột cùng của sự khinh bỉ - và để một nhà nhiếp ảnh chụp hình.



Tướng Hạnh cũng bàn giao Bộ tổng tham mưu và dẫn lấy người đại úy Việt Cộng đến “giải phóng” toà nhà. Khoảng ba tá lính bảo vệ còn lại ở dinh được lệnh sắp hàng bên trong đội hình của xe tăng Bắc Việt Nam. Họ được chỉ dẫn đưa vũ khí lên không trung, kéo khoá an toàn và bóp cò. Một cách tượng trưng, đó là những phát súng cuối cùng của cuộc chiến tranh Việt Nam.

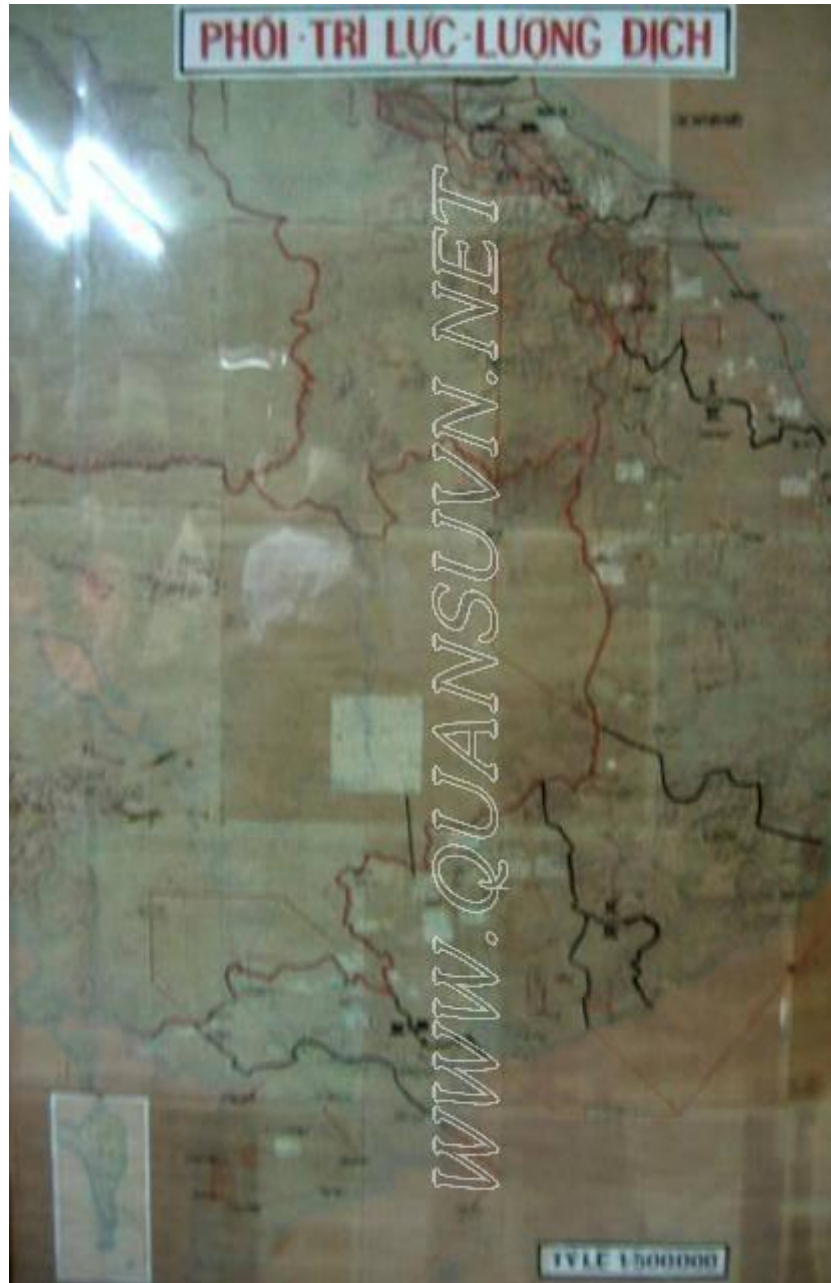
Chương 1. Mở màn

Trụ sở cơ quan tình báo trung ương Nam Việt Nam được đặt tại bờ sông Sài Gòn, cùng một phía với Bộ tư lệnh hải quân. Từ các cửa sổ của nó, người ta có thể nhìn thấy một quảng trường lớn, với một pho tượng đồ sộ, tượng Trần Hưng Đạo, “Thánh tổ” của hải quân Nam Việt Nam.

Trong 5 năm, trung sĩ lục quân Lê Tăng đã làm việc tại một số phòng thuộc loại bí mật nhất của Phủ đặc uỷ trung ương tình báo. Những phòng này được canh giữ nghiêm mật bởi những lính quân cảnh hoàn toàn tin cậy.

Một trong những công việc của trung sĩ Tăng là chọn lọc báo cáo của các nhân viên tình báo chiến trường và các đội quân dã chiến. Anh ta cùng với một số ít chuyên viên tình báo khác chọn lọc báo cáo, cố gắng phân biệt tin thật với tin giả, nhận ra những cuộc chuyển quân của Việt Cộng và Bắc Việt Nam qua lại trong 44 tỉnh của Nam Việt Nam. Có giá trị hơn hết bất cứ loại tin tình báo nào khác mà các viên chức Sài Gòn nắm trong tay, những tin tức chuyển quân chính là dấu hiệu để đoán xem cộng sản sẽ tấn công ở nơi nào và đôi khi đoán được cả vào lúc nào.

Phạm vi chuyên môn của trung sĩ Tăng là vùng Sài Gòn, nhưng đến cuối tháng 1-1975, anh ta nắm luôn công việc đánh dấu trên sơ đồ sự chuyển quân của Bắc Việt Nam ở vùng Tây Nguyên, cách Sài Gòn hơn 200 dặm.



Bản đồ dưới hầm ngầm dinh Độc Lập.

Tăng và các nhà phân tích báo cáo từ nhiều nguồn tin khác nhau trên nguyên tắc - và ngay cả cấp trên họ - không được biết xuất xứ. Giống như tình báo CIA Mỹ, tình báo Nam Việt Nam cũng chỉ phân phối tin tức một cách rất hạn chế. Tăng có được báo cáo và không cần biết nguồn tin. Nhưng trải qua nhiều năm, anh ta đã đoán được xuất xứ của báo cáo, bằng cách học được lối nhận ra một số mật danh, mật hiệu và cách hành văn, đoán xem báo cáo là của nhân viên tình báo hay của những người chỉ huy các toán quân.

Một việc không bình thường đã xảy ra trong bộ phận của Tăng vào đầu tháng 2-1975 là trên bàn làm việc của anh ta bắt đầu xuất hiện những báo cáo tình báo không đi qua hệ thống chuyển tin thường lệ. Lần lượt, nội dung những báo cáo này đã được dùng để thiết lập bản đồ tác chiến trong phủ tình báo rồi sau đó ở Bộ tổng tham mưu, dinh tổng thống, các cơ sở chỉ huy quân đoàn, đại sứ quán Mỹ và sở chỉ huy quân đội Hoa Kỳ. Người ta còn nói rằng cả ở Lầu Năm Góc và Nhà Trắng nữa.

Những bản đồ ấy mà chúng ta có thể gọi là bản đồ của Tăng, bởi vì chúng hoàn toàn là sản phẩm của Tăng, cho thấy cộng sản tập trung số quân khổng lồ xung quanh Pleiku và Kontum, hai thành phố cách nhau 20 dặm và cách Sài Gòn 250 dặm về phía Bắc trên vùng Tây Nguyên.

Không ai đặt vấn đề với những bản đồ của Tăng. Anh ta là một chuyên viên và là nhà phân tích có uy tín cao. Xét cho cùng, Tăng chỉ lập bản đồ theo các tài liệu trên bàn làm việc của mình và theo những hồ sơ mật vốn xuất xứ từ báo cáo ở chiến trường.

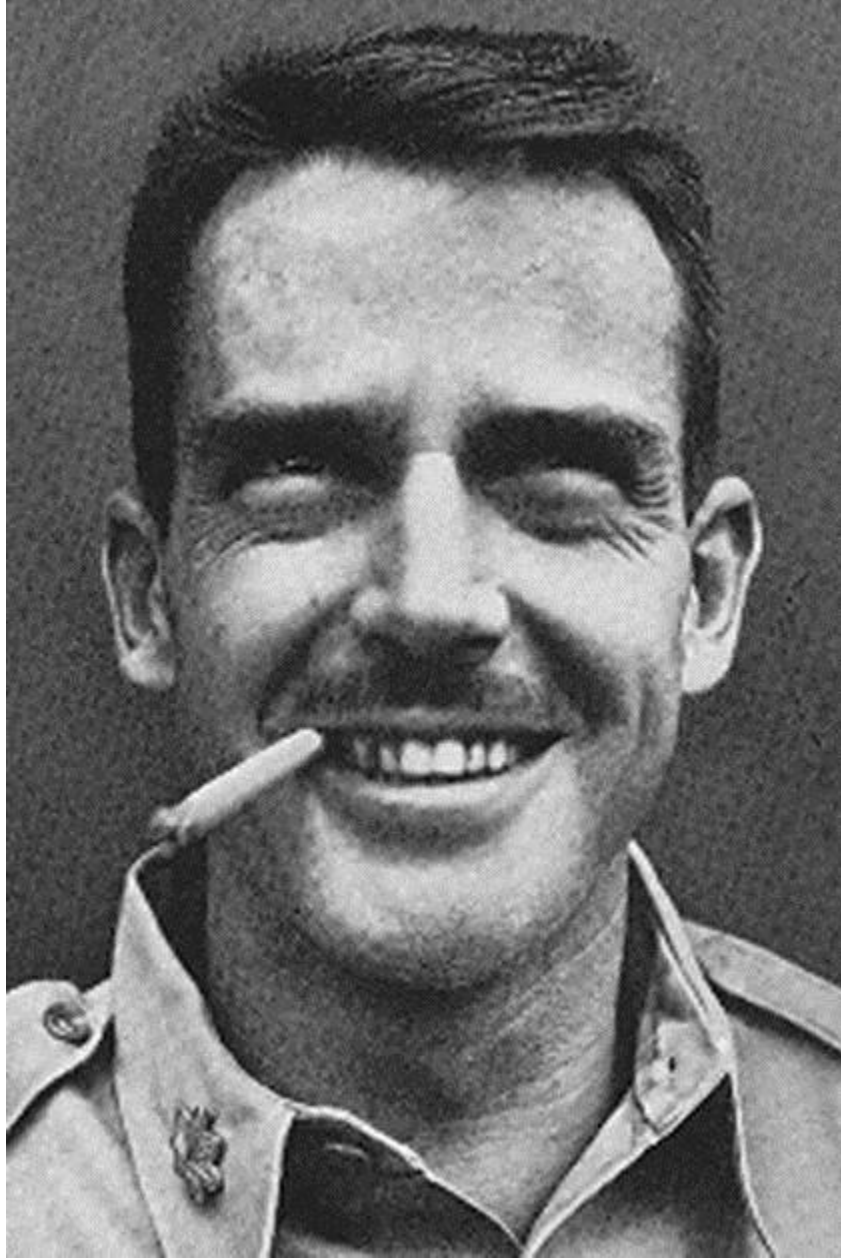
Trong cách cư xử, trung sĩ Tăng chẳng qua chỉ là một binh sĩ Sài Gòn như mọi người khác, chống cộng một cách ôn hoà, một người không đặc biệt nổi bật trừ công việc anh ta làm và năng lực trí tuệ trên mức trung bình. Do sự thông minh ấy, Tăng được trọng dụng. Không có hoạt động quân sự nào lớn xung quanh Kontum và Pleiku vào đầu năm 1975. Nó tập trung xa hẳn về phía Nam, xung quanh thị xã Buôn Ma Thuột. Những báo cáo của trung sĩ Tăng và các bản đồ từ đó mà vẽ ra đều là tài liệu giả.

Ngày 28-4, trung sĩ Tăng không đến làm việc tại phủ đặc uỷ. Cấp trên của anh ta cũng đang lo sợ trong giờ phút Sài Gòn hấp hối, không chú ý đến sự vắng mặt này. Thực tế phần lớn trong bọn họ cũng không ngồi tại bàn làm việc hôm ấy, mà đã ở Guam hoặc Philippin.

Tăng xuất hiện trở lại trong buổi sáng 30-4 - "ngày giải phóng". Suốt 72 giờ sau đó, anh ta đã hướng dẫn các đơn vị quân đội Bắc Việt Nam, chỉ cho họ thấy các cơ sở chủ chốt, các khu cư xá cần được lục soát hoặc cần được canh giữ. Ngày 3-5, đại úy Lê Tăng của lực lượng vũ trang giải phóng nhân dân thuộc Cộng hoà miền Nam Việt Nam lên nắm quyền chỉ huy tiểu đoàn tình báo quân cảnh mà anh đã bí mật làm việc với họ trong hơn 3 năm qua.

Trong khi đó, quân đội Sài Gòn tan rã từng mảng. Có nhiều người nói rằng nó chưa bao giờ được kết lại thành một khối vững chắc cả. Người Mỹ cũng tranh cãi với nhau xem ai là kẻ chịu trách nhiệm về sự tồi tệ của quân đội ấy? Cốt lõi của quân đội Sài Gòn vào năm 1954 là lực lượng Việt Nam thân Pháp được gom lại ở Nam Việt Nam khi lực lượng của ông Hồ Chí Minh tiếp quản Hà Nội. Lúc ấy có những người Mỹ - nổi bật là đại tá Ed.Lansdale - một bóng ma trợn vện - vẫn nghĩ rằng quân đội Sài Gòn nên phân nhỏ và cơ động. Họ lập luận rằng, quân đội này nên được huấn luyện kỹ về chiến thuật

chống du kích, chống nổi dậy, bởi vì đối thủ của họ - ít ra cho đến thập kỷ 60 - vẫn gồm phần lớn là du kích Việt Minh và cán bộ chính trị nằm lại ở Nam Việt Nam.



Edward Lansdale – Một người Mỹ trầm lặng và...

ACCOUNT NAME	:	MAJ. GEN. EDWARD LANDSDALE
CODE NO.	:	429-3284-5
CODE CLIENT	:	A112934
ABA ACCOUNT NO.	:	G72570367-D-UBS
METAL ACCOUNT NO.	:	725-70367-D
MASTER ACCOUNT NO.	:	7257
VAULT NO.	:	66 RWRP

...hồ sơ nhân sự tại CIA.

Nhưng vì những lý do sai lầm, quân đội Sài Gòn buộc phải trở thành một đội quân lớn, thiếu cơ động và huấn luyện tồi. Nó được trang bị loại vũ khí đúng là tốt nhất ở Đông Nam Á, đặc biệt từ ngày Mỹ bắt đầu rút quân - ngày 10-7-1969, nhưng các sĩ quan của nó thường không thể sử dụng những vũ khí này, còn các binh sĩ thì không đủ sức bảo quản chúng.

Khi Mỹ nắm lấy các nỗ lực chiến tranh tại Việt Nam và bắt đầu “cố vấn” trực tiếp quân đội Sài Gòn thì những người chủ trương một quân đội nhỏ, được huấn luyện cao về kỹ thuật chống du kích đã đi vào lãng quên và phần lớn không được đa động đến. Với họ, cái cần thiết là một đội quân lớn được trang bị đầy đủ đối phó với sự xâm lược ào ạt qua khu phi quân sự như từng diễn ra ở Triều Tiên năm 1950.

Thế là quân đội Sài Gòn ngày càng trở nên to lớn hơn. Đến năm 1975, trên giấy tờ, đội quân đã tới hơn 1 triệu người. Nó tỏ ra hoàn toàn không có khả năng đối phó với quân du kích của thời kỳ 12 và 15 năm trước. Không ai chịu nhìn nhận một sự thật nữa là nó còn bất lực trong việc đối phó với những cuộc tấn công bằng quân chủ lực. Chính những sĩ quan Mỹ cho rằng chỉ có không lực Hoa Kỳ mới cứu nổi Nam Việt Nam khỏi thất bại năm 1972 lại thường nói rằng quân đội Sài Gòn đã chuyển mình một cách màu nhiệm và bí hiểm thành một lực lượng chiến đấu có hiệu quả.

Điều rõ ràng là quân đội Sài Gòn trở thành bộ phận chính trong hệ thống cấp bậc của chính quyền Nam Việt Nam. Trừ Diệm không phải là tướng, khi Thiệu lên nắm chính quyền thì đã là tướng ba sao. Bề ngoài Thiệu bỏ cấp bậc của mình nhưng cơ cấu quyền lực và hậu thuẫn cho Thiệu đều bắt nguồn trực tiếp từ quân đội.

Điều mà ít người Mỹ và Nam Việt Nam phát hiện được vào tháng 3-1975 là tinh thần quân đội Sài Gòn đang tan rã. Đội quân này trang bị vũ khí tốt hơn bất kỳ nước châu Á nào khác, có nhiều máy bay chiến đấu hơn bất kỳ chính quyền chư hầu nào khác trên thế giới, có nhiều đạn dược, xăng dầu, quân cụ, xe cộ và lương thực hơn hầu hết các quân đội trên thế giới. Nó chỉ thiếu mỗi một điều thôi. Một người Mỹ nói với một binh sĩ Sài Gòn rằng: “Chúng tôi đã cho anh mọi thứ anh cần, trừ sự dũng cảm. Chỉ tại anh không có thứ ấy”. Không có thứ ấy vì binh lính thiếu ý muốn chiến đấu.

Việc người lính biết họ chiến đấu chống lại cái gì là rất quan trọng. Người lính Nam Việt Nam đều nói là họ “chống cộng” nhưng điều ấy lại không phải là niềm tin. Từ trong tiềm thức, họ đã tự hỏi mình chiến đấu cho cái gì đây? Câu trả lời là cho sự tiếp tục tồn tại của chế độ hiện tại - một chế độ ngày càng tham nhũng, ngày càng có sự cách biệt giữa kẻ giàu và người nghèo và nạn lạm phát. Một số ít muốn chiến đấu để sống khá hơn. Những kẻ sống khá giả thì lại hướng về cuộc sống không chiến đấu. Con trai, con gái và con rể của Thiệu đều ra nước ngoài du học. Nếu có viên tướng Nam Việt Nam nào lại có con trong quân đội thì điều đó không được biết công khai.



Giây phút vui mừng
của những người lính chế độ cũ
được giải phóng - 30 / 4 /1975

Ngược lại, người lính cộng sản biết họ đang chiến đấu cho cái gì: để “giải phóng” đồng bào bị áp bức ở miền Nam và để xây dựng sự nghiệp cách mạng. Hỏi một chiến sĩ Bắc Việt Nam sau khi cuộc chiến tranh chấm dứt:

- “Anh có mừng khi chiến tranh chấm dứt để giờ đây anh có thể trở về nhà được không?”.

- “Tôi rất mừng khi chiến tranh chấm dứt! - Anh ta trả lời - Nhưng đây mới chỉ là một giai đoạn cách mạng. Chúng tôi còn nhiều công việc trước khi có thể trở về nhà!”. Người Bắc Việt Nam được uốn nắn bằng những mục tiêu quyện vào nhau chặt chẽ: “Giải phóng miền Nam, đuổi Mỹ khỏi đất nước, xây dựng Việt Nam thành một nước cộng sản thống nhất”.

Tháng 1-1975, một bước phát triển không được làm rùm beng ở nước ngoài, nhưng lại được truyền miệng trong khắp hàng ngũ cấp dưới của quân đội Sài Gòn lúc bấy giờ. Nó chính lại là một trong những cái đỉnh cuối cùng đóng lên chiếc quan tài của quân đội Sài Gòn. Việc đó xảy ra ở thị trấn Phước Bình, thành phố chính của tỉnh Phước Long, nơi được cộng sản chọn làm chỗ thử cho cuộc tiến công năm 1975 của họ. Phước Bình rơi vào tay cộng sản thành cái chìa khóa mở ra sự sụp đổ cuối cùng của Nam Việt Nam không đầy 4 tháng sau đó.

Phước Bình không có lính chính quy đóng giữ. Khi bị tấn công, các tướng của quân đội Sài Gòn chờ đợi cùng với Thiệu, con người luôn đòi cho được tiếng nói sau cùng trong bất kỳ cuộc giao tranh quân sự quan trọng nào. Người ta chẳng làm gì cả. Đây là một sự thật khó tin, nhưng đã làm suy sụp toàn bộ tinh thần quân đội Sài Gòn.

Phản ứng của Mỹ là đáng kinh ngạc. Trên thực tế người Mỹ chẳng làm gì khi mất Phước Bình. Chính quyền Mỹ bị buộc phải nói công khai rằng người Mỹ sẽ không bao giờ trở lại cuộc chiến ở Nam Việt Nam dù trên đất liền, trên biển, trên không, trong bất cứ tình huống nào. Khi Hoa Kỳ chỉ chấp nhận chiến đấu ở Việt Nam năm 1975 bằng lời nói chứ không phải bằng súng đạn thì niềm vui tràn ngập ở Hà Nội.



Tiến công Phước Long.

Nguyễn Văn Thiệu theo dõi diễn biến trận đánh Buôn Ma Thuột từ văn phòng mình trong dinh Độc Lập, một toà nhà hình hộp nằm trên một nền đất rộng lớn, cách toà đại sứ Mỹ ở Sài Gòn hai khu phố. Dinh do Ngô Đình Diệm xây vào những năm 60 bằng tiền của Mỹ, nhưng Diệm không sống nổi đến lúc dinh được hoàn thành.

Nằm gần trên cùng trong đồng hồ sơ “lưu” của Thiệu là một kế hoạch được các nhà vạch kế hoạch trong Bộ tổng tham mưu trình lên vào tháng giêng để đối phó với những

bất ngờ. Về thực chất, nó kêu gọi rút quân trên phần lớn đất nước để đội quân trên 1 triệu người của Sài Gòn có thể bảo vệ những khu vực đông dân.

Kế hoạch kêu gọi một cuộc rút lui toàn bộ ra khỏi hầu hết Tây Nguyên, một khu vực từ Bắc Buôn Ma Thuột trùn lên phía Tây của Nam Việt Nam. Các đại tá vạch kế hoạch và các tướng lĩnh phê chuẩn nó nói rằng trong địa thế hiểm trở, không thể nào phòng thủ được trước bất kỳ cuộc tập trung quy mô lớn nào của quân cộng sản. Cuộc tập trung ấy rõ ràng đang được tiến hành vào đầu năm 1975.

Theo các nhà vạch kế hoạch, phải rút khỏi những vùng thưa dân. Nếu cuộc rút lui được tổ chức tốt, được giữ bí mật để trong vài ngày có thể di chuyển cả quân đội lẫn dân chúng cư ngụ trong thành phố thì có thể chuyển sang ngăn chặn bước tiến của cộng sản vào các vùng đồng bằng duyên hải quan trọng hơn.

Khi kế hoạch trình lên hồi tháng giêng. Thiệu đã xem xét một cách nghiêm chỉnh, xếp nó vào hồ sơ vì lập trường không lay chuyển của Thiệu là không bỏ một tấc đất đã chiếm giữ. Nhưng kế hoạch lại có lý đến nỗi Thiệu không thể bác bỏ thẳng thừng được, nên đã giữ nó trong tay theo đúng tính chất của nó - một kế hoạch để đối phó với những sự bất ngờ. Vấn đề là khi sự bất ngờ đã xảy ra thì Thiệu chẳng còn đủ sức thực hiện kế hoạch như đã vạch ra nữa.

Thiệu có thể quan sát biến cố Buôn Ma Thuột nhờ vào hệ thống thông tin liên lạc tương đối tinh vi được lắp đặt trong dinh Độc Lập. Đại tá E.Lansdale, con người của Bộ quốc phòng - CIA - Bộ ngoại giao Mỹ đã cho lắp đặt hệ thống này từ năm 1955. Nó đi song song nhưng không lệ thuộc vào hệ thống truyền tin quân sự Nam Việt Nam. Trải qua nhiều năm, hệ thống thông tin liên lạc được hoàn chỉnh, cải tiến càng hiện đại.

Cho đến khi mất Buôn Ma Thuột, Thiệu vẫn có thể nói chuyện thẳng với các sĩ quan chiến trường. Trong khi các quân sư của tổng thống tung tin rằng cộng sản đang bị đẩy lùi bởi những cuộc phản công thì Thiệu lại biết những điều khác hẳn. Trong hoàn cảnh khó khăn, Thiệu quan sát bản đồ tình huống trong văn phòng của mình và không thích gì những điều đang diễn ra trước mắt. Thậm chí Thiệu cũng chẳng biết rằng, các bản đồ đang lừa dối mình, vì lực lượng tình báo Sài Gòn đã không biết và hiểu biết sai lạc do trung sĩ Tăng và những Việt Cộng xâm nhập khác đánh lừa.

Cái mà Thiệu không biết và do đó nước cờ sắp tới của tổng thống trở thành quyết định trọng yếu và độc nhất dẫn tới việc mất toàn bộ Nam Việt Nam là: bộ đội cộng sản không thực sự ở tại nơi mà bản đồ chỉ ra nó. Những người lính Bắc Việt Nam mà người ta tưởng rằng đang ở xung quanh Pleiku, trên thực tế lại đang chiến đấu hay chờ lệnh tấn công ở nam Buôn Ma Thuột.

Một lý do chính về sự đổ vỡ trong hệ thống tình báo là quân đội Sài Gòn chẳng còn chú ý gì đến công tác thu lượm tin tức tình báo. Dù thế nào thì họ vẫn chưa bao giờ làm đủ

các cuộc do thám tầm xa. Khi các toán trinh sát của Mỹ ra đi trong những năm 1969-1970, quân đội Sài Gòn không đủ sức lấp lỗ trống sinh tử này.



Đại sứ Martin, Kissinger, tướng Wymand và tổng thống Ford bàn về tình hình VNCH.

Vào khoảng thời gian mà những lá cờ xanh đỏ sao vàng được kéo lên trong các vùng Việt Cộng vừa chiếm được ở Buôn Ma Thuột ngày 12-3, thì Thiệu đang quyết định nước cờ định mệnh. Theo như người ta được biết, Thiệu không thảo luận với ai cả và cũng đã không trao đổi ý kiến cả với người Mỹ.

Đại sứ Hoa Kỳ G.Martin lúc ấy lại không ở tại Sài Gòn. Ông ta đang kéo dài kỳ nghỉ vốn đã quá dài nằm tại nhà ở bang Bắc Carolina trong lúc Thiệu muốn nói chuyện với ông ta. Vì Thiệu không tin người Mỹ nào khác ngoài Martin lúc đó, thành ra khi Thiệu cần một cái vai Mỹ để dựa thì đại diện của Washington lại không ở cạnh đó.

W.Lehmann ngồi làm việc khuya tại văn phòng của mình ở Sài Gòn, tạm thay thế cho đại sứ Martin đang vắng mặt quá lâu trong kỳ nghỉ phép, đang gặp rắc rối về vụ một viên chức Mỹ là Struharick đang bị mắc kẹt ở Buôn Ma Thuột. Một viên chức Mỹ bị bắt sẽ gây rắc rối thế nào cho Hoa Kỳ? Đáng lẽ Mỹ đã phải nằm ngoài cuộc chiến tranh Việt Nam. Các bức điện ngấn đầy hốt hoảng từ Bộ ngoại giao và Nhà Trắng thông báo cho

Lehmann rằng không được từ một nỗ lực nào trong việc giải cứu Struharick ra khỏi Buôn Ma Thuột là một vấn đề khó xử mà Lehmann vẫn phải vật lộn với nó.

Lehmann ước ao Martin có mặt ở Sài Gòn để chính ông ta tự quyết định lấy. Lehmann biết, nếu Struharick bị bỏ lại, rõ ràng Martin sẽ nổi cáu với ông ta. Lehmann không biết khi nào Martin mới có thể trở lại Sài Gòn, vì Martin đã cắt liên lạc với sứ quán như ông ta vẫn làm trong mùa hè vừa qua, khi vắng mặt lâu dài khỏi nhiệm sở ở Sài Gòn. Thậm chí không ai biết Martin đã đi đâu trong thời gian tạm rời khỏi Sài Gòn, trừ việc ông ta viếng thăm nông trại của mình ở Italia và về thăm nhà ở Bắc Carolina.

Lehmann không hy vọng cứu Struharick ra khỏi Buôn Ma Thuột bằng phương tiện phụ thuộc vào người Nam Việt Nam. Không hy vọng Sài Gòn sẽ biệt phái - dù chỉ một người lính rời trận đánh để giúp việc đưa một người Mỹ ra khỏi thị xã. Hy vọng giải pháp duy nhất do các nhân viên sứ quán đề nghị là cho một trực thăng của Air America, hàng không của CIA do sứ quán Mỹ "thuê" đến hạ cánh ở Buôn Ma Thuột để chộp lấy Struharick. Một chiếc trực thăng đã thử làm đúng như thế vào buổi chiều hôm ấy, nhưng hỏa lực tên lửa đất đối không tì vào vai để bắn đã có mặt ở đây khiến cho chiếc trực thăng UH-1 phải quay về sở chỉ huy Nha Trang. Thế là Lehmann bị bó tay.



Trực thăng UH-1 làm nhiệm vụ tìm cứu.

Vì mục đích tuyên truyền, người phát ngôn của Bộ tư lệnh ở Sài Gòn, trung tá Lê Trung Hiền đã nói với các nhà báo vào ngày 11-3, cuộc tấn công Buôn Ma Thuột là một phần của cuộc tấn công trên toàn quốc. Nhưng hành động và phản ứng của Sài Gòn cho thấy Hiền chỉ hô khẩu hiệu mà thôi.



“Di tản”?!

Thật ra, có một số rất ít người thực sự nghĩ rằng cộng sản có cơ hội chiến thắng bằng quân sự trong cuộc chiến tranh Việt Nam. Nhưng cái thiếu số đó bị cười nhạo báng nhiều đến nỗi họ rất ít khi dám nói dài dòng để bảo vệ lập luận của mình. Trong khi đóng tại Sài Gòn, trung sĩ Tăng và những người của ông ta làm việc của họ với những bản đồ giả, tin tức tình báo giả và dữ kiện sai lạc. Việc đánh lừa thành công. Trong khi lực lượng chiến đấu của Bắc Việt Nam di chuyển đến Buôn Ma Thuột một cách bí mật thì bộ chỉ huy Sài Gòn lại điều lực lượng của họ khỏi Buôn Ma Thuột để chống lại sự uy hiếp tưởng tượng ở Pleiku.

Một câu hỏi xác đáng là tại sao người Mỹ lại không di tản trước ra khỏi Buôn Ma Thuột? Hình như có một niềm tin quá đáng của người Mỹ với quân đội Sài Gòn, cho rằng quân đội này hoàn toàn đủ sức bảo vệ bất kỳ thị xã nào như Buôn Ma Thuột.

Nguyễn Văn Mười không phải là một người lính may mắn. Anh ta bị bắt lính vào quân đội Sài Gòn lúc đang ở nhà tại vùng đồng bằng sông Cửu Long vào năm 19 tuổi, cách đó hơn 4 năm về trước. Tên của Mười là con số “10” trong tiếng Việt, và ngoài việc không thích quân đội, Mười còn ghét cách chơi chữ thường xuyên của bạn đồng ngũ đối với tên anh ta. Tục danh của anh ta là “năm-bơ ten” (number ten), tiếng lóng của lính Mỹ để chỉ cái gì “tồi tệ nhất”.

Mười không thích thú gì với cách khô hài dai dẳng ấy, chẳng khác nào một người điều khiển thang máy chán ngấy cái cảnh phải nghe người ta than phiền về những lúc lên lúc xuống trong cuộc sống. Mười đã đảo ngũ một lần, bị quân cảnh bắt lại và bị đổi đến sư đoàn 23 ở Buôn Ma Thuột như là một hình phạt. Sư đoàn 23 là nơi an trí cho nhiều lính quân dịch Nam Việt Nam bất mãn và vì thế, nó là một trong những đơn vị yếu nhất trong số 13 sư đoàn chiến đấu của Sài Gòn.

Sáng ngày hôm ấy, Mười nhận ra mình đang nằm trong hố cá nhân ở tường ngoài của văn phòng ngôi nhà tỉnh trưởng, con người thế lực nhất tại Buôn Ma Thuột. Anh ta nghe thấy cuộc giao tranh tiến gần trong 31 giờ qua khi anh ta quan sát từ hố cá nhân của mình.

Cũng như khoảng cách một tá lính khác ở trong và chung quanh ngôi nhà tỉnh trưởng, Mười không biết rằng viên tỉnh trưởng đã trốn chạy mất rồi. Ông ta đã tìm nơi trú chân tại sở chỉ huy sư đoàn 23. Thực ra cũng chẳng sao, chỉ có điều là Mười không biết rằng mình đang bảo vệ một ngôi nhà trống.

Một chiếc xe tăng Bắc Việt Nam do Liên Xô chế tạo nghiêng xích trên đường phố tiến đến ngôi nhà viên tỉnh trưởng, tháp pháo đập lại và trông có vẻ dữ tợn. Mười lạng người đi. Chiếc tăng bắt đầu tiến vào nhà tỉnh trưởng. Khẩu đại bác 100 ly ở mặt trước của nó từ vị trí bắn bắt đầu hạ xuống. Mười thình lình nhận ra rằng nó sắp sửa phá vỡ văn phòng tỉnh trưởng bằng lối bắn thẳng. Trong tay Mười chỉ có súng M.16. Anh ta nằm úp sấp và nhắm mắt lại... lắng nghe tiếng xe trườn trên lưng anh ta để xông vào nhà viên tỉnh trưởng. Hình như chiếc xe tăng không định nghiêng nát Mười dưới hàng xích của nó. Đến khi Mười mở mắt thì đã thấy lá cờ xanh đỏ sao vàng của Việt Cộng bay trên sở chỉ huy tiểu khu. Cộng sản đã có thể tuyên bố chiến thắng ở Buôn Ma Thuột.

Phước Long là một đòn thử. Buôn Ma Thuột là kế hoạch. Kế hoạch đã xong được bước đầu. Không có gì ngăn cản cộng sản đi các bước tiếp.



Binh lính sư đoàn 23 BB ra hàng tại Buôn Ma Thuật.

Chương 2. Lỗi lầm chí tử

Không có dấu hiệu nào cho thấy Martin lại muốn hoặc có thể khuyên giải Thiệu đừng đi nước cờ tai họa ngày 12-3. Ngày Thiệu đi nước cờ ấy, người Mỹ đã khen ngợi “đấy là giải pháp duy nhất có thể được”. Nó chứng tỏ người Mỹ quá thiếu hiểu biết đối với người lính Sài Gòn mà họ đang làm cố vấn. Một lý do khác biệt hộ cho quyết định của Thiệu được đưa ra bởi tay phụ tá quân sự cao cấp là Đặng Văn Quang. Theo lời tố cáo của phóng viên hãng truyền hình NBC (1971) thì Quang là tay buôn lậu thuốc phiện lớn nhất nước và là kẻ chèo lái cho Thiệu trong các vụ tham nhũng khác. Quang tuyên bố Việt Cộng đã bắn tin đến dinh Độc Lập là hoặc phải rút sạch khỏi Tây Nguyên hoặc là các thành phố này bị san thành bình địa. Câu chuyện hoàn toàn mang tính chất tự bào chữa.

Đến ngày 15-3, quyết định của Thiệu rút bỏ Tây Nguyên đã thành hình. Buổi sáng thứ bảy hôm ấy, Thiệu lên chiếc máy bay DC6 riêng của tổng thống và bảo phi công đi thẳng đến vịnh Cam Ranh. Thiệu chọn Cam Ranh cho cuộc so găng với các tư lệnh quân đội bởi vì các tướng lĩnh sẽ không thể về hòa với nhau để áp đảo Thiệu ở đó được. Căn cứ vốn ít được sử dụng đến và không phải là sân nhà bất cứ viên tư lệnh quân đội Sài Gòn nào. Sẽ không có “lợi thế sân nhà” cho các tướng lĩnh trong phiên họp cãi vã mà Thiệu đoán chắc thế nào cũng xảy ra.

Thiệu nghĩ không sai. Các tướng lĩnh Sài Gòn đã đón Thiệu gần cái đường bay dài gần 2 dặm trên bãi cát Cam Ranh. Mấy phút sau khi đến nơi, Thiệu đã ra lệnh di tản Pleiku và Kontum.



LBJ LIBRARY PHOTO
BY YOICHI R. OKAMOTO

Năm 1966, Thiệu cũng từng đến Cam Ranh nhưng là để tháp tùng LBJ.

Phạm Văn Phú choáng người. Viên tư lệnh quân đoàn 2 không thể nào chấp nhận một cuộc rút lui trước khi nhập trận. Phú không đến nỗi bất ngờ trước quyết định đó của Thiệu vì đã nghe tin đồn đó từ trước khi Thiệu triệu tập họp, nhưng Phú cứ làm ra vẻ kinh ngạc.

Phú đã hỏi Thiệu có nói đùa không? Làm sao có thể rút lui trước khi xảy ra cuộc tấn công? Phú nói thậm chí không chắc có quân cộng sản ở xung quanh Buôn Ma Thuột. Tiếp đó Phú trở nên giận dữ khi Thiệu một mực nhắc lại những điều về vấn đề rút lui. Phú cãi lại rằng tất cả sẽ đổ sụp nếu rút lui. Nhưng Thiệu khẳng khẳng một mực giữ vững lập luận cho rằng bám trụ Tây Nguyên chỉ làm phí sinh mạng. Những người ấy có thể được sử dụng tốt hơn trong việc phòng ngự dải đất duyên hải vốn có giá trị chiến lược và đông dân hơn.

Sau 90 phút, Thiệu nhắc lại lệnh rút bỏ cao nguyên. Thiệu giáp mặt Phú và báo viên tướng mắc bệnh lao phổi này rằng, chỉ có hai cách lựa chọn: hoặc là thi hành lệnh, hoặc bị thay thế và ngồi tù để người khác thi hành lệnh. Thiệu quay gót, lên chiếc DC6 và bay về Sài Gòn. Còn Phú lấy trực thăng lên sở chỉ huy ở Nha Trang.

Thế rồi cái gì đã xảy ra trong cơn sốt lúc bấy giờ được che phủ trong màn bí mật và những lời tự bào chữa. Cuộc hành trình đầy nước mắt đã bắt đầu trong đêm chủ nhật 16-3 ấy. Các sĩ quan Sài Gòn ra lệnh cho binh lính ủi sập thành phố và đốt cháy càng nhiều càng tốt. Trong khi đó, các căn cứ quân sự lại gần như nguyên vẹn. Tại Pleiku và Kontum, 62 máy bay có khả năng cất cánh bị bỏ lại. Một đài radar hàng triệu đôla với khả năng theo dõi sự di chuyển trên mặt đất và trên không cũng như đường bay của tên lửa cũng bị bỏ lại nguyên vẹn.



Sân bay Pleiku còn gần như nguyên vẹn.

Các phi công trực thăng thấy cơ hội làm ăn đã đến. Đám phi công do Mỹ huấn luyện ấy đã kiếm được một số tiền đáng kể trên nỗi lo sợ của đồng bào họ. Giá một vé đi từ Pleiku ra bờ biển là 100 đôla đã nhanh chóng tăng lên đến một lạng vàng. Trong cuộc di tản, thậm chí nó còn lên cao hơn nữa. Nhiều phi công đã kiếm đủ tiền tiêu xài suốt đời khi họ đến Hoa Kỳ bằng máy bay chú Sam sau đó một tháng.

Các quân nhân Sài Gòn sớm nhận biết đây không phải là rút lui mà là cuộc rút chạy. Cuộc rút chạy khỏi Tây Nguyên là dòng binh lính trà trộn vào dân, hoặc là binh lính kinh hoàng thấy dân trà trộn với mình.

Đến thứ hai, các hãng tin phương Tây đánh đi những bản tin nói về sự bỏ rơi Tây Nguyên và mặc dù chưa ai đoán chắc lệnh này xuất phát từ đâu nhưng có bằng chứng rõ ràng là cuộc ra đi của binh lính và dân chúng đang tiến triển. Đến lúc này chính quyền Sài Gòn bị buộc phải nói láo.

Như thường lệ. Lê Trung Hiền, nhận lấy công việc nói láo cho chính quyền. Trưa ngày chủ nhật, 16-3, Hiền họp báo trong cái phòng ngạt thở ở tầng trên một ngôi nhà ở đường Tự Do và nói với các nhà báo đang hoang mang trước tin đồn bỏ rơi Pleiku rằng: “Số chỉ huy quân đoàn 2 vẫn đóng ở Pleiku. Chỉ có bộ phận chỉ huy chiến thuật là đang dời về Nha Trang. Không có lệnh nào di tản khỏi Pleiku cả...”.

Trưa thứ hai, Hiền lại tiếp tục câu chuyện giả dối này. Tại sao Hiền làm như thế - nói đúng hơn là tại sao cấp trên lại ra lệnh cho Hiền tiếp tục làm như vậy? Thật khó mà biết được! Chỉ biết khi bỏ rơi xong xuôi hai thành phố này, Hiền tro mặt ra, uốn lưỡi nói với các nhà báo: “không có quyết định bỏ rơi hai thành phố này. Một số đơn vị chúng tôi được chuyển khỏi vùng này, chỉ vì lý do chiến thuật”.

“Phóng sự của các ông hoặc viết ra theo trí tưởng tượng, hoặc thiếu cơ sở sẽ gây bối rối và kinh hoàng cho dân chúng Tây Nguyên”. Hiền nói với các nhà báo như vậy.

Khi hàng trăm nghìn người di tản đã chết thì Hiền lại họp báo, trưa thứ ba, có bốt gay gắt một chút. Trưa thứ tư, 19-3, Hiền lại họp báo, trình bày cuộc di tản như là “lớn nhất trong lịch sử dân tộc Việt Nam” nhưng vẫn khẳng định nói rằng quân đội Sài Gòn còn ở lại phía sau để phòng thủ thành phố.



Quân đội SG phòng thủ ở đâu?!

Đây là cách nói, cách nhìn của Sài Gòn. May mắn thay, thế giới không nhìn theo cách nhìn ấy. Trong khi cuộc hành trình đó rời khỏi Pleiku, các đơn vị Việt Cộng ở ngay sau lưng nó. Trong các đơn vị ấy, cấp chỉ huy và binh lính đều do Bắc Việt Nam huấn

luyện. Khi họ đi vào, thành phố đang cháy âm ỉ. Bộ đội chiến đấu của họ tiến vào căn cứ không quân với súng ở tư thế sẵn sàng. Họ chiếm giữ vành đai rộng lớn quanh căn cứ. Không ai đụng chạm đến cái rada trị giá 1 triệu đôla hoặc bất kỳ thứ trang bị nào khác. Các chuyên viên sẽ đến xem xét các thiết bị do Mỹ chế tạo mà lính Sài Gòn đã bỏ lại. Trong lúc này, Việt Cộng chỉ có việc canh giữ chúng thôi. Trên thực tế, ở Pleiku cũng như nơi khác, bộ đội Việt Cộng đầu tiên vào thành phố đều không đụng chạm đến thứ gì cả. Họ dập tắt sự chống cự nếu có, đi khắp nơi với vũ khí ở tư thế sẵn sàng. Chẳng hề có trộm cắp, thậm chí những cảnh hư đốn của chiến tranh, thí dụ như đồng hồ trên tay người lính chết, đều còn nguyên vẹn...

Mấy nghìn linh hồn quyết định ở lại Pleiku không trốn chạy đã dè dặt bước ra khỏi nhà và cửa hàng, những gì mà thành phố còn để lại cho họ. Binh lính và thường dân nhìn nhau một cách thận trọng để tìm xem là thù địch hay thận trọng. Trong hầu hết các trường hợp, chỉ có sự tôn trọng dân chúng của các binh sĩ Việt Cộng, những người ít được dịp nhìn thấy cuộc sống thành phố của những người Nam Việt Nam.

Những lá cờ ở Pleiku và các nơi khác đã là vật phá vỡ sự dè dặt giữa người lính chiến thắng và thường dân. Cờ Việt Cộng xuất hiện khắp nơi, trước cửa nhà, cửa hàng, cột cờ và thậm chí trên cây. Việc treo cờ đã làm cho cả người mới đến lẫn người ở đây cảm thấy có cái gì chung và cả hai đều thở phào khi họ có cơ hội cùng nhau treo cờ để phá tan sự ngại ngùng ban đầu.



Quân Giải phóng tiến vào Pleiku.

Cán bộ tuyên truyền đi theo sau bộ đội, đôi khi chỉ sau vài phút. Họ phân tán và giữ an ninh cho Pleiku. Ở nơi nào họ đến, cộng sản đều thông báo:

“Đồng bào đừng sợ hãi! Bộ đội giải phóng không làm hại ai cả. Chính phủ Cách mạng lâm thời Cộng hoà miền Nam Việt Nam sẽ bảo vệ đồng bào. Không còn phải lo sợ sự tàn bạo và đàn áp của chính quyền Sài Gòn... Pleiku đã ở trong tay nhân dân”.

Đây là một thông cáo được loan truyền ở bất cứ nơi nào mà quân Bắc Việt Nam đến trong suốt tháng ba và tháng tư. Họ đã không hề lùi bước trong suốt 55 ngày cuối cùng của cuộc chiến. Dĩ nhiên, bộ đội tuân theo chỉ thị đến từng chữ một. Họ là chiến sĩ giỏi, tuân lệnh hoàn toàn, không bao giờ chất vấn tại sao cấp trên lại muốn thế này hoặc thế kia? Một trong những lý do là mọi mệnh lệnh đều được giải thích trước khi ban hành. Trong khi người lính đối thủ của họ trong quân đội Sài Gòn hay quân đội Mỹ bỏ đi nhậu nhệ, xem phim hay hộp đêm thì binh sĩ của lực lượng vũ trang giải phóng ngồi học tập chính trị dưới hình thức một bài diễn thuyết, một cuộc hội thảo vấn đáp, v.v... Các buổi học tập chính trị tạo ra ý thức hệ cho những người chưa biết, tạo ra động cơ

hành động. Mục đích nằm sau những buổi học tập này là làm cho chiến sĩ hiểu không những họ đang làm gì mà tại sao lại phải làm như thế? Nếu có cái gì đó làm cho các tướng lĩnh Mỹ phải thán phục “Sác-li” (tiếng lóng để gọi lính cộng sản) thì đấy chính là động cơ làm cho các chiến sĩ chiến đấu.

Như thế là bộ đội vào chiếm Pleiku cũng như các thành phố khác ở Nam Việt Nam không những họ biết rằng họ không được lấy chiến lợi phẩm mà còn hiểu vì sao phải làm như thế. Cái gì thuộc về nhân dân là của nhân dân. Bởi vì nhà nước là nhân dân. Nó nghe có vẻ kỳ quặc đối với những người lớn lên trong xã hội tư bản phương Tây.

Nhưng với tính cách là khuôn mẫu và nền móng của chủ nghĩa Mác-Lênin, nó được chiến sĩ Việt Cộng và Bắc Việt Nam hiểu, tin và thi hành từ vùng châu thổ đến khu phi quân sự trong suốt năm 1975.



Tiến quân vào Đà Nẵng.

Ở mỗi địa phương sau khi giải phóng, ít có những lời khiếu nại về việc lấy chiến lợi phẩm hoặc trộm cắp. Rõ ràng đấy là một trong những lý do tại sao không có đơn vị quân cảnh mặc sắc phục nào được gửi vào vùng Sài Gòn. Chỉ có một hoặc hai đại đội gồm nhân viên tình báo chìm làm việc dưới sắc phục quân cảnh mà thôi. Bộ đội tự họ giữ kỷ luật tốt đến mức nhìn chung quân cảnh được sử dụng tốt hơn trên chiến trường với vai trò chiến đấu hoặc yểm trợ chiến đấu. Kỷ luật của người lính, những người noi theo gương ông Hồ Chí Minh đã gây ảnh hưởng lớn trong các thành phố - nói nôm na là trong các vùng vốn theo lối sống phức tạp của phương Tây.

Nói tóm lại, tại Pleiku, tác phong của bộ đội cộng sản được biết là điển hình. Ở những nơi khác cũng đều tốt như vậy cả. Cá nhân người chiến sĩ có thể nghĩ rằng, người Mỹ là loài thú dữ đáng bị bắn khi bắt gặp để trả thù những gì mà họ gây ra cho gia đình, bè bạn và đất nước mình. Nhưng lúc bấy giờ mệnh lệnh là đối xử đàng hoàng với người Mỹ và người chiến sĩ đã làm đúng như thế. Không có vấn đề ngược đãi người Mỹ nào

hoặc ngược đãi hạhng người nào trong “nhân dân”. Thậm chí một vật tầm thường nhất cũng không bị lấy đi, trừ phi có lệnh chiếm lấy những thứ “vì lợi ích cách mạng”. Trường hợp như vậy, việc trưng dụng món đồ sẽ được giải thích mặc dù không nhất thiết làm cho người chủ hài lòng. Điều này ít ra cũng là những gì mà người dân đô thị sau này kể lại về những ngày đầu tiên sau chiến thắng.

Chương 3. Cuộc rút chạy bắt đầu

Cuộc tấn công bắt đầu lúc 11 giờ đêm ngày 19-3. Cuộc tấn công của Bắc Việt Nam vừa được chín ngày và bốn tỉnh đã nằm trong tay cộng sản. Binh nhì Đức của thủy quân lục chiến Sài Gòn chưa bao giờ thấy nhiều xe tăng đến thế trong đời mình và anh ta hoảng sợ.

Xung quanh Đức, binh sĩ đang sử dụng hỏa lực hoặc nhìn trân trân như bị thôi miên trước những chiếc xe tăng. Hàng hàng lớp lớp chúng đang nghiền xích sắt băng qua cánh đồng. Lúc bấy giờ là 1 giờ sáng và quân phòng thủ trong làng gần nhất bị san bằng đã rút ra sau khoảng 10 phút giao tranh với những chiếc xe tăng đến từ ba hướng.

Sư đoàn thủy quân lục chiến Sài Gòn có lẽ là sư đoàn duy nhất thuộc loại tinh nhuệ của Nam Việt Nam. Quân của nó được giữ gìn sát với con số 10 nghìn người theo bảng cấp số và được huấn luyện kỹ. Chỉ có mỗi một vấn đề: đã quá lâu, thủy quân lục chiến không ra trận nên thực sự là họ quên mất cách tác chiến như thế nào.

Năm 1972, họ đã từng mục kích xe tăng Bắc Việt Nam ở tỉnh Quảng Trị, nhưng chưa bao giờ họ nhìn thấy hàng hàng lớp lớp như thế này. Thậm chí ở Sài Gòn, nơi ngày xưa xe tăng Mỹ xuất hiện gần như ở khắp mọi ngõ ngách đường phố cũng không nhiều đến thế. Cuộc xung phong vào thủy quân lục chiến thật là ô ạt. Sau này tính ra ít nhất cũng có 3 sư đoàn bộ binh và tối thiểu là một trung đoàn xe tăng tham gia tiến công.



Xe tăng QGP ở cửa Thuận An - Huế

Đức lại ló đầu lên, nhìn qua bờ hào giao thông ở chỗ mình. Giống như hầu hết đám thủy quân lục chiến trong vùng, anh ta tự làm lấy một mái che bằng cành dừa, lá dừa, thùng các-tông và bất cứ thứ gì có thể tìm được. Nó che nắng và mưa nhỏ, nhưng không che được đạn pháo, đạn cối hoặc hỏa lực xe tăng. Chính đây là mối lo cấp thời. Cuộc pháo kích đã bắt đầu ồ ạt.

Hai phút sau khi Đức nhìn thấy xe tăng Bắc Việt Nam thì đại đội thủy quân lục chiến ở trước mặt Đức đứng lên khỏi hào giao thông. Anh ta tưởng là họ sẽ xung phong. Nhưng họ đã quay lại, chạy về phía trung đội của Đức nhưng lệch sang phải một chút. Họ khom người để chạy trốn cuộc giao tranh. Đức có thể nhìn thấy hàng trăm bóng người chạy lom khom in rõ hình trên bầu trời được chiếu sáng bằng hỏa pháo. Họ xách súng M.16 chạy trốn những chiếc xe tăng.

Chiến sĩ cộng sản đang ngồi trên xe tăng, đi sau xe tăng và một số gan dạ thì tiến trước. Thỉnh thoảng họ mới bắn. Đám thủy quân lục chiến đang chạy trốn khỏi mối đe dọa chứ không phải trốn chạy hỏa lực.

Từ trước đến nay, binh nhì Đức chưa bao giờ tham dự trận đánh nào cả. Bỏ học từ 14 tuổi để kiếm việc làm giúp đỡ cái gia đình 9 người của mình. Anh chàng là con thứ 5 trong gia đình. Khi đến tuổi 17, anh ta có thể tìm cách trốn quân dịch, sống trong hang cùng ngõ hẻm. Cách này có nghĩa là phải hối lộ những món tiền lớn cho nhân viên sành sát, hoặc có thể trở thành nhà sư. Khoảng năm 1973 thì hàng loạt nhà sư lại bị bắt quân dịch như thường. Thế là Đức gia nhập cái mà bạn bè cho biết là đơn vị chiến đấu giỏi hết chỗ nói. Trên lý thuyết, người nào chiến đấu giỏi thì có cơ hội sống sót nhiều nhất. Đức bèn vào lính thủy quân lục chiến.

Giờ đây các xe tăng đối phương đến cách trung đội của Đức trong vòng 400 mét. Thế là, chẳng có dấu hiệu hay lời nói nào, nhưng mọi người trong trung đội đều đứng cả dậy, lúnh quýnh leo lên bờ hào. Họ tự động khom người xuống để hạ thấp cái bóng của mình để phòng có hỏa lực. Chẳng ai bắn vào họ cả nhưng thỉnh thoảng lại có người vấp ngã.

Được khoảng nửa dặm. Đức dừng lại nghỉ và ngã vật ra đất. Đây là đoạn đường dài nhất mà anh ta đã chạy sau thời gian huấn luyện cách đó 2 năm. Anh ta thấy chẳng có lợi ích gì để bám trụ và chiến đấu.

Chiến trường phía Nam tỉnh Quảng Trị này im lặng một cách lạ lùng. Âm thanh lớn nhất là tiếng máy nổ của xe tăng, tiếng xích sắt đã nghiền ken két. Các xe tăng chạy nhanh hơn Đức đã gần kịp anh ta, cách khoảng 200 mét. Anh ta rút lại gần cuối đoàn quân mà Đức đoán khoảng 1 nghìn lính thủy quân lục chiến. Thực ra không phải "đoàn quân". Nó chẳng có tổ chức gì cả. Đó là một đám tàn binh khác của quân lực Sài Gòn.



Xe tăng QGP trên QL1.

Họ đã đến quốc lộ 1, đi thẳng về hướng Huế. Ở gần quốc lộ lại có nhiều xe tăng hơn, đang có vẻ đuổi theo thôi, chẳng thèm bắn, cũng chẳng thèm tràn lên nghiền nát họ. Khi đám thủy quân lục chiến lên mặt đường thì đột nhiên các xe tăng bật đèn lên. Hình như chúng đang chỉ đường cho đám lính Sài Gòn chọn lấy con đường rút lui an toàn.

Đức không nán lại để xem sự nhân đạo này kéo dài bao lâu. Anh ta bắt đầu chạy đều bước, không nghỉ, cho đến rạng đông. Lúc đó, Đức mới loạng choạng chạy vào một đồn dân vệ đã bị rút bỏ cách Huế 12 dặm về phía Bắc để uống một hơi dài, thật dài...

Chỉ mới 11 ngày, giữa bài diễn văn của Thiệu ngày 20-3 đến khi Đà Nẵng sụp đổ ngày 31-3 Việt Nam Cộng hòa đã trao cho Việt Cộng và Bắc Việt Nam một quân khu và không bao giờ lấy lại được. Từ cuối tháng 3, cuộc chiến đấu tiếp tục, giọng điệu tuyên truyền, sự đau xót của chính quyền Sài Gòn và lời kêu gọi Mỹ viện trợ vẫn nghe thấy, nhưng Nam Việt Nam đã mất rồi. Đó là 11 ngày định mệnh kết thúc bằng việc Thiệu lên đài phát thanh truyền bá giọng điệu hiếu chiến của mình. Từ tháp ngà dinh Độc Lập được canh giữ cẩn thận, qua bài diễn văn, Thiệu làm ngơ trước những tổn thất lớn kinh khủng của chế độ, giờ giọng soi mói Hoa Kỳ giảm viện trợ. Thiệu tro trên nói với dân chúng: "Trong 2 tuần qua, quân và dân ta dũng cảm tiêu diệt địch và thành công trong việc chặn đứng cộng sản ở chiến trường đông dân". Đây là những lời nói cố tỏ ra can đảm, nhưng rui thay nó chẳng lừa bịp được ai. Dân chúng đều biết rõ, hàng sư đoàn, nhiều tỉnh trọn vẹn đã bị mất gọn. Với Thiệu, tuyên bố rằng quân đội đủ sức giữ vững phòng tuyến là điều khó tin. Ở tư cách tổng thống mà lại dám nói vậy thì không một công dân hay kiều dân nào ở Nam Việt Nam tin nổi.

Người ta nghĩ ngay đến việc bom hơi của Mỹ. Dù sao, việc bom hơi cũng làm dịu mối lo về việc Nam Việt Nam đang đứng trên bờ vực thẳm.

Quả thế, binh nhì Đức và đám bạn bè được tổ chức lại sau khi bỏ chạy khỏi tỉnh Quảng Trị. Đức được gọi lại đội ngũ trên đường đi Huế, gom thành mấy nghìn lính thủy quân lục chiến ở Bắc Thừa Thiên, giáp Quảng Trị tại sông Mỹ Chánh. Quyết định phá đổ cầu Mỹ Chánh được truyền xuống cho đại đội của Đức, trong khi lính thủy quân lục chiến đang nghe diễn văn của Thiệu đêm 20-3 qua đài bán dẫn:

“... Từ Quảng Trị vào Huế, dọc theo bờ biển xuống quân khu 3 và 4, chúng ta nhất quyết bảo toàn lãnh thổ đến người cuối cùng. Tin đồn về việc bỏ rơi Huế là hoàn toàn vô căn cứ...”

Vẫn còn khoảng 2 nghìn đến 2 nghìn rưỡi lính thủy quân lục chiến đang được gom lại sau cuộc rút chạy khỏi Quảng Trị. Tư lệnh sư đoàn Bùi Thế Lân cùng sĩ quan đang đi vòng ở Huế để tìm kiếm binh sĩ.

Khi thủy quân lục chiến phá sập cầu Mỹ Chánh thì cộng sản áp đảo họ và vượt qua sông bằng xe tăng lội nước và cầu ngầm, còn dân Huế đang chạy về Đà Nẵng.



Bộ đội và nhân dân làm ngầm vượt sông Mỹ Chánh.

Ở phía Nam, trong khi Thiệu nói với dân chúng rằng cộng sản đang bị đánh bại trên mọi mặt trận thì đã có ngay câu trả lời. Đúc và đúc bạn bè quay lại nhìn phía sau thấy bầu trời loé sáng mấy lần. Chẳng bao lâu họ phát hiện được ánh sáng loé lên ấy là Huế, đặc biệt là sân bay Phú Bài sát bên dưới tinh lý, đang bị cộng sản pháo kích, khoảng 50 quả đêm ấy. Sài Gòn sắp mất quyền kiểm soát cái kinh đô cũ này.

Nhưng cùng ngày hôm ấy, Ngô Quang Trưởng, một tướng thân Mỹ đã đến được Huế. Thân hình cao lớn, Trưởng được coi như một điển hình can đảm khi người Mỹ nói đến chuyện binh sĩ Việt Nam như thế nào. Thế nhưng giờ đây, Trưởng đã làm thất vọng những người vốn tin tưởng. Huênh hoang nói oang oang với các nhà báo, Trưởng khoe khoang rằng đã làm đủ thứ chuyện mà trong quá khứ chẳng hề làm. Trưởng đã tự biến mình thành một thằng hề bằng cách nói mình sẽ cố thủ. Cá nhân Trưởng sẽ chiến đấu trên đường phố để cứu Huế, nếu thành phố mất, Trưởng sẽ mất theo. Trưởng sẵn sàng chết để bảo vệ Huế. Bọn hèn nhát có thể bỏ chạy nhưng Trưởng này sẽ chiến đấu đến cùng. Rồi Trưởng leo lên chiếc trực thăng riêng do Mỹ cung cấp, bay một vòng. Đây là lần cuối, người ta thấy mặt Trưởng ở Huế.

Chương 4. Phút cuối của giai đoạn mở màn: đánh chiếm Huế

Thông tin viên của UPI ở Huế điện về Sài Gòn cho biết 600 quả đạn pháo, tên lửa và súng cối đã rơi xuống thành phố phía Bắc này vào ngày 22-3. Đây là cuộc pháo kích dữ dội nhất trong mấy năm qua. Phút cuối cùng đang đến, mặc dù một số người lạc quan ở Sài Gòn thích gọi đây là trận phòng thủ kiên cường.



Dùng sức người kéo pháo lên đỉnh động Truối,
chuẩn bị mở màn chiến dịch Xuân Hè 1975 ở Trị - Thiên

Những viên đạn ấy được bắn từ những khẩu pháo này.

Đêm ấy, tại căn cứ tiểu đoàn ở Phú Lộc, đại úy Trần Bá Phước rất sợ và nghĩ đến chuyện bỏ chạy. Cái thằng anh ta là một bài báo, hình như đã đọc trong tạp chí Mỹ “Thời báo” hay “Tuần tin tức”. Phước cho biết đã đọc mấy năm rồi và đâu như qua cuộc phỏng vấn một lính Mỹ. Người lính này nói rằng anh luôn luôn sợ hãi trong chiến đấu, một sự thú nhận làm Phước kinh ngạc, bởi vì Phước nghĩ rằng người lính bộ binh

đáng lẽ phải không biết sợ. Nhưng người trung sĩ dày dặn kinh nghiệm ấy lại được thưởng huy chương và nói rằng sợ hãi là chuyện tự nhiên. Nhất thiết phải biết đúng sự sợ hãi, phải kiềm chế nó. Rồi thì lắng tai nghe mệnh lệnh và sử dụng cái đầu để suy nghĩ. Theo người trung sĩ Mỹ ấy, một người lính không biết sợ thì hoặc là ngu đần, hoặc là điên khùng, bởi vì anh ta nói láo hoặc sắp đi nhà thương điên.

Nhớ lại cảm giác lúc ấy và bài báo, Phước vẫn không chấp nhận rằng mình đang sợ. Phước vẫn nghe thấy tiếng đạn pháo dội xuống Phú Bài, Huế và vùng cảng. Là một tiểu đoàn trưởng, Phước có mấy máy điện đài trong sở chỉ huy của mình. Đó là một căn lầu và một hầm nhỏ. Một điện đài vận tần số “mạng lưới chỉ huy” liên lạc với chỉ huy sở tiền phương của quân đoàn 1 đóng tại Huế. Mạng lưới giúp Ngô Quang Trưởng tuy vẫn tỏ ra thoải mái nhưng đang bù đầu ở Đà Nẵng khi biết những tin tức mới nhất về cánh quân phía Bắc đang rung rinh của mình.

Chính trên “mạng lưới chỉ huy” mà Phước nghe được tin thủy quân lục chiến đang chạy. Cộng sản mất khoảng nửa giờ để tràn qua vị trí này của thủy quân lục chiến dọc theo bờ sông Mỹ Chánh. Lần này, đám lính thủy quân lục chiến không kịp ngừng lại để phá sập cầu.

Trong số lính thủy quân lục chiến ở bờ sông Mỹ Chánh ấy có Đức đã chạy ở Quảng Trị về. Đức chẳng nghĩ đến chuyện sợ hãi. Tiếng đạn pháo rơi xuống Huế không làm cho anh ta lo ngại. Khu vực của anh ta yên lặng. Đức nằm ở dãy phòng tuyến và chẳng hề sợ khi nghĩ đến một cuộc tấn công. Một cuộc đột kích của đặc công khó có thể xảy ra. Pháo kích là chuyện có khả năng nhất, nhưng lo về nó chẳng có cách nào ngoài việc chui xuống hố cầu ngầm. Bất cứ một cuộc tấn công lớn nào cũng sẽ chạm đám thủy quân lục chiến trước khi đến Đức. Anh ta sẽ có khối thì giờ để chuẩn bị chiến đấu hoặc bỏ chạy. Anh ta nghĩ, có lẽ phải chạy. Thật kỳ cục, một tuần lễ trước, bỏ chạy là chuyện anh ta nghĩ đến sau cùng, còn giờ đây, nó lại ngự trị trong đầu.

Cái ý nghĩ bỏ chạy khỏi chiến trường, khi điều mà anh ta đã được dạy là bám trụ chiến đấu và tấn công không còn hấp dẫn đối với Đức. Khi bàn với bạn bè, thì nó càng trở nên là điều chấp nhận được. Chiến đấu để rồi chết là điều ngu xuẩn khi cuộc tấn công thế nào cũng tràn ngập vị trí của mình. Một thủy quân lục chiến nói được tiếng Anh dịch lại thành ngữ của Mỹ “Advance to the rear” (tiến về phía sau).

Lần đầu tiên trong đơn vị của Đức, chuyện rút lui trở thành giải pháp chấp nhận được để thay cho việc tiến tới. Họ đã biết chuyện rút lui khỏi vùng cao nguyên. Họ đã biết chính tổng thống của họ ra lệnh ấy. Nếu cả cao nguyên còn chẳng có nghĩa lý gì thì Mỹ Chánh có nghĩa gì nữa? Về mặt tâm lý, đây là mầm mống nạn chí khổng lồ đã gieo vào quân đội Sài Gòn. Chính lệnh rút lui khỏi cao nguyên của Thiệu đã cấy vào đầu óc binh sĩ ý nghĩ rút lui nếu không muốn nói là đầu hàng.

Khi Đức ngồi trong giao thông hào đêm ấy, bàn chân anh ta hơi co lên khỏi cái mặt đất lạnh và ẩm ướt, thì sò sò trong tâm trí anh ta là chuyện bỏ chạy, là ý nghĩ chạy khỏi chiến đấu để tìm lấy cái sống. Phần lớn những người còn lại trong cái đội quân 1 triệu người của Sài Gòn đã nghĩ tương tự như vậy trong đêm ấy.

Binh nhì Đức đang thần thò ngắm dòng sông Mỹ Chánh thì trận tấn công bắt đầu. Một lần nữa, lại cũng những chiếc xe tăng Bắc Việt Nam đã đánh bật lữ đoàn thủy quân lục chiến 2.500 người này ở giữa tỉnh Quảng Trị. Giờ đây, từ hướng Đông và dọc theo bờ Nam sông Mỹ Chánh, những chiếc xe tăng xuất hiện, những chiếc xích sắt nghiền ken két, nghe rõ mồn một trong cái đêm quang đãng vẫn còn lành lạnh của mùa xuân. Đức có thể thấy có một khẩu súng gần anh ta nhả đạn. Pháo binh Sài Gòn bắn rải rác xung quanh thủy quân lục chiến. Các xe tăng Bắc Việt Nam loại T.54 và xe lội nước PT.76 đang bắn thẳng vào phòng tuyến thủy quân lục chiến. Các tay súng đại liên, với các loại súng cỡ đạn 7,62 và 12,7 ló đầu khỏi tháp pháo, nhả đạn như mưa vào thủy quân lục chiến.

Sẽ không dễ gì khi rút lui lần này, Đức nghĩ vậy. Lần trước, xe tăng không bắn, bật đèn cho thủy quân lục chiến thấy đường mà chạy về nam Mỹ Chánh.

Giờ đây rút lui sẽ là nhận lấy một tràng đạn ghim sau lưng. Một quả đạn pháo của xe tăng xé gió bay về hướng anh ta. Anh ta rút vào hố cá nhân tránh nó. Quả đạn nổ, văng một ít đất lên người Đức. Anh ta không hề biết gì nhưng lỗ tai bị ù đặc.



Xe tăng Quân Giải phóng vượt sông.

Khi đõ ù tai, anh ta nghe được một thứ âm thanh mới ở trước mặt bên kia sông. Xe tăng Bắc Việt Nam đang từ phía Bắc tới. Đây mới là vấn đề. Với hỏa lực yểm trợ tốt, lính cộng sản ngồi gọn trong xe tăng lội nước PT.76 băng qua sông đổ bộ lên ngay sở chỉ huy lực lượng của Đức.

Nhiều người đang bị giết trên vành đai phòng thủ. Tiếng kêu la của số người bị thương vọng đến tai Đức, trong khi tiếng súng lặng đi. Lực lượng này của cộng sản rõ ràng lớn hơn ngay cả lực lượng đã đuổi toàn bộ sư đoàn thủy quân lục chiến ở Quảng Trị chạy dài.

Sau này Đức nhớ rằng anh ta có lẽ là người thứ 25 trong đơn vị mình bắt đầu bỏ chạy. Không có mệnh lệnh nào cả. Có thể cuộc rút chạy của tiểu đoàn dân vệ 350 người ở phía Đông đã làm đám thủy quân lục chiến chuyển động. Đám thủy quân lục chiến vẫn cố giữ kỷ luật nhưng cứ lùi. Tiến về phía sau mà, Đức nghĩ vậy.

Đức nhận ra rằng mình đang ở với khoảng năm chục người trong cùng đơn vị. Họ lui kiểu cóc nhày, bằng trực giác, đảo ngược lại thủ tục tấn công mà họ được huấn luyện. Một dặm rồi hai dặm. Rất nhiều lính thủy quân lục chiến đã ngã xuống. Những người nào còn sức đều cố chạy.

Người ta nói cộng sản nhân đạo đối với lính bị thương. Sự việc đã đúng như vậy.

Trận đánh chiếm Huế được bắt đầu như thế từ phía Bắc.



Tiến công binh chủng hợp thành.

Trong vòng vài giờ sau, nó cũng được bắt đầu như thế từ phía sau. Đại úy Phong lắng nghe cuộc rút lui của thủy quân lục chiến trên chiếc đài bắt tần số sở chỉ huy. Phước nhìn lại một lần nữa chiếc xe Jeep của mình, vật có thể hộ thân giúp anh ta chạy theo quốc lộ 1 về Đà Nẵng. Nhưng đạn pháo rơi nhiều dọc đường.

Bấy giờ, Phước rất sợ. Đã quá nửa đêm để sang ngày khác, ngày thứ bảy, 23-3. Phước gọi các đại đội báo cáo tình hình. Các đại đội trưởng cho biết quân lính đang hoang mang.

Quân đội Bắc Việt Nam đã cắt nát 2 tiểu đoàn quân biệt động giữ sườn phía Tây của Phước, ngọt như cá mập bơi trong nước. Cũng giống như cá mập, cộng sản nghiền vụn ngay đám 700 quân biệt động này. Đơn vị của Phước bị khép chặt bởi một vòng vây. Nhưng bộ đội cộng sản rõ ràng với ý định quét sạch đám quân biệt động, chưa đá động gì đến chuyện tấn công tiểu đoàn của Phước thuộc sư đoàn bộ binh số 1 vốn được coi là giỏi nhất.

4 giờ sáng, tiểu đoàn bị tấn công. Báo cáo bằng điện đài của các đại đội trưởng cho thấy rằng ít nhất có 2 tiểu đoàn Bắc Việt Nam tấn công, mỗi tiểu đoàn một hướng. Phước đang vắn từ tần số này sang tần số khác, cố gắng nắm mọi báo cáo. Thành linh nhân

viên điện đài vận tần số khác. Phước nghe được một giọng không quen, đang ra lệnh tấn công. Anh ta nhận ra ngay lập tức đó là một sĩ quan phía bên kia - Bắc Việt Nam - có lẽ là tiểu đoàn trưởng vì căn cứ vào loại chỉ thị và thẩm quyền của giọng nói. Phước cố gắng phát hiện ra kiểu cách ra lệnh của phe địch. Những gì nghe được làm anh ta rợn người. Người chỉ huy đang ra lệnh cho đơn vị ấy giữ vững vị trí đợi các đơn vị khác cùng tấn công. Trung đoàn hay sư đoàn nữa?

Những người khác cùng ngồi trong lều chỉ huy đều nghe được. Một binh nhất còn trẻ hét vào mặt Phước rằng tất cả bọn họ sắp sửa chết hết. Sau này Phước cho biết là đã phải "đánh gục anh chàng", tuy cố gắng không gây thương tật cho anh ta. Anh ta cầm tổ hợp điện đài ấn nút mấy lần. Người sĩ quan Bắc Việt Nam cảnh giác đòi biết cho được ai đang trên tần số. Phước không trả lời, nhưng cảm thấy trách nhiệm đối với những người như chàng binh nhất. Phước ấn nút tổ hợp lần nữa, hít một hơi dài và đằng hắng hai lần rồi bắt đầu nói:

"Đây là đại úy Trần Bá Phước, tiểu đoàn trưởng quân đội Việt Nam Cộng hoà. Các ông đang tấn công vị trí của tôi. Tôi muốn đầu hàng".

Im lặng trong chốc lát. Phước nhắc lại lời nói và buông tay khỏi nút "nói" để người sĩ quan Bắc Việt Nam có cơ hội trả lời. Trận đánh tiếp tục. Phước định nói lần nữa, nhưng thấy một giọng khác xuất hiện trên điện đài, hình như sĩ quan cấp cao hơn:

"Đây là ông Ba (bí danh người chỉ huy cộng sản thường dùng) của Quân đội giải phóng nhân dân. Người ấy nói - Ông Ba thông báo không đứng ra nhận sự đầu hàng của Phước mà thuộc quyền sĩ quan cấp cao hơn. Ông ta yêu cầu trả lời. Phước trả lời xin đợi vài phút. Ông Ba cho biết sẽ đợi vài ngày nếu cần, nhưng trong lúc ấy cuộc tấn công sẽ tiếp tục.

Phước lên điện đài nói chuyện với các đại đội trưởng của mình, phác họa tình huống và đề cập điều kiện đầu hàng cộng sản. Trong vòng 5 phút, ba trung úy đồng ý với Phước. Một đại đội trưởng là thiếu úy khác quan điểm với các đại đội trưởng kia. Phước van nài anh ta bằng cách vạch ra đường rút lui đã bị cắt rồi. Bắc Việt Nam đang thêm quân tới. Tiểu đoàn sẽ bị tràn ngập. Hai giờ nữa mới sáng, có yểm hộ của không quân. Người thiếu úy vẫn không đồng ý.

Thình lình điện đài của người sĩ quan trẻ im bật. Phước sắp sửa thử tần số khác thì lại nghe một trung sĩ ôn tồn thông báo cho biết tai nạn đã xảy ra ở sở chỉ huy đại đội. Thiếu úy đã bắt lực. Thực ra người ấy đã bất động vĩnh viễn rồi. Trung sĩ này đang chỉ huy đại đội. Đại đội chấp nhận đề nghị của Phước: Đầu hàng!

Phước trở lại tần số của ông Ba, cho biết tiểu đoàn sẵn sàng đầu hàng. Ông Ba hướng dẫn hành động: Bỏ súng, tập trung thành hàng ngũ. Sẽ được bảo đảm an toàn.

“TTXVN-(Hà Nội) 27-3

Theo tin của TTXGP, ngày 26-3, 1 tiểu đoàn của trung đoàn 1 thuộc sư đoàn 1 - quân đội Sài Gòn ở tỉnh Thừa Thiên đã bỏ sang phía cách mạng, đem theo mọi vũ khí...”.

Cho dù đầu hàng hay đổi bên thì đây vẫn là cuộc bỏ ngũ tập thể đầu tiên để sang bên kia của quân đội Sài Gòn. Vậy thì đầu hàng tập thể của một trong những tiểu đoàn ưu tú của cái sư đoàn bộ binh ưu tú ấy là một bước quan trọng đẩy mạnh quá trình suy sụp tinh thần của quân đội Sài Gòn. Nó còn cho thấy sẽ không có cảnh cộng sản tắm máu ở miền Nam Việt Nam. Trong vùng Huế - Đà Nẵng người ta biết rộng rãi tin tiểu đoàn của Phước không bị trả thù, được đối xử quá tốt, thậm chí không giống tù binh tí nào vì đã được mang ra khỏi tỉnh Quảng Trị, và ngủ trong các nhà bỏ lại của dân.

Bộ đội Bắc Việt Nam và Việt Cộng giờ đây kiểm soát hoàn toàn 10 trong số 44 tỉnh của Nam Việt Nam. Thừa Thiên - tỉnh bao quanh Huế đã ở trong tay họ dù Huế chưa sụp đổ. Đà Nẵng ở trong nguy cơ nghiêm trọng. Điều quan trọng xét về mặt chiến lược là việc họ chiếm Quảng Ngãi đã cắt miền Nam Việt Nam làm đôi. Ba trong số 12 sư đoàn chiến đấu của Nam Việt Nam hoàn toàn tan nát. Thủy quân lục chiến không còn chiến đấu với tư cách sc nữa. Quân biệt động hầu như bị tiêu diệt.

Bắc Việt Nam mất một ít người theo cách tính của họ, nhưng tinh thần chiến đấu lên cao. Việc giải phóng hoàn toàn đã nằm trong tay rồi.

Giờ đây, binh nhì Đức của thủy quân lục chiến có thể nhìn thấy được Huế. Anh ta đã chạy, rút lui trong hơn 24 giờ và không được ngủ. Đức còn cách Huế chỉ đôi ba dặm. Người sĩ quan chỉ huy có được một điện đài. Toàn thể đám binh sĩ đều nghe được mệnh lệnh.

Ngô Quang Trường từ sở chỉ huy quân đoàn 1 ở Đà Nẵng ra lệnh tổng phòng thủ Huế. Huế sẽ không bị bỏ rơi. Sẽ có một trận đánh bảo vệ thành phố ấy. Đây là lệnh từ tổng thống và tư lệnh quân đoàn! Trên những tần số khác, thủy quân lục chiến nhận lệnh. Ước lượng khoảng 25 nghìn binh sĩ mang súng của quân đội Sài Gòn làm cuộc phòng ngự Huế để đọ sức với khoảng 40 nghìn bộ đội cộng sản. Phòng tuyến đã được vạch ra.

Nhưng Sài Gòn đã rút lui khỏi Huế!

Không một ai, nhất là Trường lại dám thú nhận đã ra lệnh bỏ rơi Huế mà không chiến đấu. Trong lúc Đức đang ngủ thì có dấu hiệu báo cuộc rút lui đã đến. Người ta đánh thức Đức dậy. Anh ta không thể nào tin được dù cuộc di tản đang bắt đầu. Sĩ quan khóc công khai. Binh sĩ thở phào nhẹ nhõm vì quan điểm họ khỏi phải chết ở Huế.



Rút chạy khỏi Huế.

Bắc Việt Nam tấn công vào trưa hôm ấy, ngày 25-3. Từ phía Tây Nam và Bắc, cộng sản đi vào Huế. Ở phía sau, ngược quốc lộ 1 xuất hiện Phước, trước đây là đại úy quân đội Sài Gòn. Bây giờ Phước là người dẫn đường cho cộng sản. Ông Ba đã nói thẳng với Phước là một âm mưu đưa tiểu đoàn ông vào đây thì sẽ phải đổi bằng sinh mạng của Phước.

Phước không lừa dối. Ông ta cầm ống liên hợp của cái điện đài loại PC-25 do Mỹ chế tạo và gọi đến sở chỉ huy Huế, nói chuyện với người thiếu tá trong nội thành. Thành Huế cách họ có nửa dặm.

Ông ta nói với người thiếu tá trên điện đài rằng ông ta tận mắt biết rõ Huế đang bị bao vây. Vũ khí mà Bắc Việt Nam có là đáng sợ. Lực lượng của họ là vô địch. Người thiếu tá trong thành nội đồng ý giao thành lúc 9 giờ sáng. Một giờ sau, 10 giờ sáng, một trợ lý của ông Ba nhận khẩu M16 tượng trưng mà người thiếu tá trao cho ở cổng thành nội. Ông Ba không đích thân nhận súng mà đang tổ chức kéo một lá cờ Việt Cộng khổng lồ lên cột cờ thành nội. Lá cờ này lớn hơn cả lá cờ ba sọc của Sài Gòn. Nó đã được may ở một ấp thuộc Quảng Trị, coi như công trình của cả xã một tháng trước đó. Kích thước thực sự chưa rõ, nhưng những người tận mắt nhìn thấy nói khoảng 8m x 5m. Có lẽ còn lớn hơn thế.



*Các chiến sĩ trung đoàn 101
tham gia giải phóng cố đô Huế
ngày 25 tháng 3 năm 1975*

Chương 5. Phút mở màn của giai đoạn cuối: mất Đà Nẵng

Việc mất Huế là thảm họa có một không hai cho chính quyền Sài Gòn trong cuộc chiến. Từ ngày ông Ba kéo lá cờ Việt Cộng lên thành nội, Nam Việt Nam đã đến ngày tận số. Mọi người Nam Việt Nam đều biết Huế. Sài Gòn có thể là thủ đô, Đà Nẵng có thể là thành phố quan trọng hơn về mặt thương mại nhưng nhiều người chống cộng và dân chúng thân chính quyền rất sững sờ trước việc mất Huế. Với tính cách giành một thắng lợi nhanh gọn, Bắc Việt Nam đã làm rất tốt trong việc chiếm Huế. Nhưng việc chiếm Huế mà không phải giao tranh là thắng lợi quan trọng nhất trong cuộc chiến. Sự kiện quân đội Sài Gòn được lệnh rút khỏi thành phố làm mọi người sững sốt gấp đôi.

Thiệu không để dấu hiệu yếu kém nào lộ ra bề ngoài, tuy nhiên bên trong các hội đồng cơ cấu quyền lực Sài Gòn, khó khăn bộc lộ lan tràn. Quân đội vốn là nền tảng của chế độ lại đang tan rã, bỏ rơi từng mảnh đất lớn và các thành phố mà không chiến đấu.

Thiệu chẳng ngu gì vì có quyền lực và khư khư muốn giữ lấy nó, tin rằng chỉ mình mình là có thể cứu Nam Việt Nam khỏi tai họa từ bàn tay đám ngoại bang muốn thấy nó sụp đổ. Thiệu kể luôn người Mỹ vào đám ngoại bang này. Chính trong lúc ấy, tại Đà Nẵng, sự hoảng loạn đang lớn dần và trở nên tồi tệ. Thành phố này là điểm tập trung cho 1 triệu hoặc 1 triệu rưỡi người di tản. Ngày Huế sụp đổ, 14 hoả tiễn đã rơi trúng căn cứ không quân Đà Nẵng. Sự hoảng loạn tự nó lớn lên với Đà Nẵng và chẳng ai có thể làm gì đối với nó.



President Nguyen Van Thieu is in a pep talk with a Ranger at Duc Hue Camp

Nguyễn Văn Thiệu nghe báo cáo tình hình chiến sự tại Đà Nẵng.

Ngô Quang Trưởng vẫn còn làm việc vào ngày hôm sau Huế sụp đổ, nhưng hoạt động của Trưởng đã trở nên mơ hồ. Trưởng muốn đảm soát sát của sư đoàn bộ binh số 1 đi về phía Tây và Tây Nam. Đám biệt động quân ở phía nam thay lính dù đã bị Thiệu rút về Sài Gòn. Vùng phía nam là mắt xích yếu nhất. Nhưng đám quân còn lại từ Huế đổ bộ lên Đà Nẵng thì thật thảm thương. Binh sĩ đã ném bỏ trang bị. Sư đoàn 1 bộ binh không còn lực lượng quân sự nữa. Đây là đám người cuồng dại. Dân chúng há hốc mồm nhìn đám người đó, lòng cay đắng vì trước đây nó là lực lượng thiện chiến nhất của quân đội Sài Gòn.

Rạng sáng ngày 28-3, bộ phận chỉ huy của cộng sản ở Đà Nẵng đã ban hành mệnh lệnh. Lệnh đó được chuyển nhanh chóng xuống các đơn vị thấp nhất, không cần giữ bí mật nữa. Nó đang được đài phát thanh cộng sản loan đi như tài liệu tuyên truyền:

"... Nhân dân Đà Nẵng hãy nổi dậy cùng với các lực lượng vũ trang giải phóng nắm lấy quyền quyết định vận mệnh của mình. Bọn địch đã bị bao vây và đang bị tấn công. Chúng đang tìm cách tháo chạy. Thời cơ giải phóng tỉnh Quảng Đà và thành phố Đà Nẵng đã đến..."

Mệnh lệnh thật giản đơn và rõ ràng. Bắc Việt Nam đã cảm thấy việc chiến thắng Đà Nẵng gần kề đến nỗi bỏ qua cả bí mật trong mệnh lệnh tấn công. Họ cảm thấy phổ biến lệnh ấy thúc đẩy sự đầu hàng và tan rã của Đà Nẵng. Vào trưa ngày 28-3, một buổi trưa thứ sáu ở các nơi khác trên thế giới với ngày nghỉ cuối tuần đang đến và chẳng còn chuyện gì khác thì Đà Nẵng lại đang ở con co quắp cuối cùng của sự kinh hoàng.



Quân Giải phóng tiến vào Đà Nẵng.

Binh sĩ từ Huế đến đang nổi loạn. Không sĩ quan nào kiểm soát nổi đám lính sống sót từ Quảng Ngãi - Tam Kỳ ra, cũng như từ Quảng Trị về. Họ đang biến thành các đám đông cuồng dại. Tiếng súng nổ như pháo Tết. Giết người và hãm hiếp trở thành chuyện bình thường. Cướp bóc ngự trị ngay ngày hôm ấy.

Trong cái mệnh lệnh cuối cùng được xem là còn bình tĩnh, Trường ra lệnh cho các xe tăng của quân đội Việt Nam Cộng hoà xuống đường tái lập trật tự và giới nghiêm 24/24 giờ. Nó chẳng làm được chuyện gì vì đa số lính trên các xe tăng gia nhập đám người vơ vét. Lính khác thì sợ, chẳng ai chống lại vì không ai muốn chết trong cái ngày có vẻ là cuối cùng của cuộc chiến. Họ càng chẳng muốn chết trong chiến trận với đồng ngũ cùng mang thứ quân phục với mình.

9 giờ tối, hoả tiễn bắt đầu rơi xuống Đà Nẵng. Các tuyến phòng thủ phía Nam và phía Tây đổ sụp. Ngô Quang Trưởng, người anh hùng, người lính chiến, người đào hố tử thủ, đã rút ra ngoài tìm đến một chiếc tàu gần bờ. Trưởng đã một mực sử dụng giả thuyết rằng trong thành phố quá nguy hiểm, sẽ bị đám lính lang thang cướp bóc gây nguy hại cho sự chỉ huy. Trưởng cho biết sẽ chỉ huy trận đánh giành Đà Nẵng từ ngoài bờ.

Điều nhanh chóng thấy rõ là Trương không biết bơi, ít nhất là bơi không giỏi. Sóng nước không lớn, nhưng các ngọn sóng bạc đầu đang ở cách bờ khoảng 100 mét. Ngọn sóng thứ nhất vật ngã Trương, ngọn thứ hai phủ lên người viên tướng này.

Trong tình hình Trương ra đi còn khoảng 100 nghìn lính có mặt trong vùng. Ước đoán có khoảng 80 phần trăm đang cố sức thoát ra hoặc vơ vét cái gì có thể kiếm được trong khoái lạc bắn giết và cướp bóc. Các tướng khác đang hoạch định lại chuyển bay bí mật. Đà Nẵng đã được trao tay rồi. Nó chẳng còn gì nữa, mất hết, đã được trao về cho Việt Cộng và Bắc Việt Nam.

Suốt đêm, sự huỷ hoại, vơ vét, trộm cướp và hãm hiếp tiếp diễn. Toà nhà lãnh sự Mỹ, con voi trắng bị lột chỉ còn trơ cái vỏ.

Thành phố Đà Nẵng, thành phố lớn thứ nhì ở Nam Việt Nam đã sụp đổ. So với bất kỳ thành phố nào trên toàn bộ đất nước nó được phòng thủ mạnh nhất và được cầm đầu bởi viên tướng được coi là giỏi nhất trong quân đội Sài Gòn. Các kho của nó chất đầy lương thực để dùng trong nhiều tháng, chứa đầy đạn dược và vũ khí đủ dùng trong 60 ngày.

Hai xe vận tải chở du kích, quá nửa là phụ nữ đã vào chiếm thành phố. Một lần nữa, cộng sản đã chiến thắng gần như không cần bắn một phát súng. Gần như thế! Cộng sản lúc đó đã có 13 tỉnh Nam Việt Nam dưới quyền kiểm soát của họ. Với việc chiếm Đà Nẵng, cộng sản nắm được đúng 50% lãnh thổ Việt Nam đằng sau phòng tuyến của họ.



Tiến vào giải phóng thành phố Đà Nẵng, ngày 29-3-1975

Ngày 30-3, một ngày sau khi Đà Nẵng sụp đổ, lại là ngày chủ nhật. Chủ nhật nên không có cuộc họp báo của chính quyền Sài Gòn nhưng Lê Trung Hiền vẫn có mặt ở văn phòng. Hiền đang nghĩ cách xem phải nói gì về Đà Nẵng trong buổi họp báo xế trưa hôm ấy. Hôm nay Hiền sẽ không nói láo mà chiến thuật của Hiền là thận trọng thế nào để khởi ghi công cho kẻ thù trước khi họ đáng nhận nó một cách công khai.

Hôm ấy các nhà báo cũng tránh hỏi Hiền về việc mất cái thành phố lớn thứ nhì đó.

Chương 6. Mọi việc vẫn ổn định

Khi cộng sản vào chiếm thành phố ngày 29-3 thì binh nhì Đức đang ở trên một tàu hải quân Nam Việt Nam ở ngoài khơi Đà Nẵng. Có khoảng 2 nghìn lính thủy quân lục chiến trên tàu, phần lớn phải đứng. Quả thật chẳng còn chỗ nào để mà nằm nữa. Mũi tàu đang hướng về phía Cam Ranh. Lúc 2 giờ trưa, một chiếc trực thăng Mỹ lượn sát phía trên con tàu. Trên máy bay có Kennerdy, một nhà báo và là bạn của tổng thống Ford vừa sang Nam Việt Nam. Trên tàu, đám bạn của Đức đã giương súng M.16 nhằm chiếc trực thăng mà bắn. Đó là một cách bày tỏ sự phẫn nộ. Chiếc trực thăng với lá cờ Mỹ đang chế nhạo họ, họ nghĩ như vậy. Những người nào không có súng thì la hét, chửi rủa chiếc trực thăng, vung nắm đấm lên đá đảo nó. Chiếc trực thăng chao mình rồi bay vọt ra xa. Không ai bị thương và máy bay cũng không hề gì, nhưng Kennerdy tỏ ra sùng sốt. Chính cái sư đoàn thủy quân lục chiến từng được Kennerdy khen ngợi nhiều lần là cái sư đoàn giỏi nhất nhì trong quân đội Sài Gòn lại tìm cách giết người Mỹ. Biến cố ấy cho Kennerdy cái nhìn sâu sắc vào tinh thần quân đội Sài Gòn. Nói tóm lại, rõ ràng là nó chẳng còn tinh thần nào cả. Kennerdy định viết báo cáo riêng cho Ford sau khi từ Nam Việt Nam trở về.



Tướng Phú (phía sau) cùng Phó tổng thống VNCH Nguyễn Cao Kỳ trên tàu sân bay Mỹ chạy khỏi Việt nam.

Ngày 30-3, một ngày sau khi Đà Nẵng sụp đổ, tướng F.Weyand, tham mưu trưởng lục quân Mỹ, làm chuyến công du tìm hiểu sự thật ở Nam Việt Nam đã có mặt ở Nha

Trang. Weyand đang tận mắt quan sát những gì còn lại của quân khu 2 Nam Việt Nam, vùng miền trung của đất nước. Tư lệnh quân khu là Phú. Chính Phú là kẻ đơn độc đứng lại trước mặt Thiệu ngày 14-3 khi tay tổng thống này ra lệnh rút khỏi Tây Nguyên.

Phú đang thuyết trình cho Weyand nghe về tình hình chiến sự. Lẽ tất nhiên không có gì để lạc quan. Nha Trang còn yên tĩnh. Theo con mắt các sĩ quan hành quân thì không có gì hiểm nghèo cả. Weyand nhất trí như thế. Lý do cho sự lạc quan ấy là niềm tin rằng: cộng sản, sau khi chiếm được những vùng lãnh thổ rộng lớn và những trung tâm dân cư, sẽ phải ngừng bước tiến để củng cố thành quả và bổ sung lực lượng.

Những dữ kiện và lập luận mà Weyand thu được làm cho ông ta có thể về Washington tuyên bố: “Lực lượng Nam Việt Nam không mất tinh thần, xét theo bất cứ khía cạnh nào. Quân đội Sài Gòn sẽ đứng lên chiến đấu ở Bắc Nha Trang và họ quyết tâm làm chậm bước tiến của cộng sản. Họ đang cho thấy mọi việc được thực hiện rất tốt”.

Còn ở Nha Trang hôm ấy, Weyand nói: “mọi việc đang ổn định”. Các nhà báo ghi lia lia. “Tôi phấn khởi trước những gì nhìn thấy được do quân đội Việt Nam Cộng hoà đang làm. Họ đang hành động giỏi”. Weyand nói quân đội Sài Gòn đã quyết định phòng thủ “phần sinh tử” của Nam Việt Nam, và “phần sinh tử” ấy bao gồm Nha Trang và vùng đất phía Nam của nó. Phú đã tuyên bố sẽ phòng thủ luôn cả Quy Nhơn và tỉnh phía Bắc Nha Trang.



Frederick C. Weyand ở Việt Nam

Weyand, Phú và các chuyên gia của họ đều xem những gì xảy ra trước đây đều là chân lý vĩnh cửu. Những đơn vị bộ đội cộng sản chưa bao giờ có thể di chuyển nhanh. Phương án chiến đấu của họ có phạm vi hạn chế và chẳng còn chỗ cho cấp chỉ huy chiến trường quyết định. Vào thời điểm Nha Trang, các sĩ quan tình báo Sài Gòn vẫn cho rằng chiến thuật cộng sản vẫn như cũ. Họ đã thu được thành quả cơ bản ở Tây Nguyên, quân khu 1, thì Bắc Việt Nam hẳn phải dừng lại củng cố. Các đường tiếp tế phải đuổi bắt kịp xe tăng và bộ binh. Đây là cách mà mấy năm qua họ đã từng chiến đấu. Chẳng ai nghĩ hoặc nghĩ quá ít đến việc Bắc Việt Nam đã cải tiến phương pháp tác chiến và trên thực tế đã giao thêm quyền quyết định cho các tư lệnh chiến trường. Các tuyến tiếp tế đang đi theo quân Bắc Việt Nam chứ không còn nằm cố định sau phòng tuyến nữa.

Một điểm khác chẳng mấy ai nghi ngờ là Weyand cũng như Phú và chính quyền Sài Gòn đánh giá không đúng sự đổ vỡ tinh thần của dân chúng chống cộng và binh lính Sài Gòn. Họ cảm thấy bị phản bội. Không những bởi Mỹ không còn viện trợ mà bởi cả tổng thống của họ là Thiệu. Trong lúc ấy họ lại coi Bắc Việt Nam thuộc hạng siêu nhân. Thế là thấy được “Việt Nam Cộng hoà” tận số rồi. Weyand và các nhà lãnh đạo Mỹ vì lý do nào đó mà đui mù trước thực tế này, thái độ đó sẽ gây biết bao thống khổ trong 31 ngày kế tiếp.

Thống khổ đầu tiên thấy được là tấn thảm kịch Nha Trang sụp đổ ngày 1-4, không có lấy một cuộc giao tranh, sụp đổ trong sự hoảng loạn. Hoảng loạn bắt đầu từ việc mất Quy Nhơn. Tên tỉnh trưởng và tư lệnh sư đoàn 22 đã bỏ rơi tỉnh lỵ Bình Định quá nhanh chóng. Phần nửa cái sư đoàn 10 nghìn người ấy với trang bị đầy đủ để đánh nhau lại bỏ chạy lên tàu thuyền. Bộ đội Bắc Việt Nam, ước lượng chỉ độ cấp trung đoàn đã xung phong vào Dục Mỹ. Việc Dục Mỹ bị bỏ rơi không có ai chống cự đã vọng về Nha Trang. Sở chỉ huy của Phú đã gói ghém hành trang, rõ ràng là nó lại sắp di chuyển. Sự hoảng loạn từ đó mà lớn lên không ai ngăn được.



Thu gom vũ khí, chiến lợi phẩm.

Binh nhì Đức và đám thủy quân lục chiến đến vịnh Cam Ranh ngày 1-4. Bọn quân cảnh, bình thường dữ tợn, nhưng lúc này thấy hầy nên tránh xa bọn thủy quân lục chiến. Bọn này lên bờ, bắt đầu chất người lên xe tải, xe jeep, xe du lịch, chĩa súng vào người lái yêu cầu chở đi Nha Trang. Những người lái hiểu ngay vì không muốn bánh xe bị bẹp gí bởi đạn M.16. Vừa ra khỏi vịnh Cam Ranh, đám thủy quân lục chiến nhanh chóng biết được Nha Trang giờ đây hoặc chẳng bao lâu nữa sẽ nằm trong tay cộng sản.

Gần một nửa đám lính này lại gí súng vào lái xe yêu cầu đưa họ quay lại vịnh Cam Ranh. Họ lại lên những chiếc tàu đã chở họ từ Huế đi Đà Nẵng, từ Đà Nẵng đi Cam Ranh và bây giờ từ Cam Ranh xuôi tiếp về phía Nam. Đức không có mặt trong tốp đó. Đức và hàng nghìn người khác cứ ngồi trên xe chạy dọc quốc lộ 1. Mục tiêu là đến Sài Gòn. Hàng nghìn người khác bỏ chạy về phía Nam, trong đó có cả Phú và sở chỉ huy quân đoàn 2.

Cũng như Đà Nẵng, việc Nha Trang sụp đổ được xác nhận bằng một cú điện thoại đến chỉ huy quân sự ở Sài Gòn. Từ Nha Trang, tỉnh trưởng Khánh Hoà đã gọi về lúc xế

chiều. Ông ta hét vào tai người sĩ quan trả lời điện thoại, làm cho người này sững sờ với câu nói: “Tôi đi đây, tình hình tuyệt vọng rồi”. Rồi ông ra cúp điện thoại.

Giờ đây, cái gọi là quân lực Sài Gòn một triệu người đã bị tiêu diệt đúng phần nửa. Sáu sư đoàn rưỡi được gọi một cách văn vẻ là “mất hiệu lực tác chiến”. Chẳng sư đoàn nào sẽ chiến đấu trở lại. Những gì còn lại: chỉ có nửa sư đoàn dù và sư đoàn 18 được xem là còn đôi chút giá trị. Các sư đoàn 5 và 25 đã mất hiệu lực vì tư lệnh của chúng nằm tù do tham nhũng và bán vật liệu cho Việt Cộng. Ba sư đoàn khác nằm trong vùng châu thổ, năng lực đáng nghi ngờ và không thể chuyển về Sài Gòn được.

Hai tỉnh khác cùng Nha Trang rơi vào tay cộng sản là Quy Nhơn và Tuy Hoà. Thế là 15 trong số 23 tỉnh phía Bắc Sài Gòn vĩnh viễn nằm trong tay Bắc Việt Nam và Việt Cộng. Riêng tại Đà Nẵng, 100 nghìn lính Sài Gòn bị bắt. Tổng số lực lượng bị mất ước chừng 300 nghìn người, chưa kể số binh sĩ chẳng bị bắt, bị thương mà chỉ hoàn toàn vô tổ chức. Ba trong bốn thành phố lớn nhất ở Nam Việt Nam đã nằm trong tay cộng sản. Khoảng 2 triệu dân di tản về phía phòng tuyến Sài Gòn. Họ là những người làm nghề đường đi, ngọn thức ăn, làm mất thì giờ và đòi chiếm đủ mọi thứ phương tiện khác.



Tướng 4 sao Trần Thiện Khiêm – Thủ tướng chính phủ VNCH năm 1975.

Chính trong ngày này, cột trụ của Thiệu là Trần Thiện Khiêm thông báo ý định từ chức. Khiêm nói thẳng với Thiệu rằng Thiệu đã mất hết tín nhiệm không những đối với các nhà chính trị mà còn cả với quân đội nữa. Khiêm là một trong hai tướng 4 sao ở Sài Gòn (tay kia là Cao Văn Viên) là lý do chính giữ Thiệu tại vị. Chẳng lẽ nào Khiêm còn ủng hộ Thiệu thì đã số các tướng khác cũng vậy.

Thiệu đang cố tìm cách né tránh những lời đả đảo đã huỷ bỏ luôn buổi họp chia tay với tướng Weyand lúc 5 giờ chiều ngày 1-4. Thiệu hẹn gặp lại Weyand, Martin và tướng Viên vào sáng ngày 2-4. Weyand đang nóng nảy muốn cuốn gói về sớm để báo cáo với tổng thống Mỹ. Nhưng Thiệu lại huỷ bỏ buổi hẹn ấy lần nữa. Đang bù đầu với những khó khăn chính trị, Thiệu chưa sẵn sàng gặp những người Mỹ này. Rốt cuộc, chiều ngày 2-4, lúc 17 giờ Thiệu mới chịu tiếp họ. Tay tổng thống đã bị tác động nên khinh miệt gay gắt với Martin và Weyand, Thiệu rút ra một lá thư của cựu Tổng thống Nixon hứa can thiệp bằng quân lực Mỹ vào cuộc chiến tranh Việt Nam nếu cộng sản vi phạm hiệp định. Thiệu mắng nhiếc chính quyền Mỹ, nói thẳng vào mặt Weyand là về phần mình, con người Thiệu đã bị Kissinger viết chung một hoá đơn bán đứt cùng với Hiệp định Paris rồi. Cuộc gặp gỡ cù cưa, cù nhầy cho đến lúc nó chấm dứt.

Trong lúc những chuyện đại loại như vậy đang diễn ra ở Việt Nam thì ở Washington, Nhà Trắng nhận được báo cáo: Mọi việc vẫn ổn định và có chiều hướng tốt.



*Leon Daniel (phải) là người đã đánh bức điện thông báo Sài Gòn sụp đổ vào ngày 30-4
David Kennerly (trái) là nhiếp ảnh gia đoạt giải Pulitzer, bạn của TT Ford, người đã có mặt trên
chiếc máy bay trực thăng Mỹ bị tàn quân Ngụy bắn khi tháo chạy ngoài khơi Đà Nẵng.*

Chương 7. Tuyển phòng thủ và trẻ em

Trận đánh chiếm Sài Gòn đã bắt đầu từ cái ngày sau thảm họa Nha Trang, mặc dù lúc ấy ít ai nhận ra điều đó. Đúng 4 tuần sau, nó kết thúc thảm họa di tản sứ quán Mỹ vài giờ.

Với những ai ở Việt Nam 4 tuần ấy, các sự kiện như nhoè đi. Những giờ phút thật dài, trí nhớ không hoàn toàn đáng tin cậy nữa. Muốn viết phải sắp xếp lại dữ kiện, không thể dựa vào trí nhớ riêng của mình. Phải dựa vào cả những ghi chú, điện văn có liên quan. Sự kiện dồn dập như phim quay nhanh. Với người Nam Việt Nam, nó còn là thảm kịch, sợ hãi, tuyệt vọng. Tháng 4 ở Sài Gòn là toàn bộ cuộc chiến tranh 30 năm thu nhỏ lại.

Trẻ con Việt Nam được thế giới nhìn như đám cô nhi lẫn lóc trở thành chất xúc tác cho cái bệnh di tản sau khi Nha Trang sụp đổ. Những người quản lý các viện mồ côi ở Sài Gòn để lộ ý muốn của họ cho đám trẻ con đi. Điều này tức khắc trở thành thời cơ tuyên truyền không chỉ riêng cho những người thực tâm giúp đỡ trẻ em. Những kẻ mĩ mai, ích kỷ đã tìm thấy thời điểm ngon lành. Trong bọn này phải liệt Martin vào đấy. Vào một lúc không được kín đáo, Martin đã nói với một người trong đám thân tín rằng, vấn đề di tản trẻ con là đòn tuyên truyền tuyệt diệu. Viên đại sứ cảm thấy việc làm rùm beng tối đa chương trình di tản trẻ em giúp vào việc lái dư luận quốc hội Mỹ nghiêng về phía Sài Gòn. Mọi âm mưu đã thành công. Chiều ngày 3-4, một chiếc DC.8 đã chở 85 trẻ mồ côi và một số nhà báo chọn lọc từ Nam Việt Nam đi Mỹ.



PHOTO COURTESY OF KATHY MANNEY

Những em bé này đã chết cho cái gọi là “đòn tuyên truyền tuyệt diệu” của Martin.

Chiếc C5A đã hạ cánh xuống Tân Sơn Nhất sáng sớm ngày 4-4. Nó quá lớn đến nỗi có vẻ chậm chạp trong khi bay. Công nhân bốc xuống hàng chục tấn thiết bị quân sự cho cái quân đội khổng lồ. Người ta sắp đặt cho nó cất cánh trưa hôm ấy với chuyến hàng chính thức là trẻ mồ côi và những người Mỹ, danh nghĩa là đi theo chăm sóc trẻ. Các nhà báo được ân cần mời ra Tân Sơn Nhất để chụp hình và phỏng vấn đám trẻ lên phi cơ. Chiếc C5A thuộc loại máy bay khổng lồ trên trời. Một số ít may mắn kiếm được ghế ngồi còn tuyệt đại đa số khoảng gần 400 trẻ em phải chui xuống dưới các dây chằng hàng. Cuối cùng cái cửa sổ khổng lồ cũng được đóng lại. Nó được đài không lưu báo là trống chỗ để di chuyển ra đầu đường băng. Phan nhả ra. 4 động cơ phản lực khổng lồ rít lên. Chiếc máy bay lấy đà rồi cất cánh.

4 giờ 45 phút chiều hôm đó, máy bay ra đến biển Đông ở độ cao 4 dặm. Nó tiếp tục nâng độ cao lên 8 dặm mới ổn định đường bay. Lúc bấy giờ, trong máy bay hành khách còn bị chằng dây an toàn. Phần đông người lớn nắm tay nhau thành trò vui. Một số người cất tiếng hát. Bỗng nhiên, cánh cửa máy bay văng mất, sức hút của gió cuốn đi những vật gì không được cột chặt trong máy bay, kể cả mấy đứa trẻ sơ sinh. Chiếc máy bay cố tìm cách quay lại Tân Sơn Nhất. 20 phút sau, phi công không sao giữ được máy bay ổn định nên quyết định hạ cánh khẩn cấp. Chiếc phản lực khổng lồ chạm xuống một cái gò trên ruộng lúa, lướt qua con rạch rồi sừng lại trong đám ruộng kê đó, cách Tân Sơn Nhất không đầy 2 dặm. Lửa bùng cháy và khói làm cho số lớn người trên máy bay bị thiệt mạng.

Martin nhận cú điện thoại báo tin tai nạn máy bay rơi. “Chiếc C5A đã rơi” – một viên chức Hoa Kỳ nói với Martin bằng điện thoại siêu tần số của toà đại sứ. “Vâng”, Martin trả lời. “Có người sống sót”, viên chức ấy nói tiếp. “Vâng, cảm ơn anh”. Martin đáp rồi cúp điện thoại.

19 giờ sau, một máy bay phản lực B.747 chở 400 trẻ em khác ra khỏi Việt Nam. Cuộc di tản những người Mỹ vẫn không được sứ quán Hoa Kỳ giúp đỡ. Martin sẵn sàng giúp trẻ con bởi vì đám cô nhi ấy “giúp” ông ta. Còn với đồng bào của viên đại sứ, Martin vẫn giữ vững lập trường là pháp luật phải được tôn trọng.

Quân đội Sài Gòn đã bỏ thêm Đà Lạt vào ngày 3-4. Ở Sài Gòn người ta tự hỏi khi nào phòng tuyến được giữ vững? Khi Đà Lạt được trao cho cộng sản thì Khiêm đọc diễn văn cuối cùng trên đài phát thanh quân đội Sài Gòn. Thực tế Khiêm vẫn là quân nhân nhưng đã lột sao để nắm vai trò dân sự là thủ tướng. Với giọng đều đều, Khiêm đã đọc bài diễn văn chiến đấu trong giờ ngủ trưa, không chắc có đến 10% người nghe, van nài đồng bào đừng rút lui, công bố ý định từ chức để phản đối Thiệu.

Ngày 4-4 ấy là ngày bận rộn đối với Thiệu. Chấp nhận cho Khiêm từ chức, mở cuộc bắt bớ thứ hai các đối thủ chính trị, gặp Weyand trước khi viên tướng này về báo cáo với Ford. Weyand cho Thiệu biết rằng viện trợ cho Nam Việt Nam sẽ gặp khó khăn nếu rút lui nữa. Mỹ đã quyết định lập phòng tuyến Phan Rang - Tây Ninh, nhưng Nha Trang sụp đổ làm Weyand xúc động vì ở đó ông ta đã nói với các nhà báo rằng, Sài Gòn sẽ chiến đấu. Weyand đã nói thẳng với tay tổng thống Nam Việt Nam rằng những cuộc rút lui quy mô lớn làm mất phiếu quốc hội ủng hộ Sài Gòn. Lực lượng của Thiệu ít nhất cũng phải một lần chiến đấu, thắng được một trận càng tốt.

Thiệu hứa một trận đánh như vậy sẽ diễn ra. Sau đó, Thiệu triệu tập các cố vấn quân sự và quyết định Phan Rang là địa điểm. Thiệu moi móc trong chốc lát rồi quyết định trung tướng Nguyễn Vĩnh Nghi sẽ cầm đầu cuộc chống giữ ấy.



Tướng Nguyễn Vĩnh Nghi của QLVNCH

Viên tướng ba sao này chẳng có thành tích chiến trường nào đáng nói. Nghi đã làm tư lệnh quân khu 4 nhưng tham nhũng công khai, đến nỗi người Mỹ cũng thấy gương và đã buộc Thiệu phải cách chức Nghi năm 1974. Nghi không có tài nhưng có lòng trung thành đặc biệt với Thiệu, điều có thể sử dụng vào năm 1975 này. Lần này, Thiệu giao

cho Nghi quyền chỉ huy Phan Rang và Phan Thiết cách Sài Gòn 165 dặm về phía Đông Bắc. Về nguyên tắc, Nghi phải báo cáo về sở chỉ huy quân đoàn 3 ở Biên Hoà.

Tối ngày 4-4, Thiệu lên đài truyền hình, khiến người ta phải nhức mắt. Thiệu chửi Mỹ đã cắt viện trợ và kết luận: làm sao người ta có thể tin ở Mỹ được. Thiệu chửi báo chí, doạ trừng trị các hãng thông tấn ngoại quốc bóp méo sự thật. Thiệu sôi nổi hỏi tội các cấp chỉ huy không chịu cố thủ. Với kế hoạch bỏ rơi Tây Nguyên, Thiệu coi đó là "chiến dịch quân sự xuất sắc bị quân đội thực hiện tồi", Huế mất vì "phải chơi với lực lượng cộng sản ưu thế hơn". Đà Nẵng sụp đổ vì "không có thì giờ dựng lên một vành đai phòng thủ trong tình hình hoảng loạn". Thiệu xác định mình vẫn sẽ là tổng thống và quân đội sẽ chiến đấu từ Phan Rang. Kết thúc bài diễn văn gay gắt, Thiệu ra lệnh tống giam ba tướng: Phạm Văn Phú vì đã cãi vã với Thiệu về chuyện bỏ Tây Nguyên, Phạm Quốc Thuận vì không phòng thủ Nha Trang, Dư Quốc Đống để mất Phước Long. Còn viên tướng thứ tư mà Thiệu muốn bỏ tù thì lại đang nằm giường bệnh vì bị giày vò và xấu hổ, đó là Ngô Quang Trưởng. Trưởng chẳng giữ nổi thành phố nào ở khu vực phía Bắc, nằm bệnh viện và đang tuyệt thực. Nhưng Trưởng không điên. Đến ngày tận số của Nam Việt Nam thì Trưởng là người đầu tiên leo lên trục thăng Hoa Kỳ.



Nguyễn Văn Thiệu trên truyền hình chửi Mỹ.

Binh nhì Đức của thủy quân lục chiến ngồi xe xuôi theo quốc lộ 1, rời Cam Ranh ngày 1-1. Anh ta dừng chân ở quận lỵ Du Long cùng bạn bè "mua" thức ăn bằng súng, thuê gái đi bằng dao găm nhơn nhơ vài ngày. Đến ngày 6-4, khi bốn lính thủy quân lục chiến, trong đó có Đức - cười sằng sặc bẻ khóa vồ một xe Jeep và đi thẳng tiếp về Sài Gòn thì đã tươi tỉnh lại. Ra khỏi thị trấn 15 dặm, cả bọn đụng đầu với quân cảnh và bị xung vào quân đội một lần nữa. Đám quân cảnh ấy đang làm việc cho Vĩnh Nghi. Bất cứ ai có vẻ có khả năng chiến đấu đều bị xung vào hoặc ép trở lại quân đội Sài Gòn để phòng thủ Phan Rang.

Một trong các lý do chọn Phan Rang làm phòng tuyến vì đó là quê Thiệu. Nhiều người cho đây là lý do độc nhất. Tay tổng thống này sinh ra ở bên ngoài Phan Rang, gần Ninh Chũ và sát bờ biển. Mẹ Thiệu sống ở đó đến đầu thập kỷ 70. Tổng thống hay về thăm quê, thường xuyên hơn mọi vùng khác của đất nước. Thiệu theo đạo Thiên chúa là do chiều ý vợ. Lúc nhỏ, Thiệu theo đạo Phật nên vẫn về Ninh Chũ đều đặn để thăm mồ mả tổ tiên.

Nghi chẳng phải là con người khờ dại về chính trị nên đã vạch kế hoạch phòng thủ Phan Rang bao gồm cả Ninh Chũ, cách Phan Rang 5 dặm về phía Bắc, hơi chệch về hướng Đông. Ninh Chũ không phải là nơi hoàn toàn có thể phòng thủ được. Vài chuyên gia cũng thắc mắc nhưng Nghi giải thích rằng, nó có thể kiểm soát được đường rút lui, hoặc mất Ninh Chũ thì tình lý sẽ nằm trực tiếp dưới hoả lực cộng sản.

Đức và 3 người bạn thuỷ quân lục chiến đến Ninh Chũ. Có mặt ở đây gồm quân biệt động, lính bộ binh, nghĩa quân và cả mấy lính không quân. Một số trong đám lính này thậm chí chẳng hề biết viên đạn nằm ở đâu nào của cây súng. Nét chung nhất của lực lượng phòng thủ Ninh Chũ là hầu hết số lính bỏ chạy khỏi chiến trường nơi khác trong 3 tuần lễ qua. Ninh Chũ trở thành một làng chết được bảo vệ bởi đám lính thích bỏ chạy. Ít ai tin rằng họ sẽ thôi không chạy nữa.

Trung tá Bảo xuất hiện vào chiều ngày 7-4 để lãnh trách nhiệm phòng thủ Ninh Chũ. Ông ta báo cáo trực tiếp về tướng Nghi. Theo lời ông ta nói với lính rằng ông ta có ý định giữ vững Ninh Chũ cho viên tướng cũng như cho tổng thống. Bảo là con người nổi bật. Cầm đầu đám lính có một không hai với bộ đồ trận mới toanh và giày bóng loáng. Ông ra không cho biết mình từ đâu đến, tuy nhiên Đức và đám bạn thân đoán được rằng ông ta từ bộ chỉ huy Sài Gòn ra và được Nghi đích thân lựa chọn.

Khó xác định được đúng ngày trận đánh Phan Rang khởi sự. Thành phố bị pháo kích và dân chúng bỏ đi từ trước khi Nghi nắm quyền chỉ huy phòng thủ. Cuộc tấn công lớn bằng bộ binh xảy ra lần đầu tiên ngày 7-4. Nhưng những biến cố khác làm mờ cuộc phòng thủ Phan Rang. Đó là cuộc ném bom dinh Tổng thống Thiệu ngày 8-4, một điểm ngoặt dẫn đến cuộc di tản người Mỹ.



*Lính thủy đánh bộ Mỹ trên nóc tòa đại sứ tại Sài Gòn (8/4/1975),
cột khói đen là do vụ ném bom xuống dinh Độc Lập*

Chương 8. Cái hổ tử thú

Trận đánh Sài Gòn đã bắt đầu, nhưng dân chúng chỉ phát hiện được vào ngày 9-4, một ngày sau cuộc ném bom dinh Thiệu. Ngày 7-4, trận đánh Phan Rang bắt đầu nóng bỏng. Đức không nhìn thấy nhưng nghe được tiếng pháo kích nặng nề trong tỉnh lỵ và căn cứ không quân cạnh đó. Ở Sài Gòn, Thiệu ra lệnh tổng giam tư lệnh không quân Tân Sơn Nhất. Tướng 2 sao Nguyễn Văn Hiếu, phó tư lệnh quân khu 3 tự tử sau khi cãi nhau với tướng 3 sao Nguyễn Văn Toàn về chuyện phòng thủ thủ đô. Trận đánh lớn nhất là ở tỉnh Long Khánh, cách Sài Gòn 38 dặm về hướng Đông Bắc. Toàn bộ một sư đoàn cộng sản tràn đến Xuân Lộc. Một cái hổ tử thú đã được đào vào thời điểm ấy.



Chiến sĩ sư đoàn 341 tấn công vào Xuân Lộc.

Phòng thủ Xuân Lộc là lính sư đoàn 18, sư đoàn tệ nhất trong quân đội Sài Gòn. Khi mới được thành lập, nó mang danh sư đoàn 10 và đi đến chỗ mang biệt hiệu “năm-bơ ten” (number ten), một tiếng Anh mà người Việt Nam nói bóng để chỉ “đồ tồi tệ nhất”. Do sự nhục mạ của dân chúng ngày càng nhiều đối với sư đoàn “năm-bơ ten”, nó được đổi thành sư đoàn 18. Giữa thập kỷ 60, nó là sư đoàn quá tệ, tới mức không gây đe dọa gì cho đám tướng lĩnh vốn sợ đảo chính nên nó được đóng trong vùng Sài Gòn.

Hai nghìn quả đạn pháo mở đầu cho trận đánh Xuân Lộc. Trận đánh kéo dài một ngày rưỡi. Xuân Lộc chưa chịu gục, nhưng các tư lệnh Bắc Việt Nam còn những lá bài khác trong tay. Hoa Kỳ đang viện trợ khẩn cấp cho Nam Việt Nam. Viện trợ ấy được trả bằng tiền trong các khoản lưu trữ từ 2 năm trước chưa dùng đến. Quốc hội Mỹ chưa chịu chi thêm viện trợ nhưng tiền trong két sắt lúc ấy vẫn còn quá đủ để giữ cho việc tuần trang bị và đạn dược đến tay quân đội Sài Gòn trong nhiều tháng liên tục.

Khi trận Xuân Lộc bùng nổ, một chiếc C5A hạ cánh xuống Tân Sơn Nhất lúc sương mù vừa tan, mang đến 27 tấn mìn sắt và áo giáp chống đạn. Máy bay đổ, đài Sài Gòn báo cho công chúng Việt Nam biết là ở phía bên kia địa cầu, Tổng thống Ford kêu gọi trong đêm rằng, quốc hội Mỹ nên cho Sài Gòn 722 triệu đôla viện trợ quân sự và 250 triệu đôla viện trợ kinh tế.

Thật ra, quân đội Sài Gòn chẳng cần tiền mà cần thay lãnh đạo. Một quyết định ngờ nghếch do tay tổng thống đưa ra ngày 11-4 là tung một lữ đoàn dù nữa vào Xuân Lộc để mong giành lấy chiến thắng, dù tượng trưng, mà Sài Gòn đang hết sức cần thiết. Lữ đoàn được chở bằng xe đến Long Bình. Ở đấy, lính dù được chất lên các trực thăng không lồ loại Si-núc. Mục tiêu cuối cùng là Xuân Lộc, nhưng hỏa lực mãnh liệt của cộng sản trong thành phố khiến không thể nào chở quân bằng máy bay vào tỉnh lỵ được. Vì thế phải chọn một bãi đáp trong đồn điền cao su do Pháp quản lý, cách Xuân Lộc 5 dặm về hướng Đông. Đại đội đi đầu được thả xuống. Binh lính dàn trận. Chẳng có lấy một phát súng nổ. Trực thăng bay đi bay lại giữa đồn điền và Long Bình mang thêm lính dù đến. Các sĩ quan ở Sài Gòn và ở chiến trường khen nhau rồi rít về cuộc hành quân bất ngờ này.

Trước lúc hoàng hôn, sư đoàn Bắc Việt Nam bao quanh đồn điền cao su bắt đầu mở trận tấn công. Đám lính dù quả thật chẳng hề có cơ hội chiến đấu nào nữa. Liều thuốc an thần cho Xuân Lộc thế là tan nát. Bị hoàn toàn bất ngờ, bị áp đảo ở tỷ lệ 3 đánh 1, đám lính dù đã bại trận ngay lúc trận đánh bắt đầu. Đó là trận đánh úp lớn nhất trong cuộc chiến được thực hiện hoàn hảo của một sư đoàn Bắc Việt Nam. Con số tử thương không lớn nhưng số lính dù tan tác tứ phương. Lữ đoàn bị xoá tên, không còn là lực lượng tác chiến nữa.



Chiến đấu tại Xuân Lộc.

Điều quan trọng sau trận đánh úp là 1 sư đoàn Bắc Việt Nam nữa bước vào tham chiến ở Xuân Lộc. Hai nghìn quả đạn pháo nữa ã vào tỉnh lỵ. Như vậy không đáng sợ bằng đêm đó, cộng sản dùng đặc công chui vào phá một kho đạn nhằm trang bị lại cho 15 tiểu đoàn lính Sài Gòn. Đêm sau, một quả đạn pháo trúng số độc đắc lại rơi trúng trung tâm kho đạn khổng lồ ở Biên Hoà. Kho này cần cho trận đánh Xuân Lộc gồm bom, đạn pháo và đạn súng bộ binh. Thêm đòn nghiêm trọng đánh vào Sài Gòn. Chiếc hố tử thủ đã đào nhưng chẳng có gì để lấp ở đó.

Binh nhì Đức trở lại với cuộc chiến được 4 ngày sau trận đánh Phan Rang mở màn ngày 9-4. Anh ta chẳng thích thú gì, nhưng ở Ninh Chữ ngày 13-4, một lần nữa anh ta cảm thấy cuộc sống của mình có mục đích. Hoả lực của Bắc Việt Nam ở đây rất nặng. Đức có thể nghe được và thấy được rằng nó còn nặng hơn ở Phan Rang nhiều. Có thể nghe thấy giao tranh dữ dội nhất là ở căn cứ không quân, nơi Nghi đóng sở chỉ huy.

Những đợt tấn công bằng bộ binh và Ninh Chữ chỉ là thăm dò. Chẳng có gì đáng để cố thủ ở trong làng, nhưng Đức và đồng ngũ cũng ở trong tình trạng báo động hoàn toàn suốt 6 đêm liền. Tiếng súng tuy nhiều nhưng thương vong ít. Trung tá Bảo, tay sĩ quan Sài Gòn khi mới đến có dáng dấp oai vệ giờ đây trông cũng như bọn họ, cũng mệt mỏi, dơ bẩn và nhàu nát.

Cộng sản càng ngày càng đổ thêm quân xuống quốc lộ 1. Ngồi trên xe tăng, xe nhà binh, xe đồ và bất cứ xe gì mà họ gom được trên đường, đoàn quân áo xanh Bắc Việt Nam đi về phía Nam, bỏ hầu hết những vùng mới chiếm được cho bộ đội địa phương. Họ tiến xuống phía Nam thật nhanh theo các con đường, quyết liệt cũng như đường mòn, đường biển. Chỉ trừ những cuộc hành quân trực thăng vận khi Mỹ có mặt, còn chẳng có quân đội nào trong lịch sử Việt Nam lại di chuyển nhanh chóng như lực lượng Bắc Việt Nam lúc bấy giờ.

Vinh Nghi ở lại sở chỉ huy Phan Rang cảm thấy tình hình tuyệt vọng. Thậm chí Nghi không biết đích xác mình có bao nhiêu quân, chỉ ước lượng có độ 1 sư đoàn, 7 đến 8 nghìn lính. Đó là tài xế, thư ký, dân vệ mới xung vào quân đội để giữ mạng sống cho mình. Không có chuyện trốn thoát bằng đường bộ. Nhưng lực lượng của Nghi cứ teo dần đồng thời với dân chúng ở Phan Rang. Thông tin liên lạc giữa Nghi và các vị trí bao quanh có vẻ khó.

Trong phiên trực gác, Đức đi cặp với một trong số ít dân vệ. Khi trò chuyện, người ấy đề cập cho Đức biết chuyện mờ mịt mà gia đình Thiệu chỉ cách nơi họ núp trong hố đạn có khoảng 300 mét thôi. Đức nhận xét với vẻ châm biếm là giờ đây anh ta đã hiểu tại sao họ lại bảo vệ Ninh Chữ.

Vòng đai Xuân Lộc được nói rộng nhưng chỉ là lý thuyết sớm mai một. Bởi vì, tại Biên Hoà, cách Sài Gòn có 14 dặm, cộng sản đang tiến lên. Đêm 14-4, các pháo thủ đã nhằm trúng kho đạn. Khi phi công trình diện lãnh công vụ vào sáng ngày 15-4 thì một trong hai đường lăn không còn sử dụng được vì đạn pháo đào những lỗ trên đường bằng bê tông. Những cuộc yểm hộ cho Xuân Lộc và Phan Rang đều phải ngừng lại. Pháo 130 ly vẫn bắn. Việc phi cơ không cất cánh được thành vấn đề nghiêm trọng. Một nửa số máy bay của không quân Sài Gòn nằm ở tại căn cứ này.



Pháo kích Biên Hòa.

Tại Xuân Lộc, Lê Minh Đảo biết là 3 sư đoàn Bắc Việt Nam (thực tế là 4) đe dọa sư đoàn mình. Đảo ra lệnh cho trung đoàn thứ ba và cũng là trung đoàn sau cùng nhảy vào trận đánh. Bắc Việt Nam tìm cách đẩy lùi trung đoàn này và cố chặn cả lực lượng cứu viện từ Trảng Bom tới. Họ tiếp tục vây hãm Xuân Lộc. Các lực lượng khác được lệnh vòng qua tỉnh lỵ và cứ tiếp tục tiến về Sài Gòn. Lực lượng cộng sản tiếp tục thế cóc nhảy, cắt đứt quốc lộ 1 ở phía sau trung đoàn 3 của Đảo. Họ đã ở phía Tây Trảng Bom cách Sài Gòn 21 dặm. Lực lượng địa phương của cộng sản trong vùng Sài Gòn nhận lệnh cấp thời. Vấn đề chỉ còn là thủ đô Nam Việt Nam sụp đổ thế nào và vào lúc nào mà thôi.

Ngày 15-4, Phan Rang thất thủ. Lực lượng Bắc Việt Nam bao trùm mọi phía của thành phố. Pháo binh phá nó tan hoang, bộ binh yên chí chờ đợi. Khi bộ binh và xe tăng tiến lên, sức chống cự họ chẳng còn mấy nữa. Thành phố thất thủ và cờ Việt Cộng được kéo lên. Tại sở chỉ huy của Vĩnh Nghi ngày 15-4, tình hình chưa quá tệ. Nghi nghe tin thị xã thất thủ với thái độ bình thản. Lúc ấy Nghi liên lạc với Toàn, tư lệnh quân khu 3. Qua điện đài, Toàn bảo Nghi rằng, Phan Rang phải chiến đấu càng lâu càng tốt để làm chậm bước tiến khổng lồ của cộng sản xuống quốc lộ 1. Tin Phan Rang thất thủ làm Toàn sững sờ. Nhưng báo cáo của Nghi về việc còn giữ được căn cứ không quân làm Toàn hứng khởi. Toàn nói với Tổng tham mưu trưởng Cao Văn Viên để phái thêm lính sang sắp xếp lại ở Hàm Tân, đặt lính Sài Gòn ngăn cách hai lực lượng cộng sản đang tiến

công Phan Rang với lực lượng bị chặn lại ở Xuân Lộc. Đây là kế hoạch tuyệt vời nhưng thời điểm thực hiện đã tuyệt vọng rồi.



Chiều tối ngày 15-4, kế hoạch và sự lạc quan này bay ra cửa sổ cùng tiếng nổ giòn của đại bác 130 ly đang dội tập trung vào căn cứ không quân Phan Rang. Từng cú điểm vành đai bị phá tan tành. Binh lính bị giết hoặc chạy hết. Trinh sát viên hướng dẫn pháo bắn ngày càng gần sở chỉ huy, nơi Nghi đang nằm im dưới đất.

Đến đêm, xe tăng và bộ binh Bắc Việt Nam bắt đầu tiến vào căn cứ. Trong bóng đêm, đốm sáng lập loè bay tứ phía. Làn đạn xanh từ súng cộng sản nhiều hơn làn đạn đỏ của vũ khí Sài Gòn do Mỹ chế tạo. Trận chiến dữ dội. Khoảng gần sáng, Vĩnh Nghi báo cho các vị trí nằm ngoài sở chỉ huy Biên Hoà biết sở chỉ huy của mình sẽ mất vào bất cứ lúc nào.

Ở Ninh Chữ, binh nhì Đức xúc động về việc mất tỉnh lỵ hơn tướng Nghi, tuy anh ta và 400 binh sĩ khác chưa chịu đựng hoả lực bắn bao nhiêu. Ninh Chữ trở thành hòn đảo

đơn độc. Bây giờ họ lại nghe qua điện đài lời báo của Nghi nói với đám binh sĩ ở Ninh Chũ và quanh Phan Rang hãy thoát đi bằng cách tốt nhất có thể được. Bộ đội Bắc Việt Nam bỏ qua làng ấy. Tàu thuyền sẵn và biển quá gần đến nỗi Đức có thể ngửi mùi nước mặn. Nhưng với Đức, ba lính thủy quân lục chiến và một lính biệt động thì lệnh rút lui ấy là một trong quá nhiều lệnh kiểu này. Đã rút hơn nửa chiều dài của Nam Việt Nam rồi! Không có chỗ để đứng lại hay sao?

Tại Ninh Chũ có một máy ủi đất và một trong ba lính thủy quân lục chiến biết cách bẻ khóa công tắc. Nó ụ lên thành một vật sống. Một người lính ngồi ghế lái, còn Đức và những người khác ngồi trên nóc, ở phía sau. Trung tá Bảo, viên sĩ quan Sài Gòn ra chịu trách nhiệm phòng thủ Ninh Chũ ra lệnh cho đám binh sĩ rời khỏi máy ủi. Đức và hai người lính bèn chĩa thẳng những khẩu M.16 vào viên sĩ quan để biểu lộ ra mặt sự chống lệnh. Bảo rút lui vào chỗ để máy truyền tin của ông ta.

Chiếc máy ủi chạy thẳng hướng đến khu mồ của gia đình Thiệu. Trong vòng 5 phút, các bia đá bị lưỡi gạt nghiền nát và mặt đất bị xới tung lên. Chẳng còn cách nào để nhận ra những ai đã được chôn ở đây. Năm binh sĩ bước khỏi máy ủi đất với sự mệt mỏi chán chường và đi ra biển. Bảo cũng báo cáo hành động của họ cho Nghi biết và vặn tắt điện đài rồi cũng đi bộ ra biển. Ba ngày sau, họ đến được Vũng Tàu bằng chiếc thuyền đánh cá. Còn Vĩnh Nghi sa vào tay quân Bắc Việt Nam khi họ đánh căn cứ không quân.

Chương 9. Kẻ cầm đầu chế độ

Hai ngày sau khi Phan Rang sụp đổ, tình ly anh em với nó là Phan Thiết cũng bị Bắc Việt Nam chiếm nốt. Thế là cộng sản kiểm soát 20 tỉnh, trọn vẹn 2 quân khu, hai phần ba Nam Việt Nam rồi. Ở Sài Gòn, các thế lực đều đòi thủ cấp chính trị của Thiệu, kẻ cầm đầu chế độ.

Phe tự nhận là trung lập của Sài Gòn, không thích cộng sản và không thích chống cộng cũng muốn Thiệu ra đi. Phe cực hữu cũng muốn Thiệu ra đi, và éo le thay, chính họ lại công khai tấn công vào sự tham nhũng của tổng thống.

Từ tháng 9-1974, nhóm này đã phổ biến “bản cáo trạng số 1”. Các nhật báo Sài Gòn đăng cáo trạng này đều bị tịch thu nhưng vẫn còn rất nhiều bản được chuyển tay trong dân chúng khắp đất nước. Những lời tố cáo đó mang tính chất nghiêm trọng và có giá trị tài liệu.

Thiệu, với lợi tức chỉ vài trăm đôla hàng tháng mà có hai căn nhà ở Sài Gòn, trị giá hơn 150 nghìn đôla, một nhà thủy tạ ở sát phía Bắc Sài Gòn, một “vila tráng lệ” ở Thụy Sĩ, nhiều đất đai ở vô số tỉnh. Vợ Thiệu xây cái gọi là bệnh viện cho người nghèo, đã dùng hàng lậu thuế để trang trải việc xây dựng, bòn rút ngoại viện vào túi và kết cục thì dân nghèo không thể vào bệnh viện này. Anh vợ Thiệu thì đầu cơ nâng giá phân bón hóa học do Mỹ cung cấp, bán cho nông dân với giá cắt cổ. Cố vấn cho Thiệu là Đặng Văn Quang và Trần Thiện Khiêm tổ chức buôn thuốc phiện lậu. Một người cô của Thiệu tích trữ đầu cơ và nâng giá gạo, thâu tóm nhiều phương tiện vận tải để làm giàu. Thiệu còn “nhận quà” bằng đất đai, dùng công binh xây trang trại riêng...

Những lời tố cáo như bom nổ. Tuy bản cáo trạng thứ hai không gây náo động như bản cáo trạng thứ nhất, nhưng lại được dư luận rộng rãi tin. Thế là những người cánh hữu cương quyết đòi uống máu Thiệu về mặt chính trị. Còn ở mức độ rộng lớn, quân đội Sài Gòn muốn Thiệu ra đi vào tuần thứ nhì của tháng 4-1975. Đây là lá phiếu quan trọng nhất chống lại tổng thống.

Sau 10 năm ở chức vụ cao nhất tại Nam Việt Nam trong đó 8 năm làm tổng thống, năm 1975 Thiệu là người giàu nhất Nam Việt Nam nhờ tham nhũng. Trong chức vụ, Thiệu không hề được phép nhận hơn số lương 600 đôla mỗi tháng, và có lẽ từ 300 đến 400 đôla phụ cấp. Thế nhưng dù xét bất cứ tiêu chuẩn nào, thì Thiệu đã và vẫn còn giàu sụ.

Làm thế nào giàu được, đó là chuyện phức tạp và quanh co. Những gì sắp kể ra đây chắc chắn là không đủ. Cái biết được là với hai trường hợp ngoại lệ - một vila ở Thụy Sĩ và một ngân hàng Sài Gòn bị phá sản - còn tên thì cả Thiệu lẫn tên vợ Thiệu đều không tìm thấy trong bất cứ hồ sơ nào. Thế mà họ đã trở nên giàu có. Theo các cuộc phỏng vấn

và các nguồn điều tra khác thì gia đình Thiệu đã ăn cắp hàng trăm triệu đôla. Đó là tiền thuế của dân Mỹ và dân chúng đất nước họ.

Công cuộc làm tiền của Thiệu là dựa trên chiến tranh và môi trường cuộc chiến do viện trợ Mỹ nuôi dưỡng. Có lẽ Thiệu thành thật tin rằng không bao giờ thương lượng được với cộng sản. Thiệu tin như vậy nên cuộc chiến tiếp tục. Bởi vì cuộc chiến tiếp diễn nên Thiệu và gia đình Thiệu giàu thêm. Ở hạ tầng, sự tham nhũng đơn giản. Nhưng ở thượng tầng, nó là một mạng lưới phức tạp. Cũng như đảng mafia, nó lấy việc bảo vệ tay thủ lĩnh làm mục đích chính.

Ở hạ tầng, nó là sự mua bán thế lực vụn vặt, bảo vệ và tống tiền. Một tiệm thuốc đường Catinat bán công khai thuốc cần sa nha phiến cho lính Mỹ vì chủ tiệm được cảnh sát bảo vệ. Các chỉ huy Mỹ đưa lính đến đó thì thuốc ma túy được chuyển qua tay gái bán bar. Những tay buôn gỗ ở Tây Nguyên hoạt động được vì các cấp chỉ huy quân đội được trả một số phần trăm lợi nhuận. Tiền lời ngừng trả thì đoàn xe chở gỗ bị phục kích bởi “du kích Việt Cộng”.

Khi tham nhũng trở nên quan trọng và số tiền dính líu nhiều hơn thì hệ thống trở thành một mạng lưới hình tháp. Ngồi trên đỉnh tháp tham nhũng tại Nam Việt Nam là Thiệu. Tháp chỉ là công cụ tổ chức, không nhất thiết là con đường chuyển tiền. Bằng cách cho phép những người xung quanh cái tháp ấy tự kiếm ăn, Thiệu tạo được ân nghĩa và những món nợ quyền lực. Từ năm 1965 đến năm 1975, y đã tạo hàng nghìn hoặc hàng vạn ơn nghĩa. Khi cần đền đáp thì lớn bé trong cái tháp ấy đều răm rắp tuân theo.

Phải hiểu rằng ở Nam Việt Nam, dù hiến pháp có được tuân theo triệt để thì tổng thống vẫn có quyền lực bao la. Thiệu có quyền nhiều hơn cả hiến pháp cho phép. Là chủ tịch Hội đồng tướng lĩnh, một cơ quan nằm ngoài hiến pháp, Thiệu nắm trọn quyền hành trong hội đồng này. Là tổng tư lệnh quân đội, đứng đầu tổ chức hành chính công vụ, một tay Thiệu nắm hơn 3 triệu chỗ làm, một nửa chỗ công ăn việc làm của chế độ. Thiệu giữ toàn quyền bổ nhiệm thăng thưởng, giáng và cách chức 3 triệu người giữ các chỗ làm ấy không uỷ nhiệm cho ai.

Tiền bạc tuôn lọt từ cao xuống thấp và ngược lại. Mỗi cấp rút bớt phần ra để chia sẻ cho họ. Đó là hoạt động của đường dây tham nhũng. Nhưng hình như Thiệu không thèm làm. Tiền hậu tạ của chủ tiệm bar, kiều dân nhập cư bất hợp pháp... không đến tay Thiệu. Thiệu thu lượm ơn nghĩa và ơn nghĩa giúp tay tổng thống này làm giàu theo các kế hoạch riêng. Phương pháp thu lượm ơn nghĩa được G.Lansdale mô tả như sau: “... Guồng máy dân sự và quân sự hoạt động theo một chế độ chủ nhân ông xoay quanh mỗi tư lệnh quân đoàn. Mỗi người đã bổ nhiệm và cách chức mọi tỉnh trưởng, quận trưởng”. Năm 1975, Thiệu bổ nhiệm và cách chức thường xuyên 4 tư lệnh quân đoàn, nắm phần lớn việc bổ nhiệm tư lệnh sư đoàn, nhưng vậy là còn nắm quyền kiểm soát nhiều hơn cái chế độ mà Lansdale đã nói trong năm 1958.



Thiệu, Kỳ đi thăm binh lính.

Một thí dụ đặc biệt cho thấy cách thức hoạt động của Thiệu. Năm 1973 y thăng cấp lên tướng 3 sao cho Nguyễn Vĩnh Nghi và bổ nhiệm Nghi làm tư lệnh quân đoàn 4, tức là Nam Bộ. Nghi được tự do xoay sở để làm giàu. Vào giữa năm 1974, các nguồn tin sứ quán Hoa Kỳ nói rằng 8 nghìn điện đài và 25 nghìn khẩu súng M.16 và vũ khí nhỏ khác biến mất khỏi kho quân khu 4 trong thời gian Nghi làm tư lệnh. Bản cáo trạng số 1 buộc Thiệu có hành động tượng trưng để dẹp tham nhũng, tổng thống phải cách chức Nghi. Hai tướng lĩnh khác thuộc quân khu 3 đã bị nhốt năm 1974 khi những người đi điều tra của quân đội Sài Gòn lẫn quân sự Hoa Kỳ nói là tụi này đã cố tình bán gạo cho Việt Cộng. Hai người đó là Trần Quốc Lịch của sư đoàn 25 ở Tây Bắc Sài Gòn và Lê Văn Tư của sư đoàn 5 ở hướng Bắc thủ đô. Việc bán lương thực và trang bị quân sự cũng như giấy hoãn quân dịch trong 2 sư đoàn đã làm hai đơn vị này về mặt tác chiến trở nên vô hiệu lực. Đến lúc chúng buộc phải ném vào trận đánh ở Sài Gòn tháng 4-1975 thì sư đoàn 25 đã không thể nào hành quân như lực lượng chiến đấu.

Những bổ nhiệm vào hàng tá chức vụ như thế là do Thiệu làm ra, với cách tính toán là tạo ơn nghĩa để dùng sau này. Một viên tướng được Thiệu bổ nhiệm có thể tự do xây dựng mạng lưới tham nhũng riêng của mình. Kiếm tiền bằng cách ghi vào sổ lương sư đoàn những lính ma. Bán những chỗ làm việc an toàn tránh xa chiến trường cho binh sĩ nào muốn và đủ sức trả cái giá đưa ra. Bán trang bị dành cho đơn vị ra chợ trời, thậm chí bán cả cho Việt Cộng. Họ cố tránh bán vũ khí sợ Mỹ biết thì phải mở cuộc điều tra, còn đồ dùng nhà ăn tập thể, quân phục, xe jeep, giày cao cổ thì mang lại nhiều tiền và các mặt hàng này tràn trề ở chợ trời chúng tỏ các sĩ quan cấp cao phải nhúng tay vào.

Xăng trở thành mặt hàng đắt khách ở chợ trời sau năm 1974 khi khối Arập nâng giá. Một số tướng lĩnh Sài Gòn rõ ràng đã điều khiển các đường dây bảo vệ đám con buôn chợ trời và buôn lậu.

Họ làm tiền thế nào, Thiệu không cần để ý. Chỉ có quy định ngầm là phải tránh các đường dây do tổng thống và gia đình điều khiển. Thiệu cốt tạo ân nghĩa và ta sẽ xem ân nghĩa được đền đáp như thế nào?

Tướng lĩnh được Thiệu bổ nhiệm có quyền bổ nhiệm cấp thuộc hạ của mình. Ở đây, tiền mặt được trao tay. Chỗ làm cao giá nhất là chỉ huy trưởng cảnh sát Chợ Lớn, khu người Hoa. Chức vụ đó giá khoảng 15 triệu, tức là 130 nghìn đôla. Chỗ này dễ kiếm tiền đến nội chi sau 2-3 tháng là đủ tiền trả giá. Các đại tá quân đội phải mua 80 nghìn đôla nếu muốn làm tỉnh trưởng Châu Đốc, giáp biên giới Campuchia. Nguồn thu lại chính là qua các tay buôn lậu trâu bò, tiền lời đếm theo đầu súc vật đi qua biên giới.

Đi dần lên trong các cấp chính quyền, hầu hết bộ trưởng đều xoay sở làm giàu bằng tham nhũng. Điển hình là Phạm Kim Ngọc, bộ trưởng kinh tế được Mỹ thích, đã xoay sở mở được một chương mục 8 triệu đôla ở Đài Loan bằng cách lấy “tiền hoa hồng” do việc bảo đảm những hợp đồng của các công ty làm ăn ở Việt Nam.

Nhưng so chuyện Thiệu và gia đình tay tổng thống này làm, thì các chuyện trên không đáng kể. Hai người làm tấm che gió án ngữ sự tham nhũng hàng triệu đôla cho Thiệu là Nguyễn Thị Mai Anh, vợ Thiệu và Lý Long Thân, tên chồng người Hoa của cô em gái nuôi của Mai Anh. Những số tiền lớn từ đó đi vào các chương mục ngân hàng của Thiệu ở Singapore, Thụy Sĩ, chia lời thầm lặng ở Đài Loan, Guam, Hawaii, v.v...

Những dính líu của Mai Anh khó xác lập thành hồ sơ. Mẹ ta là một tay mê say kim cương có tiếng. Trong các buổi chiêu đãi, mẹ ta bàn bạc về kim cương một cách thông thạo với các mệnh phụ trong đoàn ngoại giao và khách mời. Mai Anh thường đeo một viên kim cương lớn khi đi ra ngoài và luân chuyển các nữ trang kim cương thành sưu tập lớn. Theo một số người thì mẹ ta có một sưu tập về kim cương hạng nhất ở châu Á, cả về số lượng lẫn chất lượng.

Nguồn thu nhập quan trọng của Thiệu là buôn lậu, cả trong lẫn ngoài Việt Nam. Kim loại vụn: đồng, sắt, đặc biệt đồng là một món hàng xuất khẩu béo bở nhất. Đồng là phần còn lại của những viên đạn và đại bác bắn đi. Sắt là tàn tích của xe tăng, xe vận tải và máy bay bị hư hại trong chiến tranh. Kim loại vụn lúc đó là mặt hàng được giá trên mọi thị trường, đặc biệt tại Nhật vì giá thép tăng cao. Một triệu lính bắn biết bao nhiêu đạn được. Họ dùng hồng bao nhiêu xe tăng, xe vận tải, xe jeep, máy bay, điện đài, máy chữ. Trong lúc rút đi, nó bị bỏ lại ở chiến trường, được thu gọn về các kho sắt vụn và bắt đầu cuộc đời mới là vật làm ra tiền cho Thiệu.

Bản thân việc buôn lậu thì đơn giản, cần ít người nhúng tay. Kẻ nào nhúng tay đều

mang ơn nghĩa của Thiệu. Chính vào giai đoạn này của cuộc làm ăn, tay tổng thống này mới gọi đến những tướng tá vốn mắc nợ Thiệu về chức vụ mang ân nghĩa đến. Trả ơn thật đơn giản. Các anh hãy quay mặt đi đúng lúc và ra lệnh cho thuộc hạ cũng làm như thế.

Kim loại phế thải chở bằng xe nhà binh, phủ bạt che kín để tránh các cặp mắt tò mò. Điểm chờ hàng đến thường là cảng Sài Gòn. Tổng thống cũng dễ dàng đòi các viên chức ở đây quay mặt đi chỗ khác. Tàu chở thuê đăng ký quốc tịch Panama, thủy thủ người Nam Triều Tiên. Ra đến biển khơi thì các tay tài phiệt Mỹ mới nhúng tay vào.

Mai Anh đích thân lo việc lấy tiền hàng. Lý Long Thân thì sắp xếp các chi tiết tẩy xoá sự tham nhũng ở ngân hàng Đài Loan, Hồng Kông, Singapore, Philippin, Guam. Mai Anh thỉnh thoảng dùng lý do che đậy là đi thăm con ở châu Âu để bỏ tiền vào một ngân hàng hay biến nó thành đồ nữ trang. Trong một chuyến đi như vậy vào năm 1972, Mai Anh đã mua một vila ở Thụy Sĩ.

Việc buôn lậu ra nước ngoài là đáng trách nhưng ít gây hậu quả cho cuộc chiến. Buôn lậu trong nước gây chết chóc, kéo dài cuộc chiến tranh và giúp sức trực tiếp cho Việt Cộng. Hàng không Việt Nam (Air Việt Nam) từ Sài Gòn bay đến 11 thành phố châu Á nằm dưới quyền điều khiển của Nguyễn Tấn Trung. Con trai Trung là chồng con gái Thiệu. Các khoang chứa hàng của máy bay Air Việt Nam từ Tokyo, Hồng Kông, Singapore về đều chất đầy hàng: rượu, thuốc lá, son phấn, hàng điện tử, cúc áo, đồ dùng phòng ăn... Hầu hết những thứ nhét lọt qua khoang chở hàng đều có mặt trên các chuyến bay phản lực về Việt Nam, được biết là đều theo chỉ thị của vợ Thiệu. Hàng về, binh sĩ Sài Gòn bao quanh máy bay đông nghẹt. Họ bốc xuống xe nhà binh những thùng rượu Pháp, hàng Nhật, Hồng Kông trước con mắt của khách nhìn qua cửa sổ.

Sự tham nhũng của Thiệu đặc biệt có hại cho Nam Việt Nam kể từ năm 1972 trở đi, khi Nam Việt Nam chệnh choạng trên bờ vực phá sản. Viện trợ của Mỹ giảm, giá hàng lại tăng. Thiệu, đám bạn bè và gia đình tổng thống mỗi ngày một giàu. Dân chúng thì mất niềm tin ở tổng thống của họ. Đến giữa tháng tư, khi Thiệu bước sang năm thứ 10 làm quốc trưởng Nam Việt Nam thì sức ép đã quá lớn rồi. Vấn đề không còn là Thiệu có ra đi hay không mà là phải ra đi khi nào và như thế nào.

Chỉ có Graham Martin là không muốn Thiệu ra đi. Theo lời một số người trong đám thân tín của viên đại sứ thì Martin cho rằng "Thiệu là tổng thống duy nhất mà chúng ta (Mỹ) kiếm được". Cái mà Martin hy vọng là Thiệu chịu thương lượng với Hà Nội để tìm kiếm hoà bình, Martin đã mất không biết bao nhiêu thời gian để thuyết phục Thiệu.

Như vậy thì buộc Thiệu phải quỳ xuống xin thương lượng, là để Hà Nội và Việt Cộng nhờ nước bọt vào mặt mình. Thiệu không chịu và chiến tranh cứ kéo dài.

Chương 10. “Gút bai ông Mỹ!”

Đêm ấy, khi Sài Gòn đã đi ngủ, ở Washington Tổng thống Ford bắt tay hành động. Những lời chỉ trích đã lên đến tột cùng, tất cả nhằm tố cáo Martin kéo dài lê thê cuộc di tản người Mỹ. Martin lập luận rằng, việc di tản người Mỹ sẽ làm đất nước ấy hoảng loạn và làm cho sự đầu hàng trở thành không tránh khỏi, làm cho chiến thắng của cộng sản nhanh hơn. Điều tệ hại nhất là có thể gây ra hoảng loạn ở Sài Gòn, nếu đem so sánh thì ngay sự hoảng loạn ở Đà Nẵng cũng chẳng thấm tháy gì.

Giờ đây, nhiều người Mỹ đang ló mặt khỏi cái tú Sài Gòn kín mít. Sứ quán tin rằng có lẽ khoảng 6 nghìn người Mỹ sẽ di tản nếu bắt đầu cuộc di tản vào giữa tháng tư. Nhưng khi cuộc tấn công thần tốc của Bắc Việt Nam được đẩy mạnh thì ngày càng có nhiều công dân Mỹ xuất hiện. Nhiều người là quân nhân về hưu. Họ chọn Sài Gòn để sống vì nhiều lý do khác nhau, thường là do chuyện giá rượu rẻ và số lượng thiếu nữ quá thừa thãi. Những người khác là người Việt Nam nhập tịch Mỹ. Rồi lại còn thành phần đào ngũ nữa.

Chẳng ai biết có bao nhiêu người Mỹ bỏ trốn khỏi quân đội ở Nam Việt Nam. Con số điều tra đi đến ước lượng khoảng 300 binh sĩ. Số này sống tại Sài Gòn, dùng mảnh lới bỏ vợ bên Mỹ. Nhiều người dính líu đến chuyện buôn ma túy và là tay buôn lẻ. Nhiều người khác đã xong được hộ chiếu và sống đàng hoàng. Giữa ngày 15 và ngày 28-4, 277 người đến trình diện tại các địa điểm nhận di tản và cho biết họ là công dân Mỹ. Chẳng ai có giấy tờ trong mình, đều là người Âu da trắng, da đen, nói tiếng Anh giọng Mỹ.



Di tản tại ĐSQ Mỹ.

Mệnh lệnh công khai của Ford là đem hết người Mỹ “không cần thiết” ra khỏi Sài Gòn. Chẳng ai giải thích tại sao viên chức Mỹ “không cần thiết” lại có mặt ngay từ đầu làm gì và nhiều đến thế. Nó được ban hành không phải vì sự động tâm muốn cứu vớt sinh mạng mà vì đừng trông mong quốc hội bỏ phiếu viện trợ Sài Gòn trừ phi hầu hết người Mỹ trong vùng chiến trận được mang đi nhanh chóng. Martin chẳng thích chuyện này, nhưng không ngăn cản được. Mọi viên chức cao cấp trong giới chức Mỹ ở Việt Nam sẽ làm việc để thực hiện kế hoạch.

Hai ngày sau khi Phan Rang sụp đổ, Martin vẫn chưa lấy lại được sức khỏe, vẫn còn bị hành hạ bởi bệnh sưng phổi đã mắc phải ở Hoa Kỳ. Trong điều kiện bình thường thì đại sứ đã phải nằm bệnh viện hoặc ít ra cũng nằm tại nhà. Nhưng bây giờ con bài đã ném ra, những quyết định quan trọng xảy ra hằng ngày, hằng giờ nên Martin khẳng khái đòi có mặt ở chỗ làm việc. Martin muốn nắm chặt sứ quán, đích thân ra mọi quyết định, thường là bí mật.

Viên đại sứ miễn cưỡng thi hành lá thư của Tổng thống Ford trong việc đẩy mạnh cuộc di tản người Mỹ ở Nam Việt Nam. Giống như một thuyền trưởng, ông ta ra lệnh cho đàn bà trẻ con đi trước rồi mới chấp nhận giảm bớt nhân viên sứ quán. Về quan hệ của Mỹ với Nam Việt Nam, Martin vẫn tin Thiệu là một tổng thống được dân bầu, mặc dầu không được dân ưa thích. Câu trả lời của Martin là dù thích hay không, Thiệu vẫn là tổng thống, đến tháng 10-1975 là hết hạn, khi ấy cử tri có thể đuổi Thiệu ra khỏi địa vị. Martin quả có nói chuyện với tổng thống này vài ba lần. Trong tuần lễ cuối cùng nắm giữ chức vụ, Thiệu ít kiếm được đồng bào nào của mình để dựa. Viên chức chính trị gia, tướng lĩnh đều đòi uống máu Thiệu. Chỉ Martin là chỗ dựa và lời đe dọa của Martin sẽ cắt toàn bộ viện trợ của Mỹ mới làm các tướng lĩnh Sài Gòn chùn tay đảo chính Thiệu.

Martin gặp Thiệu vào thời điểm Nghi bỏ Phan Rang vĩnh viễn, để tìm cách bom hơi cho tay tổng thống trong khi xác ông ta chẳng khỏe gì. Viên đại sứ đã nói Hoa Kỳ đặt trọn niềm tin ở Thiệu, vì Thiệu là tổng thống dân cử của Nam Việt Nam. Martin khuyến khích Thiệu đừng từ chức. Martin nói trong hiện tại, Thiệu nên giữ cho vững, Mỹ vẫn cam kết với chính quyền Thiệu về sự tồn tại của “Việt Nam Cộng hoà”. Viện trợ Mỹ sẽ đến Sài Gòn.

Thiệu lại nghĩ khác. Sứ quán Nam Việt Nam ở Mỹ cho Thiệu biết là khó có thêm viện trợ. Trong cuộc nói chuyện với Martin, Thiệu đòi máy bay Mỹ nhảy vào cuộc chiến. Thiệu nói với viên đại sứ rằng không có sự giúp đỡ của Mỹ thì Thiệu từ chức, “gút bai ông Mỹ”.

Cuộc tấn công thăm dò đầu tiên trong trận đánh cuối cùng vào Sài Gòn xảy ra ngày 18-4. Một toán đặc công cộng sản đã tấn công cứ điểm truyền tin Phú Lâm. Trên một khía cạnh, cộng sản đã mang chiến tranh đến gần Sài Gòn. Khía cạnh khác là các nhà quân

sự đều cho rằng đó là cuộc thăm dò phòng thủ, thử phản ứng và di chuyển của quân đội Sài Gòn.

Trục thăng vũ trang ở Tân Sơn Nhất đã phản ứng nhưng Sài Gòn sẽ gặp khó khăn nếu trận đánh lớn xảy ra. Quân đội Sài Gòn chỉ còn 1 lữ đoàn dù, đôi ba tiểu đoàn quân biệt động ở nội thành. Không quân chẳng còn mấy nữa. Các bộ tham mưu cố tái lập một số đơn vị nhưng chẳng tiến triển gì. Các đơn vị khác còn ở tư thế đó để phòng thủ Sài Gòn là: Sư đoàn 5, đóng ngay phía Bắc Sài Gòn, bị xem là tác chiến không hữu hiệu, do nạn tham nhũng và bị làm suy yếu mà đơn vị không sửa chữa nổi. Sư đoàn 25 đóng ở Tây Bắc Sài Gòn còn tệ hơn cả sư đoàn 5. Sư đoàn 9 khá hơn, nằm cách xa Sài Gòn 25 dặm về phía Nam, Bộ tổng tham mưu phá các tiền lệ ranh giới bất khả xâm phạm giữa các quân khu, định cho sư đoàn 9 vượt lên quân khu 3. Một khu vực lớn ở phần phía Bắc đồng bằng sông Cửu Long bị bỏ ngỏ cho cộng sản. Các đơn vị Việt Cộng đi vào các làng mạc và nắm quyền kiểm soát mà không gặp sự chống đối nào. Cái thông lọng đặt lên cổ Sài Gòn đang siết chặt dần, chẳng có chỗ nào để Thiệu xoay xở nữa.

Martin trong khi không tuân lệnh đẩy mạnh cuộc di tản thì lại xoay tròn ra làm cái mà ông ta coi là nhiệm vụ chính của mình. Đó là việc ngăn chặn sự hoảng loạn rõ ràng là đang lớn lên trong những mảng dân chúng Việt Nam. Quân đội Sài Gòn đã tháo chạy ở tất cả mọi nơi nó gặp thử thách, ngoại trừ Xuân Lộc, nhưng đây cũng đang bị sức ép nặng nề. Ít nhất cũng là 100 nghìn bộ đội cộng sản, 10 sư đoàn bộ binh và lực lượng yểm trợ đang ở trong khoảng cách Sài Gòn một hai ngày đường. Sài Gòn được phòng thủ bởi các đơn vị bộ binh tồi mà hầu hết những người am hiểu đều tin rằng chúng sẽ co rút nhanh chóng sau phút đầu chạm súng.

Thiệu sẽ không từ chức, tay tổng thống này nói thế nhưng trên thực tế thì Thiệu đang suy yếu. Thiệu nói rằng sẽ không có thương lượng. Martin muốn Thiệu ở lại để tìm cách mặc cả. Cộng sản đòi Thiệu rút đi và nói thẳng nếu còn Thiệu thì sẽ tàn phá Sài Gòn. Mỹ lo việc di tản. Phe Việt Nam thân Mỹ thì hoảng loạn, chẳng còn làm được gì. Mọi người Việt Nam đều có khả năng gây thương tích cho Thiệu và chán Mỹ, muốn “gút bai” người Mỹ. Sự căm ghét của họ đối với Thiệu quá sâu đậm rồi.

Nói cách khác, chiến tranh Việt Nam sắp đến hồi kết thúc.

Chương 11. “Người Mỹ các ông...”

Ba năm rưỡi qua, kể từ ngày 20-12-1971, Sài Gòn là hòn đảo kỳ quặc trong chiến tranh, không bị bom đạn đưng đến. Nó có vẻ cách chiến trận 1 nghìn dặm nên không phải là chiến trường. Nhưng nó đang là chiến trường bởi vì Sài Gòn là trung tâm của vùng chiến trận.

Khi Hà Nội bị B.52 tập kích thì Sài Gòn chan hoà ánh nắng. Khi lính chết la liệt ở các tỉnh quanh nó thì Sài Gòn bình yên. Đến tháng 4-1975, nó căng thẳng hơn đôi chút. Thế là biết cuộc chiến sắp kết thúc. Cộng sản sắp sửa nhảy lên chỗ ngồi của người lái để làm chủ chiếc xe. Chiến tranh đang đến gần Sài Gòn. Tiếng nổ kho đạn ở Biên Hoà có thể nghe thấy được.

Cản trở duy nhất cho sự dàn xếp hoà bình trước khi khói lửa chiến tranh bốc lên ở Sài Gòn được xem là Thiệu. Tiếng rít lên đòi thủ cấp chính trị của Thiệu vang động ngày chủ nhật tương đối yên tĩnh này. Ở mọi nơi, trừ văn phòng lâu ba ở toà đại sứ Hoa Kỳ (văn phòng Martin), người ta đều chấp nhận là Thiệu phải ra đi. Thiệu hết thời rồi. Tay tổng thống này còn ngồi đấy thì chiến tranh sẽ đến với Sài Gòn.

Suốt ngày 20-4, Thiệu ngồi ở hầm trú bom dưới dinh Độc Lập. Xế trưa thứ bảy, một chiếc trực thăng đáp xuống sân cỏ của dinh. Từ trực thăng bước ra là tướng 4 sao Cao Văn Viên và tướng 3 sao Nguyễn Văn Toàn, tư lệnh quân khu 3 bao quanh Sài Gòn. Gặp được Thiệu, Toàn đi ngay vào trọng tâm: “Thưa tổng thống, cuộc chiến kể như xong!”. Toàn nói vậy.

Toàn nắm cuộc họp ấy, Toàn muốn Viên đi theo chỉ vì tổng thống tin Viên hơn và Toàn muốn Viên làm một nhân chứng. Toàn bảo Thiệu là Phan Rang tiêu tan rồi, điều mà ba ngày qua được giữ kín với Thiệu. Vĩnh Nghi đã bị bắt. Căn cứ không quân rơi vào tay cộng sản. Phan Thiết sụp đổ nhanh chóng. Chắc chắn cộng sản sẽ quay sang quốc lộ 1 để tràn xuống, không cần theo đường bờ biển đi vào Sài Gòn.

Toàn nói cả chuyện gì đã xảy đến cho mồ mả gia đình Thiệu ở Ninh Chũ. Tổng thống tay chân vốn đã run rẩy, mặt mày trở nên trắng bệch khi nghe Toàn nói điều đó. Toàn định ém chuyện này đi nhưng quá nhiều người đã biết. Nghi cũng đã đánh điện về Biên Hoà trước khi rời Phan Rang. Chuyện ụi sập mồ mả tổ tiên Thiệu là đầu đề trò chuyện ở sở chỉ huy của Toàn. Toàn nghĩ tốt hơn hết là nên nói thẳng tin này cho Thiệu biết hơn là để ý nghe thiên hạ xàm xì.

Cả Viên và Toàn đều ngạc nhiên khi không thấy Thiệu nổi trận lôi đình. Viên nghĩ cách để nói rằng mọi chuyện xảy ra là do hậu quả hành động của Thiệu. Nhưng Thiệu đã quay đi bước vào phòng nghỉ, không buồn bảo Toàn và Viên về nghỉ. Hai viên tướng tự động bước ra ngoài. Đây là chuyện của ngày thứ bảy.



Thiệu nghĩ gì?!

Giờ đây là chủ nhật. Thiệu đang ngồi im như tượng. Thiệu không nói gì trong 24 giờ qua, ngoài câu dặn dò không tiếp ai cả. Nửa ngày thứ bảy, cả ngày chủ nhật và sáng thứ hai Thiệu rút vào cô độc, không ăn uống gì mặc dầu trong hầm chứa nhiều thức ăn. Phòng báo chí vẫn loan báo tổng thống sẽ dự lễ kỷ niệm Hùng Vương vào chiều thứ hai. 400 nhà báo nước ngoài vẫn chờ sẵn để quan sát tổng thống vào thời điểm khủng hoảng.

Cùng lúc ấy, Lê Minh Đảo, chỉ huy sư đoàn 18 ở Xuân Lộc biết rằng thành phố kể như tiêu rồi. Đêm chủ nhật, sáng thứ hai, cộng sản đã chuyển quân vào để dứt điểm. Lữ đoàn dù Sài Gòn đã sa lầy trong rừng cao su, trung đoàn dự bị của sư đoàn không hy vọng chọc thủng vòng vây nữa. Suốt đêm, tỉnh lỵ bị pháo kích. Hoả lực tấn công của cộng sản còn mạnh hơn bất kỳ đơn vị bộ binh Mỹ nào mà Đảo đã biết. Tiền đồn xung quanh Xuân Lộc lần lượt sụp đổ.

Sau rạng đông, Đảo nói chuyện bằng điện đài với sở chỉ huy Biên Hoà. Biết là Toàn không có mặt tại đó, nhưng đã dặn truyền lệnh giữ Xuân Lộc càng lâu càng tốt. Không còn kiểu ra lệnh của Thiệu là phải giữ bằng mọi giá. Đến nửa buổi sáng thì sư đoàn 18 rõ ràng là tuyệt vọng. Xuân Lộc, biểu tượng tử thủ của quân đội Sài Gòn sắp sụp đổ. Đảo ra lệnh rút bỏ vị trí và chạy.



Tướng Lê Minh Đảo – TL sư đoàn 18/VNCH.

Thiệu cũng bước ra khỏi hầm, tâm trạng âu sầu. Tổng thống đã quyết định rồi, sang phòng phía tây, lấy giấy bút soạn thảo diễn văn. Thiệu muốn họp với tả hữu tin cậy còn không đầy nửa tá và ra lệnh gọi Martin sau 1 giờ nữa có mặt ở dinh tổng thống.

Các nhân viên quanh Thiệu nhanh chóng loan truyền tin Thiệu sắp sửa từ chức. Một nhà báo Mỹ bèn gọi một cú điện thoại đến hỏi Martin. Thế nhưng đại sứ lại hiểu tổng thống hoàn toàn trái ngược. Theo lời Martin, Thiệu có ý định ở lại chức vụ và đang chống cự với mọi nỗ lực tìm cách phế truất y. Qua truyền hình, Thiệu có ý định đòi hỏi bỏ phiếu tín nhiệm và Martin tiên đoán là Thiệu sẽ thắng.

Bài diễn văn của Thiệu nói trước đám viên chức là những lời lẽ quyết liệt. Nó được đưa lên truyền hình lúc 8 giờ tối. Tổng thống nói “tình hình thật khẩn cấp”, gần như phải rút lui đến dinh Độc Lập. Nếu người Mỹ chỉ cần can thiệp như họ đã hứa thì Nam Việt Nam đâu đến nỗi nào đang phải đương đầu với nguy cơ sắp mất thủ đô. Thiệu cả gan nói láo rằng, cái gì đã xảy ra ở vùng cao nguyên là do quyết định của viên chỉ huy quân khu 2. Lệnh rút lui của cấp chỉ huy quân khu 2 tất yếu dẫn tới việc mất quân khu 1.

Khi Mỹ rút khỏi Nam Việt Nam năm 1973, quân đội Sài Gòn đã mất 63% sức mạnh quân sự. Tổng thống ngừng nói, cắn môi, rõ ràng là để cầm nước mắt. Thiệu nói tiếp: “Người Mỹ các ông... không chịu cho chúng tôi viện trợ mà các ông đã hứa hẹn. Tức là không ủng hộ chúng tôi nữa. Thế thì được rồi, tôi sẽ ra đi. Nếu người Mỹ không giúp đỡ Nam Việt Nam nữa, hãy để họ ra đi, cút đi, hãy để họ nuốt hết những lời hứa của họ”. Thiệu thay đổi giọng điệu nhanh chóng và tuyên bố từ chức.

Dân chúng thờ phào nhẹ nhõm trước sự từ chức của Thiệu. Con người bị khinh miệt nhất trong đất nước đã bước xuống, chấm dứt nhu cầu đảo chính, nhưng khả năng thương lượng vẫn mong manh. Chẳng có cách gì để lấy lại đất đã mất. Ít ai cảm thấy quân đội Sài Gòn có thể bảo vệ nổi phần còn lại của Nam Việt Nam. Vậy mà định thương lượng tức là sẵn sàng quỳ xuống để đối phương nhổ nước bọt vào mặt.

Bộ đội Bắc Việt Nam tiếp tục đổ xuống theo các quốc lộ hướng về Sài Gòn, sư đoàn nối tiếp sư đoàn, đặc biệt ở phía Bắc và Tây Bắc xuống. Trong phần lớn đoạn đường, họ ngồi trên xe tải và xe tăng. Một chỗ giao lưu quan trọng là Đồng Xoài, cách Sài Gòn 35 dặm về phía Bắc. Tại đây, điểm giao nhau giữa các cánh quân xuất phát từ đường mòn Hồ Chí Minh, từ vùng biên giới Campuchia, từ vùng Đông Bắc, nơi các sư đoàn chiến thắng ở cao nguyên, Đà Nẵng và Nha Trang đổ về Sài Gòn. Xe vận tải nối tiếp nhau đi ngang qua Đồng Xoài, nơi trước đây có một trại lính mũ nồi xanh của Mỹ, đã bị tràn ngập. Các loại xe chuyên môn cũng đã quá nhiều, không thể đếm được. Chúng chở cầu, kéo pháo, chở xăng cho xe tăng và các loại xe khác.



Đoàn xe "thần tốc" chở QĐ1 vào tham gia chiến dịch HCM.

Một công-voa kéo dài 3 ngày xuất phát từ các dãy núi. Nó được gọi là Trường Sơn, đặt theo tên vùng cao nguyên mà nó đi ngang qua. Công-voa hầu hết là xe vận tải mới của Bắc Việt Nam mà theo như những người lái chúng cho biết là mang đủ đạn cho trận đánh một tháng.

Cuộc vây hãm Sài Gòn đang được dựng lên. Từ Đồng Xoài, hàng trăm xe tải thẳng hướng Tây, tiến về Tây Ninh, Bình Dương. Những chiếc khác đi thẳng hướng Đông theo quốc lộ 1 đến Biên Hoà. Hàng trăm chiếc khác xuôi những con đường ít ai biết đến để ra Vũng Tàu và bờ biển. Vòng vây đặt quanh Sài Gòn không phải là một vòng tròn nhưng toàn vẹn và chặt chẽ. Thậm chí cả về phía Nam, nơi còn một chút kiểm soát của quân đội Sài Gòn, cộng sản vẫn đang đi vào vị trí để vây bọc và cắt đứt liên hệ giữa vùng châu thổ với Sài Gòn. Máy bay của không quân phần lớn chẳng có thể tìm ra các công-voa. Giả dụ dân chúng tìm ra thì cũng chẳng đủ máy bay, rồi dù có máy bay cũng chẳng có phi công nào liều chết bay đi khi đã nhận nhân tin đồn về loại tên lửa phòng không vác vai tuyệt diệu SA.7 xuất hiện trong đội hình các đoàn quân ấy.

Trong tầm pháo của Sài Gòn, bộ đội công binh cộng sản đặt một chiếc cầu trong vòng không đầy một ngày. Với nó, hàng tá xe tăng, đại bác hạng nặng và mấy chục xe vận tải vượt sông Đồng Nai để tấn công Sài Gòn từ hướng Tây. Khoảng chừng hơn 10 sư đoàn đã bao quanh Sài Gòn và nằm im chờ lệnh tấn công. Nửa tá các sư đoàn khác đang đứng sau lưng họ, sẵn sàng bổ sung cho tuyến xung phong. Về phía Bắc và Đông Bắc, cộng sản ở trong vòng 20 dặm đối với thủ đô. Về phía Đông, họ cách chừng 30 dặm. về phía Tây và Tây Nam, sau khi Thiệu từ chức, cộng sản đang thay đổi đội hình nhưng cũng chỉ cách Sài Gòn vào khoảng 30-35 dặm.

Đến ngày 26-4, Sài Gòn là mục tiêu nằm trong tình thế đọit phía bên kia bấm nút. “Người Mỹ các ông” lừng khùng không di tản sao được nữa.

Chương 12. Trước lúc đầu hàng

Loại A.37 được mang đến Việt Nam là do không quân Mỹ trao cho phi công Sài Gòn. Nó là loại oanh tạc cơ tấn công nhỏ nhưng tốt nhất trong không quân Sài Gòn. Khoảng 26 chiếc đã bị bỏ lại Đà Nẵng và tất cả hầu như có thể bay được sau khi tu bổ chút ít. Một điểm thuận lợi chính là kích thước của nó, chỉ cao ngang tầm vai và có thể được sử dụng dễ dàng bởi cỡ người thấp bé của dân phương Đông. Nó bay dưới mức siêu âm, nguyên thủy là loại máy bay huấn luyện và vẫn còn giữ hai chỗ ngồi kề nhau như khi ông thầy và học sinh ngồi bay. Phi công Hoa Kỳ nhận thấy nó là loại máy bay lý tưởng cho cuộc chiến tranh Việt Nam, đặc biệt vì nó bay chậm, do đó làm cho phi công có thể thực sự nhìn thấy mục tiêu đang tìm mà đánh.

Nó chẳng phải loại máy bay “con ma”, thậm chí nó không thể bay từ Sài Gòn đi Hà Nội để oanh tạc được. Tầm hoạt động của nó giới hạn nên đó là lý do khiến người Mỹ có thể giao nó cho quân đội Sài Gòn. Nó giản đơn so với chiếc phản lực nhưng như thế không có nghĩa là giống như xe hơi kiểu T cổ lỗ của Hoa Kỳ. Nó bay thường xuyên và tốt, chính xác, tuy chỉ sử dụng được vào ban ngày, không bay được trong mưa giông lớn. Nó không có vũ khí tự vệ để chống lại phi cơ khác, không có tên lửa đối không. Đáng buồn là chính những máy bay ấy lại quật bom vào Tân Sơn Nhất, bịt nốt cái phi cảng cuối cùng mà người Mỹ có thể hy vọng di tản qua con đường đó.



*Phi công Nguyễn Thành Trung trên máy bay A-37
(ảnh chụp trước khi phi đội Quyết Thắng ném bom Tân Sơn Nhất)*

Còn một loại bom được để ở Thái Lan và chỉ có một ít nằm ở đây vì sợ hai tiếng chính trị. Số ít người Mỹ biết được sự có mặt của chúng ở Thái Lan, đã gọi chúng là vũ khí tối hậu mà các sĩ quan không quân Hoa Kỳ mê mết. Chúng chỉ là một trong số hàng trăm vũ khí không nguyên tử bí mật và có tính chất huỷ diệt vốn xuất phát từ quỹ nhiều tỷ đôla tài trợ cho quân đội Hoa Kỳ giữa thập kỷ 60 để tiến hành chiến tranh Việt Nam. Mục đích các chương trình này là khám phá ra cách giết nhiều địch trong khi lực lượng Mỹ tổn thất ít hơn. Máy bay không người lái, lựu đạn cải tiến, bom CBU.55 chỉ là số ít trong những kết quả đạt được.

Bom CBU (viết tắt của các chữ Cluster Bom Unit) với số hiệu 55 là một trong những vũ khí đáng sợ, có ba khoang chứa đầy nhiên liệu propan, một hỗn hợp bí mật các loại chất khí khác và chất nổ. CBU.55 chưa hề được sử dụng trong chiến tranh. Một số lượng nhỏ loại bom này được để ở Thái Lan để phòng bất trắc. Tuy nhiên cho đến tháng 4-1975, ít người Mỹ dám đề nghị sử dụng nó.

Đầu tháng 4, một quả bom CBU.55 được chở bằng máy bay từ căn cứ không quân Utapao đến Sài Gòn rồi chuyển bằng xe về căn cứ không quân Biên Hoà. Thứ vũ khí

này vẫn nằm dưới quyền kiểm soát kỹ thuật của Mỹ, mặc dù nó nằm trong tay không quân Sài Gòn. Thiệu từ chức vẫn không có cách cứu vãn đà sụp đổ của quân đội Sài Gòn, tướng Homer Smith, sĩ quan cao cấp nhất của Mỹ ở Nam Việt Nam đã cho phép Sài Gòn sử dụng loại vũ khí ấy. Các sĩ quan Sài Gòn đã chọn Xuân Lộc làm mục tiêu khi lực lượng Sài Gòn đang rút lui và cộng sản đang tiến về Sài Gòn. Một máy bay vận tải C.130 được lệnh chuẩn bị sẵn sàng vào sáng ngày 21-4. Quả bom CBU.55 được chất lên. Con ngựa bốn động cơ của hãng Lockheed cất mình nhẹ nhàng khỏi phi đạo Biên Hoà và bay thẳng đến Xuân Lộc.

Ở độ cao 6 nghìn mét, cánh cửa vỏ sò ở đuôi máy bay mở ra. Cái dù thăng bằng đeo quả bom rơi vào không trung. Với một tiếng rền nghe có vẻ dồn nén kỳ lạ, và một quả cầu lửa khổng lồ bùng lên. Phi hành đoàn kinh sợ nhìn xuống.

Trong vòng hai ngày, đài Hà Nội đã công kích việc sử dụng loại vũ khí mới ấy. Họ miêu tả đúng nó, có lẽ là do báo cáo của các điệp viên ở Tân Sơn Nhất và Biên Hoà. Cộng sản coi đó là nỗ lực sau cùng trong các nỗ lực tuyệt vọng của quân đội Sài Gòn. Mà cũng đúng thế thật. Bom CBU.55 không được chở đến nữa. Loại có sẵn ở đó sau này được đem ra phòng trưng bày “tội ác chiến tranh” ở thành phố Hồ Chí Minh.

Cũng còn cả những vũ khí khác được sử dụng trong những ngày chiến đấu luynes quýnh sau cùng. C.130 ném dăm ba quả bom loại 15 nghìn bảng Anh (khoảng 7 tấn rưỡi) xuống các vị trí đối phương. Các trực thăng lớn ném “thùng phuy xăng” - một thứ bom napan chế tạo nội địa gồm có xăng và mảnh vụn xà phòng biệt hiệu Tuyết Ngà (Ivory Snow). Cũng vì B.52 không thể giúp sức Sài Gòn được nữa nên đã có nỗ lực tìm cách biến loại C.130 thành máy bay ném bom. Những chuỗi bom 500 bảng Anh còn nguyên trong thùng được đẩy ra sau đuôi máy bay vận tải cho rơi xuống. Chúng có chung tác động với cuộc chiến: chẳng làm nổi trò trống gì. Cũng như B.52, hầu hết loại bom chùm này cũng chỉ gây tổn thất cho môi trường và đám khí.

Các vũ khí bí mật như vậy đã chẳng giúp Sài Gòn thắng nổi cuộc chiến thì chính trị cũng chẳng làm được gì hơn. Chẳng có sự ủng hộ nào dành cho Hương, dù vài người cũng tin rằng lão già ấy có thể quy tụ được sự ủng hộ nào đó. Martin - đại sứ Mỹ, J.M.Merillion - đại sứ Pháp, Trần Văn Lắm, Dương Văn Minh đều có những ý kiến riêng biệt được quyện vào nhau về cách thức chấm dứt cuộc chiến. Ai cũng muốn hành động tức khắc nhưng giống như diễn viên trong loại phim hài hước rẻ tiền, họ đụng nhau côm cốp. Không ai biết tất cả những chuyện mà ba người kia đang làm và không ai ủng hộ hoàn toàn việc làm của một trong ba người kia. Có thể so sánh họ với chuyện “Ba thằng hề cộng một”.

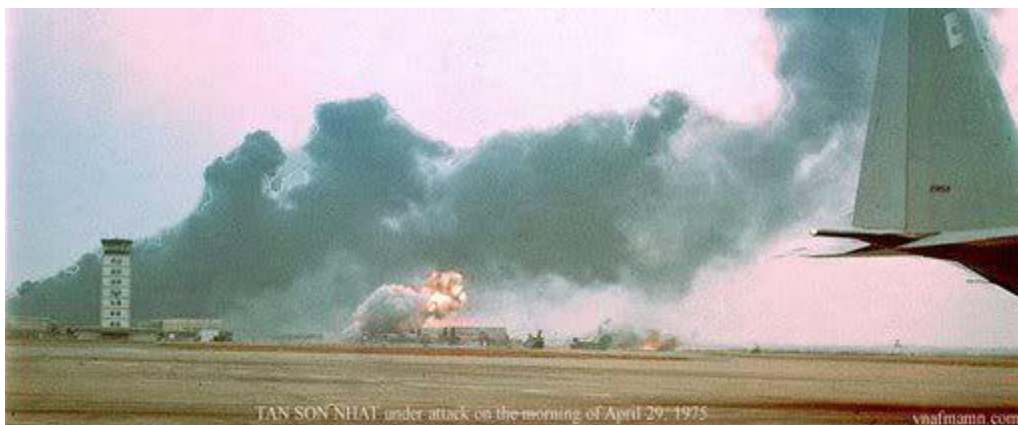
Cộng sản lúc đó chưa kêu gọi một cuộc đầu hàng. Đòi hỏi tuyệt đối không được thương lượng là “tất cả lực lượng quân đội Hoa Kỳ phải rút khỏi Nam Việt Nam”. Hà Nội ép Sài Gòn đang thua phải nhượng bộ. Cộng sản đã đi theo con đường ấy suốt 43 năm lịch sử. Không bao giờ nhường một tấc đất trong khi vẫn thúc đẩy để mang về từng thắng

lợi ngoại giao hoặc quân sự. Họ chưa hề rút lui trong các đòi hỏi công khai. Giống như đấu thủ quần vợt đứng sát lưới, họ không để đấu thủ ngoại giao có khoảng trống. Trái bóng chỉ ở sân họ trong tích tắc và không để chạm đất đã nảy lên. Trong năm 1975 này, B.52 không còn lảng vảng gần Hà Nội nữa.

Cuộc không vận của Mỹ di tản tăng lên hàng ngày. Ngày 24-4, có 24 chuyến bay, phần lớn là loại C.141 với 250 người một chuyến. Ngày 25 có 26 chuyến và ngày 26 có 31 chuyến. Tàu bè cũng bị gom vào dịch vụ di tản. Martin cho phép trả tiền hối lộ cho cảnh sát Sài Gòn tại Tân Sơn Nhất để đem người Việt Nam đi qua trạm kiểm soát vào sân bay tham gia di tản. Cứ 20 đôla một xe qua. Trong 10 ngày cuối cùng, tốn khoảng 50 nghìn đôla. Có lính gác Việt Nam đòi cái giá rất cao và cũng được người Mỹ thỏa mãn. Có lẽ 250 nghìn đôla, thậm chí 500 nghìn đôla là món tiền hối lộ đã lọt vào túi họ. Suy cho kỹ thì đây là cách nhục mạ cuối cùng của người Nam Việt Nam đối với người Mỹ. Đến Việt Nam với một mong muốn giúp đỡ - tuy có thể còn phải bàn cãi điều này là phạm sai lầm - người Mỹ giờ đây phải bỏ tiền ra mua lấy sự thoát thân của họ.

Cuộc chiến chưa ngừng lại dù rằng nó giảm xuống mức gần như đứng yên. Nơi thấy rõ điều này là Biên Hoà, căn cứ lớn nhất còn nằm trong tay quân đội Sài Gòn. Chiến trận ở đây là tiếng còi và tiếng rít xé gió, thứ âm thanh đáng sợ nhất thế giới. Đạn pháo nổ và hoả tiễn ập xuống Biên Hoà với con số ngày càng tăng.

Buổi sáng Xuân Lộc sụp đổ cũng là ngày Thiệu từ chức thì đạn pháo của cộng sản đã làm phi đạo bị tê liệt mất nửa ngày. Nửa lực lượng không quân Sài Gòn nằm bẹp. Hai ngày sau, đạn pháo và hoả tiễn vẫn còn rơi xuống làm cho không ai ngủ ngon giấc qua đêm. Chúng rơi trúng kho bom, rồi trúng cả máy bay. Trực thăng giờ đây trở thành vô dụng và phi công Nam Việt Nam không chịu bay nữa. Ở Biên Hoà hãy còn một ít cố vấn Mỹ đang sửa chữa những chiếc trực thăng để chúng có thể tham chiến. Nhưng khi sửa xong máy bay thì phi công Sài Gòn lại không chịu bay. Lưới lửa phòng không Bắc Việt Nam đã ở sát Biên Hoà khiến các phi công Sài Gòn xem trực thăng chỉ là phương tiện để dự trữ thoi.



Pháo kích Tân Sơn Nhất.

Cố vấn Mỹ nổi cáu nhưng người Việt Nam khư khư giữ quyết định của họ. Hầu hết người Mỹ vào Sài Gòn để về Hoa Kỳ. Ngày 23-4, trong tình hình pháo kích vào Biên Hoà tăng thêm và quân cộng sản bao vây căn cứ thì không quân Sài Gòn lại rút đi. Máy bay F.5 chuyển về Sài Gòn, loại A.37 về Cần Thơ. Các phi công được đi phép một tuần rồi sẽ về trình diện ở Sài Gòn hoặc Cần Thơ. Xe vận tải được gom lại để chuyển bom từ Biên Hoà về các căn cứ mới. Thế là hơn một nửa lực lượng không quân Sài Gòn đã bị xếp cánh. Cùng ngày ấy, “lãnh sự quán Hoa Kỳ” ở Biên Hoà vẫn mở cửa. “Vâng, mở cửa vô hạn định!”. Ngày hôm sau, cánh cửa đã khoá tịt lại. Người Mỹ đã trốn trong đêm về Sài Gòn bằng một chiếc trực thăng. Người ta hy vọng lá cờ nhiều sao mà họ bỏ lại tiếp tục bay trên lãnh sự quán sẽ ngăn ngừa sự hoảng loạn ở Biên Hoà. Lãnh sự quán ở Cần Thơ cũng thế. Họ cũng chuẩn về Sài Gòn ban đêm bằng trực thăng. Người Mỹ từ lâu vẫn nói rằng, châu thổ sông Cửu Long là chìa khoá của Nam Việt Nam vì rất đông dân, giờ đây lại bỏ ra đi trước khi cuộc chiến đấu bắt đầu.

Ngày 25-4, Bộ tư lệnh Bắc Việt Nam hỏi các phái đoàn Bắc Việt Nam và Việt Cộng tại sân bay Tân Sơn Nhất rằng, họ cần bao nhiêu thời gian để chuẩn bị sẵn sàng đối phó với “cuộc giải phóng” bằng bạo lực. Vài phút sau, một điện mật trả lời rằng cấp trên không phải lo lắng cho những người ở đây. Mọi người ở trại David sẵn sàng hiến dâng mạng sống cho thắng lợi sau cùng.

Cách Sài Gòn 6 dặm về phía Bắc, lùi vào quốc lộ đi Biên Hoà 3 dặm, bộ đội Bắc Việt Nam đã chuyển pháo 105 ly đến cánh đồng trống nằm ngay sau các rặng cây và nhà cửa. Họ ít tiếp xúc với dân chúng. Những ai bước ra khỏi nhà để nói chuyện với “quân giải phóng” đều được báo là nên tránh xa khu vực ấy. Sắp có một trận đánh lớn vào Sài Gòn và những khẩu đại bác này sẽ phá thành phố ra tro bụi nếu cần. Nhưng họ không biết khi nào thì trận đánh sẽ xảy ra.



Pháo binh triển khai trận địa bắn vào SG (Đoàn PB Tân Thắng).

Các sĩ quan cấp thấp thuộc 4 sư đoàn Bắc Việt Nam đã chuyển đến những vùng sát Bắc Sài Gòn. Giữa ban ngày, họ đã tiếp xúc với Việt Cộng nằm vùng. Hầu hết những người này thuộc trung đoàn Đồng Nai cũ. Bộ đội Bắc Việt Nam nói với họ rằng cuộc tấn công Sài Gòn sắp xảy ra. Việt Cộng sẽ là người dẫn đường. Nhiều bản đồ được đưa ra và những người cộng sản trong vùng chỉ cho các sĩ quan biết những con đường, nơi bố trí phòng thủ và các mục tiêu chủ chốt. Các lực lượng cộng sản vẫn chuẩn bị một cuộc tấn công toàn lực vào Sài Gòn, nhưng họ vẫn hy vọng sẽ không cần thiết phải làm như vậy. Xét cho cùng, một cuộc đầu hàng vẫn tốt hơn nhiều so với cuộc tấn công tàn phá thành phố. Các nhà quyết định chính sách của họ bèn chọn ngày 28-4 là kỳ hạn cuối cùng.

Điều buồn cười lúc này là sự giả vờ can đảm của Nguyễn Cao Kỳ. Kỳ dành tính chuyện bên lề với Bộ quốc phòng Mỹ nhằm đem các máy bay đi không để lọt vào tay cộng sản và cũng đã gửi vợ đi theo các cuộc di tản khỏi Nam Việt Nam. Thế mà Kỳ vẫn được một số người tin là can đảm.

Việc Kỳ muốn nắm quyền hành ở Nam Việt Nam gần như là chuyện công khai. Trong khi kêu gọi Thiệu từ chức, suốt mấy tuần qua Kỳ tự xem mình như là tổng thống, là kẻ đang cầm đầu cái chế độ ngắc ngoải này. Thế là khi đứng trước đám đông độ 6 nghìn người Thiên chúa giáo hữu khuynh vào xế trưa thứ sáu ngày 25-4 cái ngổ ngáo của viên tướng không quân này còn nguyên vẹn. Kỳ nói chuyện phòng thủ Sài Gòn, rằng những

kẻ chạy trốn theo Mỹ là hèn nhát. Đàn bà và trẻ con sẽ được gửi đi đảo Phú Quốc. Dân Sài Gòn sẽ đứng lên chống cộng, Kỳ ở tuyến đầu. Trong lúc bốc lên, viên tướng râu dê này nói, nếu cần thành phố sẽ trở thành một Stalingrad, nơi đã cầm cự 900 ngày trong vòng vây hãm. Ít ra nhân dân thế giới cũng nhớ đến sự anh hùng của những người bảo vệ Stalingrad chứ sẽ chẳng ai thèm nhớ đến Sài Gòn nếu nó chịu đầu hàng ngay. Kỳ khuyên mọi người đừng di tản hãy đứng lên chiến đấu. Việc phân phối vũ khí sẽ làm ngay, mọi người nên ở lại Sài Gòn. Đám dân di cư từ Bắc Việt Nam vào đây từ năm 1954 bị kích động đã hoan hô Kỳ rầm rĩ.

Nhưng sĩ khí chống cộng chỉ thế thôi. Sau đó Kỳ bỏ vào sân bay Tân Sơn Nhất để sắp xếp cho các máy bay di tản sang Thái Lan và đồng thời cũng bí mật ra lệnh cho một trực thăng đến đón mình. Chẳng đại gì mà liều và Kỳ không thể nào dám liều ở lại với cộng sản. Tấn tuồng chống cự của viên tướng can đảm nhất của quân đội Sài Gòn công diễn âm thầm độ nửa giờ là đóng màn. Dù sao các nhà báo nước ngoài lúc ấy cũng ghi vào sổ tay chi tiết đó.

Còn Thiệu và vợ thì đang bận gói ghém vàng, kim cương, ngọc thạch và đồ cổ. Công việc đó là 16 vali quần áo, tư trang và theo tin ở dinh thì còn 100 nghìn đôla nữa. Martin giúp bọn này ra đi và có ý định chỉ cho mang đồ vật cá nhân nhẹ. Thế là tay cựu tổng thống và vợ phải tính đến cách khác. Mai Anh đã xoay sở lấy được 16 tấn vàng ra khỏi ngân hàng bằng cách ép, dọa bọn thuộc cấp. Vàng nằm trong dinh lúc Thiệu từ chức “vì lý do an ninh”. Vợ ta cho chuyển phần lớn số vàng thời ấy lên một máy bay thuê của hãng hàng không Thụy Sĩ, nhưng các phi công đòi biết trong thùng hàng có gì, theo nguyên tắc phòng xa. Họ khám phá ra đó là vàng nên phải hỏi lãnh sự quán Thụy Sĩ và rồi từ chối không chở nữa. Lý Long Thân nhảy vào cứu nguy. Tay này có phương tiện riêng là tàu “Trương tinh”, tuy không phải là tàu đi xa nhưng khẩn cấp quá rồi. Thân ra lệnh chở vàng đi Pháp, sau này Thiệu có nhận lại ở đó. Ngọc thạch và kim cương hầu hết được đóng thùng kỹ lưỡng và vợ Thiệu giám sát từng bước gói ghém hàng.

Đến lượt những thứ đồ cổ. Giá trị của chúng không ai biết rõ, nhưng là đồ của viện bảo tàng Sài Gòn thì chắc là phải đáng giá lắm. Buồn thay, nhiều thứ lại vô giá trị. Các nhân viên Viện bảo tàng cũng ăn hối lộ như điên nên đã thay thế phần lớn đồ cổ bằng những thứ giả giống hệt nó. Họ đem bán chúng (đồ thật) cho các chủ hiệu và người sưu tầm. Vợ Thiệu chẳng biết gì cứ yêu cầu viên phụ tá của Thiệu là Đặng Văn Quang thu xếp gửi đi đâu đấy. Quang chọn Canada là nơi lưu vong và đã chuyển những đồ cổ cá thật lẫn giả lên một chiếc tàu đi Montreal thông qua Hoa Kỳ. Vợ Thiệu vẫn định ninh như thế.

Một cách tuyệt đối bí mật, chiếc máy bay C.118 của không quân Mỹ đến Tân Sơn Nhất lúc 3 giờ sáng ngày 26-4 để chở Thiệu đi di tản. Thiệu được báo trước một giờ để sửa soạn hành lý lần cuối cùng, kể cả chuyện lén lút chở đi số tiền 100 nghìn đôla mà Kỳ nói

là đây áp 4 vali thuộc quỹ dự phòng trong dinh. Cựu thủ tướng và là tướng 4 sao Khiêm được báo trước 20 phút. Xe Mỹ chở họ đến Tân Sơn Nhất. Máy bay cất cánh đi Đài Loan. Chẳng có hộp báo, chẳng có tường thuật việc Thiệu đến Đài Bắc. Cuộc ra đi của Thiệu âm thầm và hoàn toàn nhục nhã.

Quốc hội Sài Gòn họp sau lúc Thiệu ra đi. Một số ý kiến đồng ý với Martin nên cử Hương hay Trần Văn Lắm làm tổng thống. Lắm vẫn mơ ước chức vụ ấy và đến lúc này vẫn còn thèm. Khi cộng sản đã vây chặt Sài Gòn và sắp san nó thành bình địa thì Martin lại có ý kiến khác nữa là Hương hoặc Lắm, ai làm tổng thống cũng được, còn thủ tướng nên để cho Minh lớn.

Trước lúc bình minh ngày thứ bảy, nhiều xe vận tải Bắc Việt Nam đổ lại bên sông Sài Gòn cách thủ đô 6 dặm về phía Bắc. Chúng chở hoả tiễn và đạn pháo 105. Những đại bác và hoả tiễn này đã nằm vào các vị trí bắn sau những rặng cây. Chiến tranh bắt đầu trở lại sáng chủ nhật và báo hiệu bằng tin dữ: 4 hoả tiễn rơi xuống Sài Gòn. Đây là dấu hiệu cho thấy phút bắt đầu của giai đoạn cuối và ai nấy đều biết. Ba năm rưỡi, chưa có đạn pháo hay hoả tiễn rơi xuống Sài Gòn. Bây giờ chiến tranh đang rẽ sang một bước ngoặt mới, cho thấy Hà Nội sẵn sàng tấn công Sài Gòn. Thời gian cấp bách một cách tuyệt vọng. Sự xáo xáo chính trị nội bộ bây giờ là một thứ xa hoa không còn chỗ đứng.

Phòng tuyến sau cùng của Sài Gòn bắt đầu rung rinh vào sáng chủ nhật. Tại Long Thành, một trong những trận đánh bằng xe tăng dữ dội nhất cuộc chiến đã tràn ngập lên căn cứ thiết giáp của quân đội Sài Gòn. Trong vòng cung từ Đông Nam sang Đông Bắc chỉ còn căn cứ không quân Biên Hoà, đang bị cắt đứt ngày chủ nhật, lần cuối cùng và mãi mãi. Những cuộc tấn công dữ dội vào các tiền đồn ở Mỹ Tho - Long An đã đẩy sư đoàn 9 lùi về phía Sài Gòn. Phía Nam và Tây Nam Sài Gòn, 20 nghìn bộ đội Bắc Việt Nam chỉ còn cách Sài Gòn 15 dặm. Phía Tây Bắc Sài Gòn, dọc quốc lộ 1 đi Campuchia, vài sư đoàn Bắc Việt Nam đã cắt đứt con đường ấy, đẩy sư đoàn 25 giạt ra 2 hướng nằm ngoài xa vành đai Sài Gòn. Hai đại đội của sư đoàn 9 Bắc Việt Nam rẽ vào Gia Định, chốt các cầu trên quốc lộ 1 gần cửa hàng tạp hóa Mỹ và kho chứa hàng viện trợ Mỹ.

Các tướng lĩnh Sài Gòn bắt đầu dàn thế trận lần cuối. Biệt động quân và lữ đoàn dù cuối cùng được dàn thành hình quạt từ phía Nam sang Đông Bắc Sài Gòn. Đó là lực lượng phòng thủ đáng thương hại, bị áp đảo với tỷ lệ 1 chọi 15. Phe cộng đang thiết lập vị trí tiền tiêu, thử phản ứng của quân đội Sài Gòn. Nhưng viên tướng 4 sao duy nhất trong quân đội lúc bấy giờ là Tổng tham mưu trưởng Cao Văn Viên đã lên máy bay riêng loại C.47 vào xế trưa thứ hai bay đi Băng-cốc. Hơn nửa số tướng lĩnh Sài Gòn đã bỏ chạy khỏi đất nước. Thủ tướng cuối cùng - Nguyễn Bá Cẩn cũng lên chiếc C.141 rời Sài Gòn.

Ba hoả tiễn rơi xuống Sài Gòn ngày thứ hai. Không cần lời cảnh cáo nào thêm nữa về việc cộng sản sẵn sàng đánh chiếm Sài Gòn. Đến trưa, thính giả nghe đài phát thanh của sứ quán biết được Martin đang làm gì trong phần thời gian cuối trong ngày cuối

khốn khổ này. “Đại sứ Tám có một bộ sưu tập những vật quý giá trao cho đại sứ (Mỹ) giữ gìn và ông ta cần một số người gói hàng. Ông ta cần khoảng 20 hộp nhỏ, khoảng một tá hộp lớn hoặc thùng và một số chần bông. Đại sứ Martin quan tâm trong vụ này: Chúng tôi muốn chuyển ông ta (Tám) và đi vào ngày hôm nay...”.

Ai đó ở đầu bên kia đài phát thanh của đại sứ quán đã vạch cho thấy những vấn đề cụ thể trong việc chuyển đồ cổ của tướng 3 sao Trần Ngọc Tám, người đã trở thành bạn của Martin khi cả hai đều làm đại sứ tại Thái Lan trong thập kỷ 60. Có lẽ Martin muốn giúp đỡ gói ghém hành lý. Nhưng những người di tản khác thì đang ra đi một cách khôn ngoan. Họ bỏ lại tài sản cuộc đời - hay nói đúng hơn là tìm cách dồn tài sản cuộc đời vào trong một cái túi đeo vai thôi thì mới thoát được.



Di tản.

Minh lón lái xe đến dinh, dù đoạn đường chỉ 5 phút đi bộ. Minh gặp Hương tại cửa. Khi Hương đọc diễn văn ngắn trao quyền cho Minh thì tổng thống mới xem lại bài viết. Minh bước lên diễn đàn hô hào thành lập một chính quyền gồm mọi thành phần chính kiến khác nhau. Đám mây trên Sài Gòn bung ra và trút xuống một cơn mưa lớn. Một tiếng sét và sấm rền âm vang làm im lặng căn phòng. Lúc ấy là 5 giờ 15 chiều. Minh bước ra khỏi dinh, về ăn cơm chiều thì 5 chiếc phản lực A.37 đang bay thẳng về phía

sân bay Sài Gòn. Những lệnh ngăn qua điện đài được đánh lên máy bay, yêu cầu chúng cho biết xuất xứ. Không có câu trả lời nào.

Đại tá Tuấn, tham mưu phó hành quân của Sài Gòn làm việc với sư đoàn 5 không quân tình cờ có mặt tại đài kiểm soát không lưu. Tuấn đang ra lệnh cho chuyến bay khác ngừng lại vì có mây đen tích điện. Tuấn nghi ngờ 5 chiếc A.37 bèn ra lệnh gọi đi Cần Thơ và Biên Hoà. Các căn cứ này trả lời là họ không bay. Thật ra nó từ Phan Rang tới và do các phi công Bắc Việt Nam lái. Không có chuyến bay thử ngang qua một lượt. Ngay trong lần đầu tiên bay qua căn cứ, những phi công lái MiG lão luyện này đã bấm nút thả bom, một tá bom loại 500 bảng Anh rơi xuống khu vực quân sự.



Nguyễn Thành Trung và Từ Đễ sau khi không kích Tân Sơn Nhất.

Bài diễn văn kêu gọi thương thuyết của Minh lớn được A.37 trả lời sau 35 phút tính từ khi Minh ngừng nói. Tại Tân Sơn Nhất, hàng ngàn người đều kinh hoàng. Chưa mấy người nằm dưới trận ném bom. Trong hầu hết mọi tần số, tiếng gọi qua điện đài loạn xạ xin được hướng dẫn phải làm gì. Một người Mỹ trong sứ quán nói với các người đang nghe tần số của mình: “Chẳng thể làm gì được cả. Nằm sấp xuống và nín thở thôi”.

Người khác nói: “Chúng tôi thì hãy ôm lấy hai bắp chân vào mình, cúi đầu xuống càng thấp càng tốt. Nếu cần, hôn từ giã cái mông của anh đi”. Tuấn muốn phóng các F.5 lên trời. Một lần nữa các phi công Sài Gòn không có mặt trong máy bay theo quy định.

Tại trung tâm Sài Gòn, dân chúng biết chắc rằng cuộc tấn công sau cùng vào Sài Gòn đã bắt đầu. Hơn 100 nghìn bộ đội Bắc Việt Nam và những người Việt Cộng dẫn đường, vũ khí đã lên vai sẵn sàng san bằng Sài Gòn. Từ bây giờ trở đi, nó sẽ là cuộc chiến tranh không còn hạn chế và kiềm chế nữa. Đêm thứ hai, sau cuộc ném bom, người phát ngôn Sài Gòn cho biết điều kiện đi đến hoà bình là “giải trừ bộ máy chiến tranh và kìm kẹp của Sài Gòn”. Nói khác đi, quyết định đã có rồi. Sài Gòn sẽ đầu hàng quân sự hoặc là quân đội Bắc Việt Nam sẽ đánh chiếm thủ đô. Trường hợp sau, ít có hy vọng là họ sẽ thua trận.

Chương 13. ...Cám ơn!

Darwin Judge và William Mc Mahon đã gia nhập binh chủng thủy quân lục chiến gần như cùng một lúc. Họ là loại "con trai" mà đám thủy quân lục chiến vũ phu muốn biến thành người lớn. Là vận động viên, đã tốt nghiệp trung học, hai anh chàng này đã ra sức luyện tập tại trại tân binh ở đảo Parris. Các tay trung sĩ dữ tợn của thủy quân lục chiến muốn có nhiều hơn nữa những tân binh như hai anh chàng này.

Hai người đã cùng sống với nhau 4 năm nghĩa vụ ở thủy quân lục chiến - binh chủng đã tự khoác cho mình danh hiệu dữ tợn nhất của Mỹ. Họ còn tiếc lỗ mất dịp chiến đấu tại Việt Nam. Ừ, bây giờ thì hai người ở Việt Nam rồi đấy. Họ là một phần của lực lượng an ninh sứ quán Hoa Kỳ mới được bổ sung. Nhiệm vụ duy nhất của lực lượng này là bảo vệ công cuộc di tản người Mỹ, chống những kẻ phá đám.

Trong 10 ngày qua, Judge, Mc Mahon và một lực lượng an ninh nhỏ đã bao vòng quanh Lầu Năm Góc Phương Đông tại Tân Sơn Nhất. Theo họ, phần xử trí gay nhất không phải là hàng nghìn người đang chuẩn bị rời khỏi Việt Nam mà là việc xử trí với những chiếc xe khốn nạn. Dân chúng lái xe vào sân bay rồi vút xe tại chỗ. Judge và Mc Mahon cố gắng dọn quang lối xe vào địa điểm di tản.

Hai người trực đêm, vào ngày 28-4. Họ chẳng biết gì mấy về chuyện gì đang xảy ra tại xung quanh Sài Gòn vì những điện đài đã chiến mang theo chỉ bắt tần số của Mỹ, chẳng nói gì về tin tức bên ngoài thủ đô. Họ không biết được Biên Hoà đã sụp đổ. Họ chẳng ngờ cái trò chính trị trong cuộc chiến tranh Việt Nam lại sắp sửa kết thúc cuộc đời của họ.

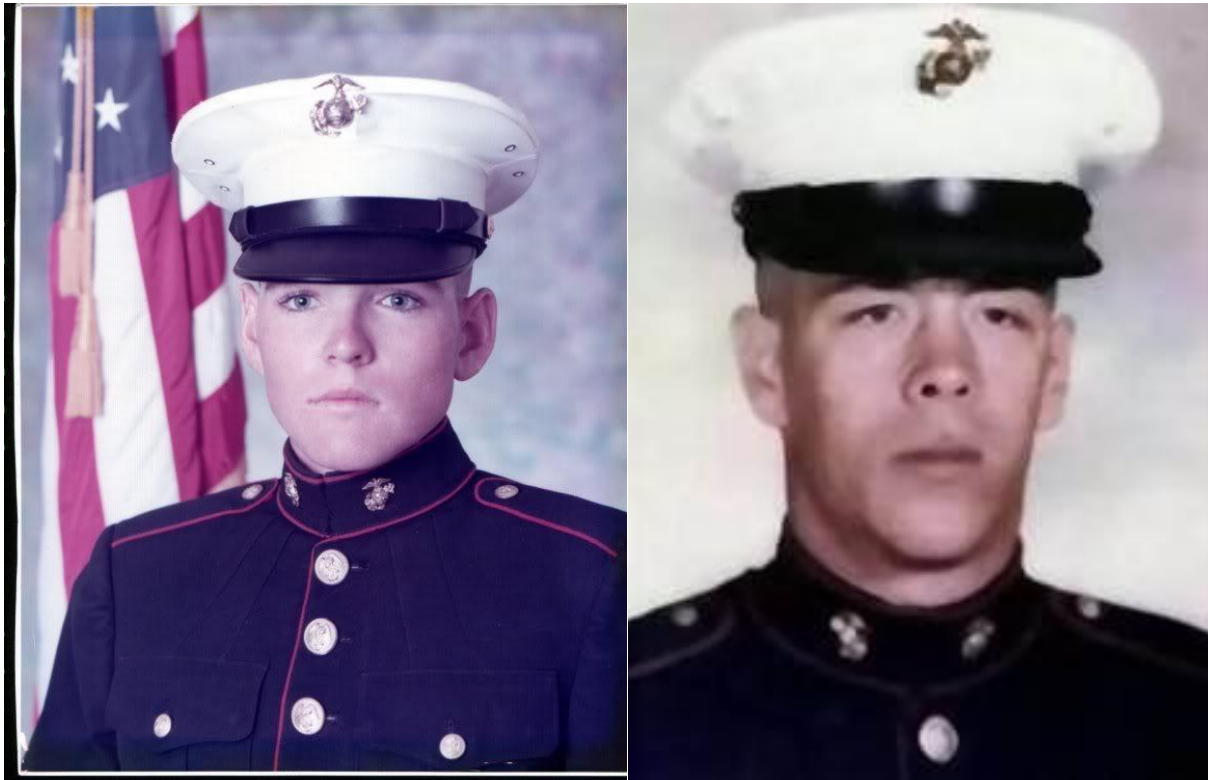
Biên Hoà sụp đổ khoảng nửa đêm không làm mấy ai ngạc nhiên. Cái căn cứ ấy đã trở thành ốc đảo, bị bao vây tứ phía và thậm chí bị cắt khỏi Sài Gòn, một sự kiện vốn hiếm khi xảy ra. Khoảng 4 sư đoàn Bắc Việt Nam đã pháo kích dữ dội và tràn ngập căn cứ khi trời sập tối. Sự việc chỉ cộc cằn và giản đơn như thế thôi. Một lực lượng nhỏ gồm xe tăng và bộ binh ở Biên Hoà rút chạy về hướng Sài Gòn, nhưng họ phải vượt qua đồng ruộng vì các con đường đã bị chặn hết.

Hai sư đoàn khác tấn công Vũng Tàu, hải cảng duy nhất còn trong tay Sài Gòn. Một kế hoạch phòng hờ bất trắc đã dự tính cuộc di tản của Mỹ qua Vũng Tàu bằng đường biển Vũng Tàu. Nhưng trước cuộc tấn công của cộng sản, thị xã sụp đổ cũng chỉ còn là vấn đề thời gian, có lẽ vài giờ thôi. Do đó, kế hoạch phòng hờ bất trắc kia cũng tuyệt vọng.

Một cuộc pháo kích khác bằng hoả tiễn xuống Tân Sơn Nhất. Cuộc ném bom là dấu hiệu tấn công. Cuộc pháo kích này đánh dấu phút mở màn cho cuộc xung phong cuối cùng của số quân Bắc Việt Nam lớn nhất, chưa bao giờ ở một điểm lại tập trung lớn như thế. Bắc Việt Nam có tất cả 24 sư đoàn. Ba trong số ấy nằm lại miền Bắc. 21 sư đoàn kia

đang ở xung quanh Sài Gòn, sẵn sàng tấn công thành phố, còn Sài Gòn thì lực lượng thực tế có độ 1 sư đoàn.

Tại phía Bắc Sài Gòn, nơi các pháo thủ đã chờ lệnh từ hai ngày qua, những khẩu đại bác quay mũi từ hướng trung tâm Sài Gòn, nhích sang phía Tây. Lúc 4 giờ 10 phút sáng, các khẩu đại bác ấy và có lẽ 50 khẩu khác cùng loại đã mở cuộc pháo kích vào Tân Sơn Nhất, Judge và Mc Mahon đã ngã xuống trong vòng 10 phút đầu của cuộc pháo kích. Judge bị quả đạn pháo trúng ngay vào mình. Ở cách đó 8 mét, Mc Mahon cũng chết ngay tức khắc, tuy rằng thi thể anh ta không tan nát như người bạn. Quả đạn giết chết hai lính thủy quân lục chiến là một trong vài ba quả lệch mục tiêu. Nhìn chung, cộng sản không can thiệp vào cuộc di tản.



Darwin Judge và...William Mc Mahon – hai lính Mỹ cuối cùng chết tại Việt Nam.

Lúc 6 giờ 30 sáng, Sài Gòn đã thức giấc bởi tiếng gầm thét của đại bác bắn vào Tân Sơn Nhất, Martin đã triệu tập cuộc họp của hội đồng sứ quán. Theo lời những người dự phiên họp ấy, rõ ràng là viên đại sứ đã trở nên bàng hoàng. Polgar (giám đốc phân cục CIA) và tướng Smith nói thẳng thừng với Martin: Cuộc di tản cuối cùng phải được ra lệnh ngay lập tức. Tân Sơn Nhất bị tấn công có nghĩa là sân bay đóng cửa. Chẳng ai đoán được bao giờ nó sẽ mở cửa lại. Do đó phải di tản bằng trực thăng càng nhanh càng tốt. Rồi thì cái cây lớn sau nhà đại sứ quán phải bị hạ xuống để khỏi cản trở trực thăng.

Martin giận dữ trước sự thách thức ấy. Trước đây, máy bay đã từng đi qua những trận pháo kích. Tình hình chẳng đến nỗi nghiêm trọng. Cuộc di tản bằng phi cơ có cánh cố định vẫn tiếp tục. Để không quân có thể quyết định lúc hạ cánh. Chẳng có lý do gì để hoảng loạn, cũng chẳng có lý do nào để nghĩ đến chuyện di tản bằng trực thăng. Cái cây sẽ không bị hạ xuống. Đốn nó có nghĩa là tự ràng buộc mình vào cuộc di tản cuối cùng. Martin nói ông ta chưa sẵn sàng làm như vậy, nó không cần thiết.

Polgar và Smith bèn nổi nóng. Nói qua hai hàm nghiến chặt vào chỉ vừa đủ để giữ bình tĩnh, họ tìm cách báo cho Martin biết sự thật. Hai lính thủy đánh bộ Mỹ chết là chuyện họa hoằn. Hàng nghìn người đang ngẹt thở vì Tân Sơn Nhất bị pháo kích. Máy bay chẳng có cách nào hạ cánh. Khu nhà hàng không Mỹ ở đối diện ngay bên đường đi qua Lầu Năm Góc Phương Đông đã trở thành đồng gạch vụn sau cuộc pháo kích. Mấy chiếc máy bay thường và trực thăng ở đó tiêu tan rồi. Không quân Sài Gòn tan nát vì cuộc pháo kích.

Trùm CIA tóm gọn cảm nghĩ của hầu hết mọi người trong phòng họp: Martin đang mang ảo tưởng. Tình hình đang rất nghiêm trọng. Sài Gòn hoàn toàn bị bao vây rồi. Căn cứ duy nhất còn trong tay chính quyền Sài Gòn là Tân Sơn Nhất. Cuộc xung phong cuối cùng vào chính thành phố có thể xảy ra bất cứ lúc nào. Ý kiến Martin khẳng khẳng đòi di tản bằng máy bay có cánh cố định là sai. Nó sẽ phải trả giá bằng sinh mạng. Cuối cùng Polgar nói, nếu Martin không tin ở những người khác nói thì ông ta nên đến Tân Sơn Nhất mà nhìn tận mắt.

Martin chồm lên tức tối. Được - ông ta nói - đấy là điều chính ông ta sẽ làm. Polgar và Smith còn hầm hầm tức giận. Jacobsen khuyên Martin đừng đi Tân Sơn Nhất. Martin cho biết ông ta sẽ đi và ra lệnh ngay lập tức. Jacobsen tuy bênh vực Martin nhưng cũng thấy chỉ bằng cách tận mắt nhìn thấy sự tàn phá tại Tân Sơn Nhất thì đại sứ mới chịu đổi ý nghĩ. An ninh cho Martin được bố trí. Một xe chở đầy lính thủy quân lục chiến, và dăm ba lính khác cùng ngồi xe với Martin để bảo vệ.

Smith đi theo Martin vì Tân Sơn Nhất nằm dưới quyền chỉ huy của ông ta.

Khi xe của Martin rời khỏi sứ quán đi về hướng sân bay thì trùm CIA trung dụng vài lính gác thủy quân lục chiến nổ máy cưa và hạ cái cây xuống.

Jacobsen theo dõi qua điện đài từng phút một chuyển đi của Martin đến Tân Sơn Nhất. Nghe ba bốn điện đài cùng một lúc, ông ta theo dõi tin tức về các đám nổi loạn, pháo kích và những nơi dàn quân của Sài Gòn. Vào lúc ấy, quân đội Sài Gòn là mối nguy hiểm lớn nhất. Đa số quân lính đang cay trước sự thật hiển nhiên là cuộc rút lui và việc cắt đứt viện trợ của Hoa Kỳ. Đang có tin đồn là các tướng lĩnh Sài Gòn sẽ tìm cách ngăn chặn người Mỹ di tản.

Chuyến đi Tân Sơn Nhất diễn ra trơn tru. Xe của Martin lách qua các đồng đống nát đi vào sân bay. Viên đại sứ không nói một lời. Những người đi theo cho biết thái độ đại sứ

iu xiù. Rõ ràng là bị bàng hoàng trước sự tàn phá, nguy cơ và khói lửa, Martin dường như không tin vào cả mắt mình. Chiếc xe vòng lại rồi trở về sứ quán lúc 10 giờ.

Sau chuyến đi Tân Sơn Nhất, Martin trông như một người mất hồn. Cô thư ký của ông ta muốn rơi nước mắt. Ông ta ít nói, đi thẳng vào văn phòng. Trong vòng nửa giờ, ông ta gọi hầu hết những thành viên trong hội đồng sứ quán lại và ra lệnh tiến hành kế hoạch di tản sau cùng. Vâng, trực thăng phải được sử dụng. Không chắc gì máy bay có cánh cố định hạ xuống được Tân Sơn Nhất. Mọi người nên biết phần việc của mình và nên thi hành. Martin không đề cập gì đến cái cây nếu quả tình là còn nghĩ tới nó.

Tướng Smith cảm thấy nhẹ nhõm đã nhận lệnh qua điện thoại về việc di tản và chuyển nó đi Honolulu theo hệ thống quân đội. Từ đó nó trở về các tàu Mỹ ở ngoài khơi Vũng Tàu. Martin và Polgar thì đánh những bức điện hoả tốc của mình về Bộ ngoại giao và sở chỉ huy CIA. Các viên chức sứ quán lại bắt đầu gọi điện thoại đến các trụ sở, cư xá, tư gia, khách sạn mà họ đã gọi liên 4 giờ trước đó mới hết để báo cho biết sự chuẩn bị trước hạ màn. "Lần này không có chuyện thực tập đâu". Họ nói như vậy. Cuộc "kéo mạnh" bắt đầu đấy. Mọi người, nhắc lại nhé, mọi người nên đến trình diện ở địa điểm di tản mà họ được chỉ định.



Di tản.

Trên giấy tờ, nó có vẻ là cuộc di tản liêu lĩnh. Nhiều người cho rằng nó lạc quan. Lẽ tất nhiên, rốt cuộc nó đã trở thành con ác mộng. Thất bại không phải hoàn toàn vì yếu tố con người tuy có sai lầm nghiêm trọng trong việc làm kế hoạch.

Thứ nhất là vấn đề xe buýt. Mấy ai đã từng lái xe buýt mà cuối cùng cũng phải đi các ngõ hẻm để nhặt từng người. Thứ nhì, ít nhất phải có 25 trực thăng Hu-ây (UH-1) để làm việc cứu người mắc kẹt trên mái nhà. Khi có lệnh, phần lớn phi công đã về nhà. Một nửa số trực thăng bị phá huỷ trong cuộc pháo kích sân bay Tân Sơn Nhất. Số lớn còn lại phải đi đồng bằng sông Cửu Long nhặt người mà lãnh sự quán Mỹ bỏ lại. Thứ ba là thiếu hợp đồng giữa dân sự và giới quân sự. Ai cũng tưởng bay là bay một chuyến

thì xong, nhưng hầu hết đã bay đến lúc kiệt sức. Hơn hết là sự trể nài của Martin đã đè nặng lên bước “kéo mạnh” sau cùng.

Lúc này, lệnh giới nghiêm 24/24 không còn có hiệu lực và chẳng còn lực lượng an ninh để thúc đẩy thực hiện nó. Có khoảng 100 nghìn linh hồn hoảng loạn, lang thang trên đường phố, theo dõi dấu hiệu cuộc di tản. Họ đã nắm giấy phép mà không đi được. Thế thì tướng Smith đâu, lính mũ nồi xanh đâu? Câu hỏi đến nay chưa được giải đáp. Khoảng 2 giờ chiều lính Sài Gòn không chịu cho xe buýt vào Tân Sơn Nhất nữa bằng cách huơ súng qua lại như đám hung thần trong phim cao bồi. Chỉ có một cổng vào bị một tá lính Sài Gòn giữ chặt. Đáng lẽ lính mũ nồi xanh hay thủy quân lục chiến chiếm lấy nó. Sự thất bại trong việc mở cổng dẫn tới sự hoảng loạn cuối cùng ở sứ quán sau này.

Smith muốn bắt đầu di tản lúc giữa trưa. Vì lý do không hiểu nổi, Martin lại ra lệnh hoãn một tiếng đồng hồ. Đang lúc chiếc trực thăng sẵn sàng bay chuyển đầu tiên vào Sài Gòn thì một giọng nói trên đài chỉ huy ra lệnh phi công tắt máy và đợi một giờ nữa. Chẳng biết được ai ra lệnh ấy?

Thủy quân lục chiến ở trụ sở DAO phần lớn chưa qua thử thách chiến trường, tất cả đều run sợ trước cái chết của Judge và Mc Mahon và đều mỗi một. Hầu hết là một lũ anh hùng rom. Cộng sản đã giảm pháo kích Tân Sơn Nhất nhưng thỉnh thoảng vẫn có quả đạn rơi xuống, do đó càng gây thêm khiếp đảm.

Sự hoảng loạn bắt đầu khoảng 3 giờ chiều, khi các trực thăng xuất hiện từ hướng Đông. Chúng bay thấp trên bầu trời Sài Gòn. Các đám đông bắt đầu tụ lại ở sứ quán Mỹ. Một trung đội lính thủy quân lục chiến mới toanh được trực thăng vận tải từ hạm đội 7 vào giúp việc kiểm soát đám đông. Họ cũng khiếp đảm trước tình hình như vậy. Tại Tân Sơn Nhất, lính gác đang bắn cảnh cáo các xe buýt trở đây người Mỹ. Các xe phải quay lui vì không ai hiểu liệu lính Sài Gòn có dám thực sự bắn vào xe Mỹ không, nhưng chẳng ai muốn thử làm gì. Cảng Sài Gòn là điểm di tản và cũng như một nhà thương điên.



Nguyễn Cao Kỳ rời khỏi Tân Sơn Nhất trong cuộc di tản bằng trực thăng riêng hóa ra lại đến hạm đội 7 trước cả người Mỹ di tản. Một sĩ quan Mỹ cũng gọi điện thoại báo cho trùm buôn thuốc phiện lậu và là phụ tá quân sự của Thiệu là Đặng Văn Quang rằng, giai đoạn “kéo mạnh” đã bắt đầu. Xòe chứng minh thư ra, Quang đã vào được cổng sau sù quán, tro trên và vẫn cười hình hích được. Kè thay thế Cao Văn Viên là Vĩnh Lộc đã được đặt lên một trực thăng di tản. Tám, bạn thân mà Martin quan tâm trong việc gói ghém vật dụng trong nhà hôm trước cũng leo lên trực thăng. Tướng 3 sao Đồng Văn Khuyên cũng đi mất. Thế là gần hết đám tai to mặt lớn trong bộ máy chỉ huy quân đội Sài Gòn đã linh mất.



Nguyễn Cao Kỳ bỏ chạy ra tàu sân bay của Hạm đội 7.

Tấn thảm kịch và trò lừa đảo trong cuộc di tản khỏi Sài Gòn sẽ còn được kể nhiều năm nữa. Tuy nhiên, hình như chẳng mấy ai rút ra bài học gì đó ngoài một nhóm nhỏ viên chức Hoa Kỳ.

Những lời tiên đoán rằng sứ quán Mỹ sẽ trở thành cảnh tượng chính cho sự hoảng loạn giờ đây thành hiện thực. Không chiếm lĩnh cổng Tân Sơn Nhất, hậu quả là các người Mỹ di tản ngày cuối cùng phải tìm đến sứ quán. Không thực hiện được giới nghiêm 24/24 thì hậu quả là một đám người Nam Việt Nam cuồn cuộn ập đến, tràn ngập cả sứ quán. Không tuyển chọn được một lực lượng an ninh có nghĩa là sẽ xảy ra những giờ phút căng thẳng giữa đám đông bên ngoài với thủy quân lục chiến bên trong.

Vẫn có những trường hợp đặc biệt, không hề bận tâm gì đến cuộc di tản. Cách Tân Sơn Nhất hai dặm trong một ngõ hẻm, Mike Mielke, một người Mỹ, bình thản nhìn theo những chiếc trực thăng bay qua nhà anh ta ra biển Đông. Mielke đang đứng trong sân trước căn nhà kiểu vila kín cổng cao tường, tiếp tục sơn một cái chuồng chó. Qua điện đài kiểu PRC.25, anh ta lắng nghe sự hoảng loạn lớn dần trong đám người Mỹ tham dự di tản. Trước đây, anh ta là trung sĩ trong lực lượng đặc biệt, làm cố vấn nghĩa quân. Thế nhưng anh ta muốn ở lại vùng với người vợ Việt lai Mỹ tên là Mistry và đứa con gái 2 tuổi tên là Madeleine quen gọi tắt là Linny. Họ đã từ chối vô số lời đề nghị giúp đỡ họ di tản. Melke đang nhấp ly rượu rum pha nước ngọt côla khi cuộc di tản bắt đầu. Trên mái nhà anh ta đã đặt hai tấm ván ép màu da cam thành hình chữ X. Đối với phi công trực thăng, nó có nghĩa là anh ta không muốn ra đi. Vợ anh ta, Mistry (tên Mỹ dịch từ tên tiếng Việt là Suong) không muốn anh ta ra đi. Khi những chiếc trực thăng bay ngang bên cạnh vila của Mielke thì anh ta đã xua tay khinh miệt: “Thôi... Cám ơn! Từ biệt chúng mày, đồ cục cút!”.

Một người khác là Martin lúc đó vẫn còn ở văn phòng. Viên đại sứ cho vợ mười một phút để gói hành lý. Không giống ai hồi hã, Martin đã làm đúng với những gì mình đã nói là không dọn nhà. Vào nửa buổi chiều ngày cuối cùng của cuộc chiến tranh ở Nam Việt Nam, Martin vẫn tin rằng có thể sắp xếp sự kết thúc cho cuộc xung đột, vẫn tự cho mình sắm vai một nhà thương thuyết, cột trụ cho Minh lớn và phe chống cộng. Từ Washington, đường điện thoại bỏ ngõ đến Sài Gòn vẫn nói lên lời van nài rằng, cuộc di tản phải kết thúc càng sớm càng tốt. Martin vẫn xin thêm thời gian, cố tình làm ngo việc hoàn tất di tản.

Đêm ấy là một đêm kỳ dị nhất trong cuộc chiến. Ló lên khỏi mái nhà, có thể thấy những đám cháy ở ba góc chân trời do pháo kích gây ra. Khung cảnh Sài Gòn thì yên tĩnh. Chỉ có tiếng máy bay phá vỡ yên lặng. Những ai muốn ra đi đã đi mất rồi. Tân Sơn Nhất chứng kiến cuộc di tản thành công, trừ một việc. Dám thủy quân lục chiến Mỹ, binh chủng có tập quán không bao giờ bỏ xác chiến hữu đã quên mất thi hài Judge và Mc Mahon. Họ vẫn còn nằm trong nhà xác lạnh lẽo của bệnh viện Cơ đốc.

Những đám lửa lớn bùng lên ở phía Đông Bắc. Cộng sản đã xuôi theo quốc lộ 1 đi xuống và đang đánh chiếm các căn cứ quân sự Biên Hoà và Long Bình. Chẳng có sự chống cự gì mấy.



Tiến về Sài Gòn ta quét sạch giặc thù...

10 giờ đêm. Tiếng nói từ Washington là cuộc di tản chấm dứt. Martin giữ tin bí mật càng lâu càng tốt, dấu nó càng nhiều người càng tốt. Khi những chiếc trực thăng di tản lần cuối cùng đã đến, Martin mới chỉ thị cho mọi người Mỹ trong sứ quán là phải lên sân đáp trực thăng trên mái nhà. Đó là lúc nửa đêm, qua sáng ngày 30-4 một ít. Chỉ còn lại Martin, vài tay thân tín và dăm ba lính thủy quân lục chiến.

Martin liên lạc với Kissinger ở Washington van nài cho cuộc di tản tiếp tục, Kissinger tỏ vẻ khó chịu nói rằng tổng thống muốn loan báo cuộc di tản đã kết thúc. Martin ngỏ ý xin ở lại để giúp Minh lớn và Nam Việt Nam. "Nào Graham - Kissinger nói - chúng ta muốn tất cả trở về thôi", Kissinger đã ra lệnh buộc Martin phải ra đi.

Tại sứ quán Hoa Kỳ, không ai tin rằng cuộc di tản thế là đã kết thúc. Đám đông người vẫn đông nghẹt cả ở bên trong lẫn bên ngoài. Giữa bóng đêm, không ai nhận thấy đám thủy quân lục chiến đã rút vào trong. 4 giờ sáng, đám đông lại nghe thấy tiếng trực thăng bay trở lại. Nó hạ cánh xuống nóc nhà sứ quán. Vài người chạy tới, leo lên máy

bay. Ngồi trên trực thăng có Graham Martin. Chưa ai nghĩ đó là chiếc trực thăng đi tản cuối cùng. Trời hửng sáng, lại thêm vài chiếc nữa đến bốc nốt đám lính thủy quân lục chiến của họ ở Việt Nam.

Tại một khu phố trung tâm Sài Gòn, khi biết tin G.Martin đã ra đi, một nhà báo đã lầm bầm rằng: “liệu có ai đó nhớ vận tắt ngọn đèn ở cuối đường hầm chưa nhỉ”. Đến ngày 3-5, cộng sản tuyên bố nắm gọn chủ quyền toàn cõi Việt Nam, kể cả các đảo ngoài khơi. Năm 1954, 16 nghìn lính Pháp, lê dương và Việt Nam đã cầm cự với quân đội Bắc Việt Nam 55 ngày đêm ở Điện Biên Phủ rồi thì đầu hàng. 21 năm sau, Bắc Việt Nam đã tràn ngập toàn cõi Nam Việt Nam, đánh bại một đội quân Sài Gòn tất cả là 1 triệu người. Cũng như Điện Biên Phủ, trận đánh này cũng mất 55 ngày đêm cả thảy.



Sài Gòn ơi ta đã về đây...

Lời kết thúc

Sài Gòn không trở thành thành phố Hồ Chí Minh qua một đêm được. Nhưng rõ ràng là những ngày xưa cũ hết rồi. Đường lối chính sách chung được phổ biến rộng rãi và một tờ nhật báo bằng hai thứ tiếng (Việt Nam và Trung Hoa) đã có mặt trên đường phố sau một tuần. Điều hiển nhiên là sau khi cuộc chiến tranh chấm dứt, không có chuyện tắm máu.

Minh lớn và Trần Văn Hương được phép ở lại nhà. Với những người khác, nó là vấn đề cải tạo. Dinh Độc Lập thành “di tích chế độ tư bản”. Sứ quán Mỹ thành một viện bảo tàng. Nhà của viên sĩ quan phụ trách tổng hành dinh Hoa Kỳ, Steven Bray biến thành nơi trưng bày “tội ác chiến tranh của Hoa Kỳ”. Nhà nghỉ mát của Thiệu cạnh bờ sông thành câu lạc bộ công nhân.

Còn một câu chuyện cuối cùng đầy ý nghĩa, liên quan đến binh nhì Đức, người lính thủy quân lục chiến Sài Gòn. Mặc dù ngay từ đầu, cuốn sách này đã xác định Đức là nhân vật tổng hợp của mấy thủy quân lục chiến, nhưng con người Đức thực sự đã đến với tôi vào tháng 8-1975, khi một trong số nhân viên của UPI bị giữ một tuần lễ. Trong nhà giam, anh ta gặp người lính thủy quân lục chiến mà tôi gọi là Đức, nghe kể lại câu chuyện khó tin lúc bấy giờ về cách thức đối xử của cộng sản với tù nhân. Không có cách nào liên lạc với Đức để biết đoạn kết thúc. Nhưng với tính cách là một điển hình minh họa cách đối xử của cộng sản Việt Nam năm 1975 đối với kẻ thù xưa, thì chuyện này thuộc loại có một không hai.

Trong những ngày cầm súng trong quân đội Sài Gòn, binh nhì Đức đã giết 13 chiến sĩ cộng sản, cho đến khi anh ta bị bắt sau ngày “giải phóng”. Đức được đưa đến trung tâm tạm giam chính tại thành phố Biên Hoà cách Sài Gòn 14 dặm về phía Đông Bắc. Trong thâm tâm Đức cảm thấy nhẹ nhõm. Sự tồn tại ngày lại ngày anh ta trải qua từ sau cuộc rút lui khỏi Quảng Trị giờ đây đã đến lúc chấm dứt rồi. Đức cảm thấy đau xót cho gia đình mình, nghĩ rằng mình sẽ bị hành quyết, nhưng anh ta chấp nhận khổ đau không còn sợ chết nữa.

Anh ta nói hết những gì mình đã làm cho các viên chức tại Biên Hoà nghe và phải mất gần trọn một ngày để liệt kê lại những sự kiện “tội ác” đó, thỉnh thoảng chỉ ngập ngừng chút ít trước câu hỏi của người trung tá hỏi cung anh ta.

Nhiều khi Đức ngạc nhiên thấy mình bị nhốt vào một phòng biệt giam tại khám. Phòng thì nóng và thiếu nước. Không có chuyện giặt giũ. Linh gác cũng như tù nhân đều được cung cấp nước uống theo tiêu chuẩn. Ngoài cái đó ra thì mọi việc khác đều có thể chịu đựng được. Đức chuẩn bị tinh thần đón nhận sự hành quyết. Cuộc chiến đấu giờ đây đã tiêu tan trong lòng anh ta và chỉ mong cái chết đến càng nhanh càng tốt.

Vào khoảng giữa buổi sáng ngày hôm sau, Đức được hộ tống đến văn phòng có cái quạt trần vắn tắt rồi. Anh ta cảm thấy và biết rằng bản án sắp sửa được đọc. Quả đúng như thế, mặc dù nó không phải là cái mà Đức mong đợi. Người trung tá bắt đầu giảng giải cho anh khoảng một tiếng đồng hồ. Đại ý như thế này:

Chính quyền cách mạng căm ghét những gì Đức đã làm, nhưng hiểu tại sao anh ta lại làm như thế. Người lính thủy quân lục chiến cũ này đã được người Mỹ và phe Sài Gòn huấn luyện để làm việc đó mà đó là việc Đức phải tuân theo mệnh lệnh. Tuy nhiên Đức đã mắc tội là không tuân lệnh chính quyền cách mạng kêu gọi bỏ súng xuống và sớm đầu hàng. Với tội này, Đức sẽ bị giam 6 tháng. Thời gian đó, Đức phải lao động như một người quét dọn nhà tù, sẽ được học tập hai, ba buổi trong một tuần để hiểu biết về chính quyền mới. Nếu sau 6 tháng, Đức chứng tỏ được nhiệt tình với chính quyền, hiểu chính sách, ra sức lao động với công việc quét dọn được chỉ định thì sẽ được thả. Anh ta sẽ được phép trở về gia đình, ở đó anh ta sẽ lao động vì gia đình Đức đã về miền quê. Gia đình Đức đã được thông báo về sự giam giữ và chờ ngày có thể trở về của anh.

Cụu binh nhì Đức cảm thấy biết ơn. Ngượng ngùng trước sự có mặt của bề trên, anh ta lúng túng nói lời cảm ơn và nhận ra rằng, rốt cuộc thì mình vẫn còn ý muốn ham sống. Ngày lại ngày tiếp đó, anh ta chăm chỉ làm công việc người ta giao cho. Đức nói với các tù nhân khác là anh ta có ý định làm đúng theo mệnh lệnh của người trung tá. Đức tỏ ý biết ơn về việc được tạo cho cơ hội làm lại cuộc đời theo như cách nhìn của anh ta đối với bản án.

Vào giữa tháng 8-1975, nhà cầm quyền yêu cầu tôi xuất cảnh khỏi Việt Nam. Tôi không có cách nào theo dõi sự kết thúc câu chuyện có vẻ tốt đẹp ấy. Ngày 3-9-1975, tôi đáp máy bay rời khỏi Việt Nam sau gần 8 năm rưỡi ở tại một đất nước đã uốn nắn tôi và làm tôi rung động.



Sài Gòn – Thành phố Hồ Chí Minh 30 năm sau.